

BUSINESS FORUM MAGAZINE

VIETNAM Business Forum

THE VIETNAM CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY - **VCCI**

VOL.07, NO.8 (1529), APR 15 - 30, 2026
ISSN 1859-0632



VCCI

**KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP,
THÚC ĐẨY HỘI NHẬP VÀ ĐẦU TƯ**

**Connecting Businesses,
Driving Integration and Investment**

**CHUYỂN ĐỔI XANH CÁC KCN - XU HƯỚNG
TẤT YẾU TRONG TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ**

**GREEN TRANSITION OF INDUSTRIAL PARKS -
INEVITABLE TREND IN ECONOMIC RESTRUCTURING**



BILINGUAL



Vietnam Rubber Group

SAI GON VRG

Your trusted partner always



CHO THUÊ ĐẤT VÀ NHÀ XƯỞNG TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

- ✔ VỊ TRÍ HUYẾT MẠCH
- ✔ DIỆN TÍCH ĐA DẠNG
- ✔ HẠ TẦNG HOÀN THIỆN
- ✔ HỖ TRỢ TOÀN DIỆN
- ✔ THỦ TỤC ĐƠN GIẢN
- ✔ SẴN SÀNG VẬN HÀNH

📍 KCN Đông Nam 📍 KCN Lê Minh Xuân 3 📍 KCN Phước Đông 📍 KCN Lộc An - Bình Sơn



(+84) 948 859 999



www.saigonvrg.com.vn



leasing@saigonvrg.com.vn

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ / LEAD AGENCIES



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN / ORGANIZERS



DIỄN ĐÀN KẾT NỐI FDI 2026

FDI CONNECT FORUM 2026

&

GIẢI GOLF

DOANH NHÂN QUỐC TẾ KẾT NỐI FDI 2026

INTERNATIONAL BUSINESS GOLF TOURNAMENT - FDI CONNECT 2026

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN CÁC ĐƠN VỊ TÀI TRỢ

SPECIAL THANKS TO OUR SPONSORS

Tài trợ Kim Cương / Diamond sponsor



Tài trợ Vàng / Gold sponsors



Đồng tài trợ / Co - sponsors



The Industrial Real Estate Developer



DONG PHU YEN INDUSTRIAL CLUSTER - HANOI
41.2 HA



PHU NGHIA INDUSTRIAL PARK - HANOI
170 HA



PHU HA INDUSTRIAL PARK - HANOI
174.8 HA



HOA PHU INDUSTRIAL PARK - BAC NINH
515 HA



PHU SON INDUSTRIAL PARK - PHU THO
213.68 HA



BINH PHU INDUSTRIAL PARK - PHU THO
214.29 HA

Phu My Group is an industrial real estate developer with over 25 years of experience, steadily building its reputation through well-planned, large-scale projects. The industrial parks developed by Phu My are strategically located, offering convenient connectivity to key transportation networks, seaports, and major economic hubs.



25+
YEARS OF
EXPERIENCE



2+
ATTRACTED
USD 2 BILLION
IN INVESTMENT

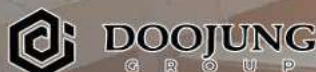


1500+
TOTAL
INDUSTRIAL
LAND AREA



150+
PARTNERS

STRATEGIC PARTNERS



MỤC LỤC

VCCI

- 02 Khởi thông nguồn lực - Kích hoạt sức bật doanh nghiệp
- 04 Unlocking Resources to Drive Business Momentum
- 08 Doanh nghiệp Việt Nam trước “luật chơi xanh” toàn cầu: Từ thích ứng bị động đến kiến tạo lợi thế cạnh tranh
- 10 Vietnamese Enterprises in Global “Green Rules”: From Passive Adaptation to Competitive Advantage
- 12 VCCI: Kết nối cộng đồng doanh nghiệp, thúc đẩy hội nhập và đầu tư
- 15 VCCI: Connecting Businesses, Driving Integration and Investment
- 18 Việt Nam và Mông Cổ thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và logistics
- 19 Vietnam, Mongolia Advance Economic and Logistics Ties

KINH DOANH / BUSINESS

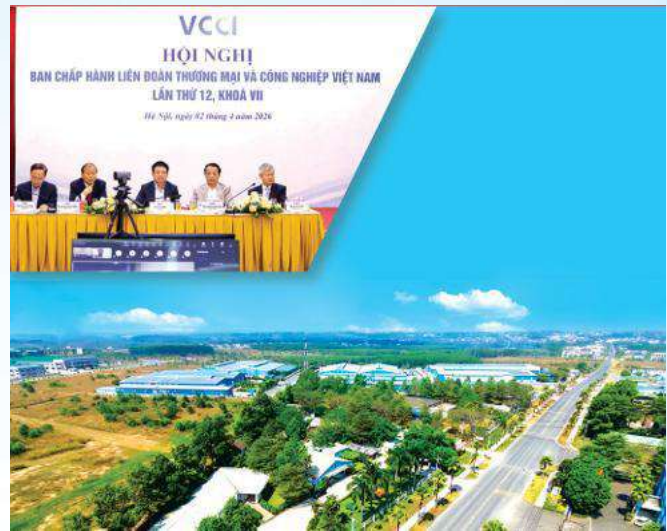
- 20 Thị trường nội địa: Trụ đỡ chiến lược cho tăng trưởng bền vững
- 21 Domestic Market: Strategic Pillar for Sustainable Growth
- 22 Hải quan đẩy mạnh cải cách, giữ thông suốt dòng chảy thương mại
- 23 Siết quản lý thuế trong kinh doanh xăng dầu: Ngăn chặn trực lợi từ biến động giá

POTENTIAL - PHU THO PROVINCE

- 24 Thu hút đầu tư bất phá, tạo đà cho Phú Thọ tăng trưởng hai con số
- 25 Strong Investment Fuels Phu Tho’s Double-Digit Growth
- 26 Mở rộng không gian phát triển du lịch từ kết nối Famtrip quốc tế
- 27 Expanding Tourism Space via Int’l Famtrip Connections

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG / SUSTAINABLE DEVELOPMENT

- 28 Các khu công nghiệp phải dẫn dắt quá trình chuyển đổi xanh và chống chịu với biến đổi khí hậu
- 30 Vietnam’s Industrial Zones Must Lead Transition to Green and Climate-Resilient Economy
- 32 Chuyển đổi xanh các khu công nghiệp: Xu hướng tất yếu trong tái cấu trúc nền kinh tế



Ảnh bìa:

Ảnh nhỏ: Hội nghị Ban chấp hành VCCI lần thứ 12, khóa VII.
Ảnh lớn: KCN Giang Điền đang từng bước khẳng định vị thế là một điểm đến đầu tư chất lượng cao.

- 34 Green Transition of Industrial Parks: Inevitable Trend in Economic Restructuring
- 36 Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế
- 37 Improving Mechanisms and Policies for Development of IPs and EZs
- 39 Chọn lọc dòng vốn FDI chất lượng cao
- 41 Liên kết vùng - khơi thông “mạch máu” hạ tầng công nghiệp
- 43 Boosting Regional Connectivity to Unlock Vietnam’s Industrial Growth
- 44 Các Khu công nghiệp và khu công nghệ cao: Nền tảng tăng trưởng mới cho Đà Nẵng trong chuỗi giá trị toàn cầu
- 45 Industrial Zones and High-Tech Park: Strengthening Da Nang’s New Foundation in Global Value Chain

DOANH NGHIỆP / ENTERPRISE

- 48 KCN Giang Điền: Kiến tạo hệ sinh thái công nghiệp xanh - thông minh - giá trị gia tăng cao
- 50 Giang Dien Industrial Park: Advancing Green, Smart and High Value-Added Industrial Ecosystem
- 52 Khu công nghiệp Phúc Long: Đầu tư hiệu quả - Phát triển bền vững
- 53 Phuc Long Industrial Park: Efficient Investment and Sustainable Development



Chủ tịch VCCI Hồ Sỹ Hùng và các Phó Chủ tịch VCCI tại Hội nghị Ban chấp hành VCCI lần thứ 12, khóa VII

Khơi thông nguồn lực - Kích hoạt sức bật doanh nghiệp

“Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, doanh nghiệp phải trở thành lực lượng xung kích, lớn mạnh hơn, bản lĩnh hơn và sáng tạo hơn. Và để làm được điều đó, điều kiện tiên quyết là các nguồn lực - từ thể chế, chính sách đến vốn, thị trường và môi trường kinh doanh phải được khơi thông một cách đồng bộ, thực chất”.

Đây là khẳng định của Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tại Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 12, khóa VII được tổ chức vừa qua tại Hà Nội. Hội nghị tập trung thảo luận nhiều nội dung quan trọng liên quan đến phát triển cộng đồng doanh nghiệp trong bối cảnh mới, đồng thời xem xét công tác nhân sự và thông qua nghị quyết hội nghị.

Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch VCCI nhấn mạnh, kinh tế toàn cầu đang vận động trong trạng thái bất định, chịu tác động đồng thời của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, chuỗi cung ứng liên tục tái cấu trúc, cùng với biến đổi khí hậu và sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo. Những yếu tố

này tạo áp lực trực tiếp đối với nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam, nhưng đồng thời cũng mở ra những cơ hội mới nếu doanh nghiệp đủ năng lực thích ứng và hành động kịp thời.

“Trong thách thức luôn ẩn chứa cơ hội, khi dòng vốn đầu tư quốc tế đang dịch chuyển mạnh và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mở ra không gian phát triển rộng lớn cho doanh nghiệp Việt Nam...”, ông Hùng nói.

Theo ông, trong bối cảnh đó, quyết tâm chính trị về tăng trưởng cao và phát triển bền vững đang được cụ thể hóa bằng hàng loạt nghị quyết lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân, khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế và hoàn thiện thể chế. Đây là nền tảng quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam bút phá trong giai đoạn tới.

Báo cáo tại hội nghị cho thấy, năm 2025, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 8,02%, quy mô nền kinh tế vượt 500 tỷ USD, kim ngạch xuất nhập khẩu vượt 930 tỷ USD và thặng dư thương mại đạt 21,2 tỷ USD.

Cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận tín hiệu phục hồi rõ nét khi hơn 297.000 doanh nghiệp gia nhập và quay trở lại thị trường, tăng 27,4% so với năm trước. Tuy nhiên, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường vẫn ở mức cao, hơn 227.000 doanh nghiệp, cho thấy sức chống chịu của khu vực doanh nghiệp chưa đồng đều.

Trong bối cảnh đó, VCCI tiếp tục đẩy mạnh vai trò tham gia xây dựng chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Năm 2025, VCCI đã góp ý 446 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tổ



Chủ tịch VCCI Hồ Sỹ Hùng chụp ảnh cùng Thủ tướng Lê Minh Hưng, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc và đại biểu Quốc hội Nguyễn Văn Thân - Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI

Quyết tâm chính trị về tăng trưởng cao và phát triển bền vững chưa bao giờ rõ ràng như hiện nay. Mục tiêu tăng trưởng hai con số đã được đặt ra như một nhiệm vụ trọng tâm và được cụ thể hóa bằng hàng loạt nghị quyết mang tính đột phá.

Trong đó, Nghị quyết 68 về phát triển kinh tế tư nhân được xem là định hướng xuyên suốt, khẳng định vai trò động lực của khu vực này, đồng thời đặt ra yêu cầu xóa bỏ rào cản, định kiến, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch.

Cùng với đó là các nghị quyết về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hội nhập quốc tế; hoàn thiện pháp luật... tạo thành một hệ thống chính sách đồng bộ, mở ra không gian phát triển mới cho doanh nghiệp Việt Nam.

Vấn đề không nằm ở việc thiếu chủ trương, mà nằm ở việc khơi thông các nguồn lực để chính sách đi vào thực tiễn. Khi thể chế chưa thực sự thông suốt, thủ tục còn phức tạp, khả năng tiếp cận vốn, đất đai, thông tin còn hạn chế, thì cơ hội dù có cũng khó chuyển hóa thành tăng trưởng.

Trích phát biểu của Chủ tịch VCCI Hồ Sỹ Hùng tại Hội nghị Ban Chấp hành VCCI lần thứ 12, khóa VII ngày 2/4/2026 tại Hà Nội



chức 52 hội nghị, hội thảo tham vấn chính sách với hơn 5.300 lượt đại biểu tham dự.

Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai với quy mô lớn hơn. VCCI tổ chức 821 khóa đào tạo, tập huấn cho hơn 46.000 lượt doanh nghiệp, tập trung vào quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Hoạt động xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế tiếp tục duy trì đà tăng. Trong năm, VCCI đón 213 đoàn doanh nghiệp nước ngoài và tổ chức 43 đoàn doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường.

Ở góc độ tổ chức, VCCI tiếp tục thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối từ 34 xuống còn 24 đơn vị, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Theo phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 - năm cuối nhiệm kỳ VII và là giai đoạn chuẩn bị cho Đại hội VCCI khóa VIII, VCCI xác định tiếp tục triển khai các nghị quyết lớn của Đảng, trong đó nhấn mạnh phát triển kinh tế tư nhân, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và hoàn thiện pháp luật.

Một số mục tiêu cụ thể được đặt ra gồm: thu hút khoảng 1.000 doanh nghiệp áp dụng Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững; tăng 6% số lượng hội viên; tăng 15% nguồn thu hội phí; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tổ chức các sự kiện quy mô quốc gia.

Trong lĩnh vực thể chế, VCCI sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng góp ý, phản biện chính sách, tham gia cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp sẽ tập trung vào chuyển đổi số, phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và tăng cường kết nối thị trường trong và ngoài nước.

Theo báo cáo của Ban Thường trực, từ nay đến hết nhiệm kỳ, VCCI sẽ tập trung hoàn thành các chỉ tiêu còn lại, đồng thời chuẩn bị toàn diện cho Đại hội khóa VIII, từ tổ chức bộ máy, nhân sự đến phương thức hoạt động. ■

Unlocking Resources to Drive Business Momentum

“As the country enters a new phase of development, enterprises must become a pioneering force, stronger, more resilient, and more innovative. To achieve this, the prerequisite is that resources, from institutions and policies to capital, markets, and the business environment, must be unlocked in a coordinated and practical way.”

This was the view of Dr. Ho Sy Hung, President of the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI), at the 12th Executive Committee Conference of the 7th tenure, recently held in Hanoi. The conference focused on key issues related to the development of the business community in the new context, while also reviewing personnel matters and adopting conference resolutions.

Speaking at the conference, VCCI President Ho Sy Hung said the global economy is facing uncertainty, shaped by strategic competition among major powers, rising trade protectionism, ongoing supply chain restructuring, climate change, and the rapid expansion of artificial intelligence. These factors place direct

pressure on an open economy like Vietnam, while also creating new opportunities if enterprises can adapt and act in time.

“Challenges always contain opportunities, as international investment flows are shifting strongly and new-generation free trade agreements are opening up broad space for Vietnamese enterprises...” Hung said.

According to him, in this context, political determination for high growth and sustainable development is being translated into a series of major resolutions by the Party and the State, particularly those on private sector development, science and technology, international integration, and institutional improvement. This provides an important foundation for Vietnamese enterprises to accelerate in the coming period.

A report at the conference showed that in 2025, Vietnam’s economy grew by 8.02%, with the size of the economy exceeding US\$500 billion, total trade turnover surpassing US\$930 billion, and a trade surplus of US\$21.2 billion.

The business community showed clear signs of recovery, with more than 297,000 enterprises entering or re-entering the market, up 27.4% year-on-year. However, the number of enterprises exiting the market remained high, at more than 227,000, showing uneven resilience across the business sector.

In this context, VCCI continued to strengthen its role in policy development and in improving the investment and business environment. In 2025, VCCI contributed feedback on 446 draft



VCCI will continue implementing key Party resolutions, with a focus on private sector development, innovation, international integration, and improving the legal framework

Political determination for high growth and sustainable development has never been clearer. A double-digit growth target has been set as a central task and is being translated into a series of breakthrough resolutions.

Resolution 68 on private sector development is seen as a consistent direction, confirming the sector's role as a growth driver while calling for the removal of barriers and biases and the creation of a fair and transparent business environment.

Alongside this are resolutions on science and technology, innovation, digital transformation, international integration, and legal framework improvement, forming a coordinated policy system that opens up new development space for Vietnamese enterprises.

The issue is not a lack of direction, but the need to unlock resources so that policies can be put into practice. When institutions are not fully streamlined, procedures remain complex, and access to capital, land, and information is limited, opportunities, even when present, are difficult to turn into growth.

Excerpt from remarks by VCCI President Ho Sy Hung at the 12th VCCI Executive Committee Conference, 7th tenure, April 2, 2026, Hanoi

legal documents and organized 52 conferences and workshops for policy consultation, with more than 5,300 participants.

Business support activities were expanded in scale. VCCI organized 821 training courses for more than 46,000 enterprise participants, focusing on corporate governance, digital transformation, and competitiveness improvement.

VCCI maintained growth momentum in trade promotion and international integration activities. During the year, VCCI received 213 foreign business delegations and organized 43 outbound missions for Vietnamese enterprises to explore cooperation opportunities and expand markets.

From an organizational perspective, VCCI continued to streamline its structure, reducing units from 34 to 24 and gradually improving operational effectiveness and efficiency.

For 2026, the final year of the 7th tenure and a preparation period for the 8th VCCI Congress, VCCI will continue implementing major Party resolutions, focusing on private sector development, innovation, international integration, and legal framework improvement.

Specific targets include attracting around 1,000 enterprises to adopt the Corporate Sustainability Index (CSI); increasing membership by 6%; implementing programs to enhance enterprise competitiveness; and organizing national-scale events.

In the institutional area, VCCI will continue improving the quality of policy feedback and review, participating in administrative procedure reform, and promoting a more transparent and business-friendly environment.

Business support activities will focus on digital transformation, sustainable development, workforce training, support for small and medium-sized enterprises, and strengthening market linkages both at home and abroad.

According to the Standing Committee's report, from now until the end of the tenure, VCCI will focus on completing the remaining targets while preparing comprehensively for the 8th Congress, covering organizational structure, personnel, and operational methods.

VCCI - Điểm tựa của cộng đồng doanh nghiệp trên hành trình vươn ra “biển lớn”

ÔNG NGUYỄN HOÀNG - ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH VCCI, CHỦ TỊCH HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ HÀ NỘI (HANSIBA), CHỦ TỊCH TẬP ĐOÀN N&G GROUP VIỆT NAM

Trải qua 63 năm hình thành và phát triển, VCCI đã khẳng định vai trò là tổ chức đại diện quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam. Không chỉ là cầu nối giữa doanh nghiệp với Đảng, Nhà nước, VCCI còn tích cực tham gia phân biện chính sách, kiến nghị và đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trước mắt cũng như những vấn đề trung và dài hạn, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển và đóng góp hiệu quả vào nền kinh tế.



Trong bối cảnh mới, khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển với nhiều cơ hội và thách thức đan xen, VCCI sẽ tiếp tục giữ vai trò nòng cốt đối với cộng đồng doanh nghiệp trong việc thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Dù phải đối mặt với không ít khó khăn trong nhiệm kỳ vừa qua, VCCI vẫn kiên định đồng hành cùng doanh nghiệp, hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc và thúc đẩy hoàn thiện chính sách, các thủ tục hành chính gây bất cập trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hướng tới nhiệm kỳ 2026 - 2031, VCCI được kỳ vọng tiếp tục giữ vai trò tiên phong, không chỉ là tổ chức đại diện mà còn là điểm tựa vững chắc và là “đầu tàu” dẫn dắt cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam vươn ra “biển lớn”. Với hơn một triệu doanh nghiệp và còn tiếp tục gia tăng, VCCI sẽ phát huy vai trò kết nối, đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng linh hoạt với bối cảnh mới và từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

Phát huy truyền thống hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, VCCI cần có bước chuyển mình lên tầm cao mới để đáp ứng kỳ vọng của doanh nghiệp Việt Nam và đặc biệt là “mệnh lệnh” phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới, với con số tăng trưởng cụ thể 2 con số của Đảng - Nhà nước. VCCI phải hiện đại hóa để cùng doanh nghiệp Việt Nam khẳng định vị thế trên trường quốc tế, đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, thu nhập cao để hướng đến 100 năm thành lập của đất nước.

VCCI as a support base for Vietnamese enterprises to go global

NGUYEN HOANG, VCCI EXECUTIVE COMMITTEE MEMBER, CHAIRMAN OF HANOI SUPPORTING INDUSTRIES BUSINESS ASSOCIATION (HANSIBA), CHAIRMAN OF N&G GROUP VIETNAM

Over 63 years of development, VCCI has affirmed its role as an important representative organization for Vietnamese enterprises and entrepreneurs. Beyond serving as a bridge between businesses and the Party and the State, VCCI has also taken part in policy feedback, making recommendations and proposing solutions to address both immediate difficulties and medium- and long-term issues, creating conditions for businesses to develop and contribute effectively to the economy.

In the current context, as Vietnam enters a development phase marked by both opportunities and challenges, VCCI is expected to continue playing a key role in supporting the business community



in promoting growth, improving competitiveness, and advancing international integration. Despite facing considerable difficulties in the recent term, VCCI has continued to stand with enterprises, helping to resolve obstacles and contributing to policy improvement as well as addressing administrative procedures that create barriers in business operations.

Towards the 2026-2031 term, VCCI is expected to continue serving as a leading organization, not only as a representative body but also as a solid support base and a driving force guiding Vietnamese enterprises toward global expansion. With more than one million enterprises and continuing growth, VCCI will strengthen its role in connecting, supporting, and accompanying businesses in improving competitiveness, adapting flexibly to new conditions, and gradually entering international markets.

Building on more than 60 years of development, VCCI needs to move to a new level to meet the expectations of Vietnamese enterprises and, in particular, the development requirements of Vietnam in the new era, including the State's targeted double-digit growth. VCCI must modernize to support Vietnamese enterprises in affirming their position on the global stage, contributing to fast and sustainable development, higher income, and progress toward the country's 100-year milestone.

An ninh năng lượng và nguồn nguyên liệu là nền tảng cho sản xuất bền vững

ÔNG TRẦN VIỆT ANH - ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH VCCI, CHỦ TỊCH HĐQT TỔNG CÔNG TY NAM THÁI SON



Hiện nay là giai đoạn đang căng thẳng về năng lượng, và điều này đang tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Không chỉ là chi phí tăng, mà quan trọng hơn là sự thiếu ổn định của nguồn cung, khiến nhiều doanh nghiệp rơi vào thế bị động.

Đặc biệt, nguy cơ thiếu nguyên liệu đang hiện hữu ở nhiều ngành như nhựa, phân bón, thức ăn gia

súc... Nhiều hợp đồng của doanh nghiệp đã phải hủy bỏ vì lý do bất khả kháng, đơn giản là không có hàng để cung ứng, hoặc giá nguyên liệu tăng quá cao khiến doanh nghiệp không thể thực hiện cam kết. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến từng doanh nghiệp mà còn tác động đến toàn bộ chuỗi sản xuất, cung ứng.

Trong bối cảnh đó, tôi cho rằng VCCI cần có những khuyến nghị mạnh mẽ với Chính phủ để không xảy ra tình trạng doanh nghiệp thiếu nguyên liệu đầu vào. Đây là yếu tố mang tính sống còn đối với sản xuất.

Chính phủ cần có vai trò điều tiết thị trường, thậm chí có những biện pháp can thiệp cần thiết trong những thời điểm nhạy cảm, nhằm ổn định nguồn cung, kiểm soát chi phí đầu vào và hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất.

Về lâu dài, cần có giải pháp bảo đảm an ninh năng lượng, đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu và giảm phụ thuộc vào bên ngoài. Nếu những vấn đề này không được xử lý kịp thời, mục tiêu tăng trưởng hai con số sẽ gặp rất nhiều thách thức. Ngược lại, khi nguồn cung được bảo đảm, doanh nghiệp sẽ có điều kiện phục hồi và đóng góp tích cực hơn cho tăng trưởng của nền kinh tế.

Energy security and raw materials are the foundation of sustainable production

TRAN VIET ANH, VCCI EXECUTIVE COMMITTEE MEMBER AND CHAIRMAN OF NAM THAI SON GROUP

The current period is marked by growing pressure on energy, which is having a significant impact on business and production activities. Beyond rising costs, the more serious issue is the instability of supply, leaving many enterprises in a reactive position.

In particular, the risk of raw material shortages is becoming clear in sectors such as plastics, fertilizers, and animal feed. Many business contracts have had to be canceled due to force majeure, simply because there are no goods to supply, or because input prices have risen so sharply that companies cannot fulfill their commitments. This affects not only individual firms but also the entire production and supply chain.

In this context, VCCI should make strong recommendations to the Government to prevent shortages of input materials. This is a matter of survival for production.

The Government needs to play a role in regulating the market, including necessary interventions at sensitive times, to stabilize supply, control input costs, and support enterprises in maintaining production.

Over the long term, solutions are needed to ensure energy security, diversify sources of raw materials, and reduce reliance on external sources. If these issues are not addressed in a timely manner, the goal of double-digit growth will face serious challenges. Conversely, when supply is secured, businesses will be better positioned to recover and contribute more effectively to economic growth.

Cần tập trung tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn thể chế

ÔNG ĐỖ VĂN VÊ - ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH VCCI, CHỦ TỊCH HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN



Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 02 con số, trước hết chúng ta phải tập trung tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn về mặt thể chế. Nếu cơ chế, chính sách và đặc biệt là khâu thực thi thực tế không được xử lý một cách triệt để thì rất khó có thể tạo ra được những bước tăng trưởng bứt phá mạnh mẽ. Đây là vấn đề mang tính căn cơ, cốt lõi, cần được nhìn nhận và xử lý một cách đồng bộ, nhất quán từ cấp Trung ương đến các cấp địa phương.

Cùng với đó, cần phải bảo đảm vững chắc các yếu tố đầu vào thiết yếu của nền kinh tế như nguồn điện, đất đai và hệ thống cơ sở hạ tầng; đồng thời phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân - vốn là động lực chủ lực của sự tăng trưởng. Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng nâng cao năng suất lao động dựa trên nền tảng khoa học công nghệ hiện đại và tiến trình chuyển đổi số.

Một vấn đề quan trọng khác là phải khơi thông hiệu quả dòng vốn cho nền kinh tế, giúp các cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực tài chính một cách thuận lợi hơn. Điều này sẽ góp phần giảm bớt chi phí và tăng cường khả năng phục hồi, tạo điều kiện để

doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay.

Về các giải pháp cụ thể, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế theo hướng đồng bộ, minh bạch; thực hiện cải cách một cách thực chất các thủ tục hành chính; tập trung tháo gỡ khó khăn về đất đai; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý. Đồng thời, cần thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý kiến nghị của doanh nghiệp một cách minh bạch, hiệu quả.

Nếu các nút thắt thể chế được khai thông, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện thực chất, tôi tin rằng các doanh nghiệp Việt Nam hoàn toàn có thể bứt phá mạnh mẽ và phát triển bền vững trong thời gian tới.

Institutional bottlenecks must be addressed thoroughly

DO VAN VE, VCCI EXECUTIVE COMMITTEE MEMBER AND CHAIRMAN OF THE HUNG YEN BUSINESS ASSOCIATION

To achieve double-digit economic growth, the priority is to fully remove institutional bottlenecks. If mechanisms, policies, and especially implementation are not handled thoroughly, it will be difficult to achieve breakthrough growth. This is a fundamental issue that requires consistent and coordinated action from the central to local levels.

At the same time, it is necessary to ensure essential inputs for the economy such as electricity, land, and infrastructure, while strongly developing the private sector, which serves as the main driver of growth. In addition, labor productivity needs to be improved based on modern science and technology and the ongoing process of digital transformation.

Another important issue is to effectively unlock capital flows for the economy, enabling the business community to access financial resources more easily. This will help reduce costs and strengthen resilience, creating conditions for enterprises to expand production and business activities in a challenging market environment.

In terms of specific solutions, it is necessary to continue improving institutions in a consistent and transparent manner; carry out meaningful administrative reforms; focus on resolving land-related difficulties; and support businesses in accessing capital at reasonable costs. At the same time, it is important to promote innovation, digital transformation, and build mechanisms to receive and address business feedback in a transparent and effective way.

If institutional bottlenecks are removed and the business environment is genuinely improved, Vietnamese enterprises can achieve strong breakthroughs and develop sustainably in the coming period.

Doanh nhân kiến tạo phải là lực lượng dẫn dắt đổi mới và gia tăng giá trị thực

ÔNG NGÔ BÁ ĐỨC - PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC KIỂM TỔNG THỦ KÝ HỘI MỸ NGHỆ KIM HOÀN ĐÁ QUÝ TP. HẢI PHÒNG

Sau gần bốn thập niên đổi mới, cộng đồng doanh nhân Việt Nam đã trưởng thành rõ rệt cả về quy mô lẫn chất lượng, nhưng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới đòi hỏi một bước chuyển mạnh mẽ hơn từ “doanh nhân kinh doanh” sang “doanh nhân kiến tạo”. Đây không chỉ là sự thay đổi về cách tiếp cận thị trường, mà là

chuyển dịch về tư duy phát triển, lấy đổi mới sáng tạo, giá trị gia tăng và tính bền vững làm trụ cột.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VCCI đã giữ vai trò nòng cốt trong việc kiến tạo môi trường kinh doanh, từ tham gia phân biện chính sách, cải thiện môi trường đầu tư đến kết nối doanh nghiệp với thị trường quốc tế. Trong giai đoạn mới, vai trò này cần được đẩy mạnh theo hướng thực chất hơn, đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số và tiêu chuẩn hóa để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đối với ngành mỹ nghệ kim hoàn đá quý, thách thức không chỉ đến từ thị trường mà còn nằm ở năng lực thiết kế, công nghệ chế tác và xây dựng thương hiệu. Nếu chỉ dừng ở gia công hoặc khai thác giá trị truyền thống, doanh nghiệp sẽ khó tạo ra lợi thế cạnh tranh dài hạn. Vì vậy, doanh nhân trong ngành cần chủ động đầu tư vào sáng tạo, công nghệ và minh bạch hóa nguồn gốc sản phẩm, qua đó nâng cao giá trị và vị thế của ngành trên thị trường quốc tế.

Doanh nhân kiến tạo, xét đến cùng, không chỉ tạo ra lợi nhuận mà phải tạo ra giá trị mới cho nền kinh tế. Khi mỗi doanh nghiệp trở thành một trung tâm đổi mới, nền kinh tế sẽ có thêm động lực để phát triển nhanh và bền vững hơn.

Entrepreneurs must lead innovation and create real value

NGO BA DUC, STANDING VICE CHAIRMAN AND SECRETARY GENERAL OF THE HAI PHONG GEMSTONES JEWELRY AND ART CRAFT ASSOCIATION

After nearly four decades of reforms, Vietnam's business community has grown significantly in both scale and quality, yet the demands of a new development phase require a stronger shift from traditional business entrepreneurs to innovation-driven entrepreneurs. This is not only a change in market approach, but a shift in development thinking, with innovation, value creation, and sustainability as core pillars.

Throughout its development, VCCI has played a central role in shaping the business environment, from providing policy feedback and improving the investment climate to connecting businesses with international markets. In the new phase, this role needs to be strengthened in a more practical way, particularly in supporting enterprises to improve governance capacity, digital transformation, and standardization to participate more deeply in global value chains.

For the gem and jewelry sector, challenges come not only from the market but also from design capacity, production technology, and brand building. If businesses remain limited to processing or relying on traditional value, they will find it difficult to build long-term competitive advantages. Therefore, entrepreneurs in the sector need to take the initiative in investing in creativity, technology, and product origin transparency, thereby raising the industry's value and position in international markets.

Ultimately, innovation-driven entrepreneurs must not only generate profits but also create new value for the economy. When each enterprise becomes a center of innovation, the economy will gain stronger momentum for faster and more sustainable growth. ■



DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRƯỚC “LUẬT CHƠI XANH” TOÀN CẦU

Từ thích ứng bị động đến kiến tạo lợi thế cạnh tranh

Trong bối cảnh ESG đang trở thành chuẩn mực toàn cầu, doanh nghiệp Việt Nam không thể chỉ là nhà sản xuất chi phí thấp, mà phải trở thành đối tác có trách nhiệm trong chuỗi giá trị toàn cầu. Chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và quản trị minh bạch sẽ quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong thập kỷ tới. Xung quanh nội dung này, phóng viên đã có cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Quang Vinh – Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD).



Thưa ông, trong bối cảnh thế giới đang đổi mới với tình hình biến đổi khí hậu, đứt gãy chuỗi cung ứng và các tiêu chuẩn ESG ngày càng khắt khe, vai trò của doanh nghiệp Việt Nam đang được định hình lại như thế nào?

Có thể nói, nền kinh tế toàn cầu đang vận hành trong một “trạng thái mới”. Theo World Economic Forum, tổng tài sản đầu tư bền vững toàn cầu đã vượt 35 nghìn tỷ USD, phản ánh sự dịch chuyển mang tính cấu trúc của dòng vốn. Không chỉ vậy, ESG đang tái định hình toàn bộ hành vi của doanh nghiệp. Theo OECD, năm 2024, có 91% doanh nghiệp niêm yết (theo vốn hóa thị trường) đã công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững, tăng mạnh so với 86% năm 2022. Điều này cho thấy ESG đã trở thành một chuẩn mực phổ quát, chứ không còn là xu hướng tự nguyện.

Trong bối cảnh đó, vai trò của doanh nghiệp Việt Nam đang được tái định vị. Chúng ta là nước hội nhập sâu rộng vào kinh tế khu vực và thế giới với mô hình hoạt động dịch chuyển từ gia công, hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng thấp sang nâng cao giá trị gia tăng, tăng cường vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, không chỉ là nhà sản xuất chi phí thấp, mà phải trở thành đối tác có trách nhiệm trong hệ sinh thái toàn cầu. Doanh nghiệp Việt cần đầu tư vào công nghệ sạch, quản trị minh bạch với lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu mới và sản xuất bền vững dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để gia nhập sâu rộng hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu. Mặt khác, doanh nghiệp cũng đang trở thành chủ thể hiện thực hóa các cam kết quốc gia về tăng trưởng xanh. Các mục tiêu về phát thải ròng bằng “0” hay chuyển đổi năng lượng chỉ có thể đạt được khi được triển khai trong thực tiễn sản xuất – nơi doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm. Nói cách khác, doanh nghiệp không còn là

đối tượng thụ hưởng chính sách, mà là đối tác đồng hành trong quá trình thực thi.

Bên cạnh đó, tư duy phát triển đang chuyển từ tuân thủ sang tạo giá trị. ESG không còn là chi phí, mà còn là công cụ hỗ trợ doanh nghiệp quản trị rủi ro, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng chống chịu trước các sự kiện bất khả kháng nói chung, các cú sốc kinh tế và chuỗi cung ứng nói riêng. Vai trò của doanh nghiệp cũng đang mở rộng ra toàn chuỗi giá trị. Các yêu cầu quốc tế buộc doanh nghiệp lớn phải dẫn dắt hệ sinh thái, đồng hành cùng các nhà cung cấp cùng nâng cao tiêu chuẩn, qua đó hình thành các chuỗi cung ứng bền vững mang tính liên kết cao hơn.

Từ thực tiễn, ông đánh giá thế nào về mức độ chuyển đổi ESG tại Việt Nam, và điều gì đang cản trở quá trình này?

Việt Nam đã có những bước tiến đáng ghi nhận về nhận thức. Theo báo cáo ESG Progress Tracker Report năm 2025 của PwC, 89% doanh nghiệp tại Việt Nam được khảo sát đã có cam kết hoặc kế hoạch triển khai ESG trong 2 - 4 năm tới. Đây là một tín hiệu rất tích cực. Tuy nhiên, khoảng cách giữa cam kết và thực thi vẫn còn đáng kể.

Một trong những rào cản lớn nhất là tài chính và năng lực triển khai. Theo các thống kê quốc tế thực hiện bởi Reuters, 36% nhà quản lý cho biết thiếu nguồn lực tài chính để đạt mục tiêu bền vững, và 39% cho rằng thiếu kỹ năng nội bộ. Điều này đặc biệt đúng với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

Ngoài ra, sự phức tạp của hệ sinh thái ESG cũng là một thách thức lớn. Hiện có hàng trăm khung tiêu chuẩn khác nhau, và thị

trường dữ liệu ESG đang tăng trưởng nhanh với tốc độ khoảng 23%/năm, quy mô vượt 1,5 tỷ USD. Tuy nhiên, sự thiếu đồng nhất của dữ liệu và tiêu chuẩn lại khiến doanh nghiệp khó triển khai một cách hiệu quả.

Ở cấp độ toàn cầu, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng yếu tố vĩ mô như lạm phát và bất ổn tài chính có thể làm chậm dòng vốn ESG, đặc biệt tại các nền kinh tế mới nổi. Điều này lý giải vì sao dù áp lực lớn, tốc độ chuyển đổi vẫn chưa tương xứng.

Tại Việt Nam, thách thức còn nằm ở khoảng cách chính sách – thực thi. Báo cáo của PwC cũng chỉ ra rằng Việt Nam có thể chỉ đạt 38% mức giảm phát thải vào năm 2030, thấp hơn mục tiêu cam kết 43,5%. Chúng ta đã đi nhanh về nhận thức, nhưng vẫn đang “đi chậm” trong hành động.

VCCI đang ưu tiên những giải pháp nào để giúp doanh nghiệp triển khai ESG hiệu quả hơn, thưa ông?

Chúng tôi tiếp cận vấn đề theo hướng hệ sinh thái.

Trước hết là công cụ quản trị. Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (Bộ chỉ số CSI) được VCCI chủ trì xây dựng để giúp doanh nghiệp “chuyển ngữ” ESG thành các chỉ tiêu cụ thể, phù hợp với trình độ phát triển doanh nghiệp và bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đặc biệt hơn nữa, từ năm 2025 Bộ chỉ số CSI dành cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ cũng đã được giới thiệu, giúp nhóm doanh nghiệp này dần tiếp cận từng bước về ESG. Việc xây dựng bộ công cụ là Bộ chỉ số CSI phản ánh được nội hàm ESG của Việt Nam cùng tính chất đơn giản về cấu trúc, dễ hiểu về nội dung và dễ áp dụng với các loại hình doanh nghiệp là rất cần thiết..

Thứ hai là nâng cao năng lực triển khai. ESG không thể thành công nếu chỉ dừng ở cấp chiến lược. Chúng tôi tập trung vào đào tạo thực hành, giúp doanh nghiệp xây dựng lộ trình cụ thể.

Thứ ba là thúc đẩy tài chính xanh. OECD cho thấy các nhà đầu tư tổ chức hiện nắm giữ khoảng 47% tổng vốn cổ phần toàn cầu, và đóng vai trò quyết định trong phân bổ vốn cho các hoạt động bền vững. Vì vậy, kết nối doanh nghiệp với dòng vốn này là ưu tiên quan trọng.

Thứ tư là hoàn thiện khung chính sách. Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể với Luật Bảo vệ môi trường 2020, thị trường carbon thí điểm, và các chiến lược tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, cần tiếp tục cải thiện tính đồng bộ và khả thi.

Trong 5-10 năm tới, đâu là những trụ cột quan trọng nhất để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh?

Tôi cho rằng trong 5 - 10 năm tới, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam sẽ không còn được quyết định bởi chi phí lao động hay lợi thế tài nguyên, mà sẽ được định hình bởi khả năng thích ứng với những chuyển dịch mang tính cấu trúc của kinh tế toàn cầu.

Các nghiên cứu quốc tế gần đây cho thấy, thế giới đang bước vào một giai đoạn tái cấu trúc sâu rộng. Báo cáo The State of Organizations 2026 của McKinsey chỉ ra rằng ba lực đẩy mang tính “kiến tạo lại” (tectonic forces) đang đồng thời tác động đến mọi tổ chức, bao gồm: đột phá công nghệ (đặc biệt là AI), bất định kinh tế -



VCCI tổ chức Lễ phát động Diễn đàn năng lượng và môi trường thế giới - Việt Nam 2026 và bình xét vinh danh “Năng lượng và môi trường xanh bền vững tại Việt Nam”

địa chính trị, và sự thay đổi trong kỳ vọng của lực lượng lao động. Đây không phải là những xu hướng ngắn hạn, mà là những biến đổi nền tảng buộc doanh nghiệp phải tái định nghĩa cách tạo ra giá trị.

Trong bối cảnh đó, tôi cho rằng có 4 trụ cột chiến lược mà doanh nghiệp Việt Nam cần tập trung.

Thứ nhất, đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi xanh và chuyển đổi số. Theo McKinsey, việc tích hợp AI và dữ liệu đang tái cấu trúc toàn bộ cách thức vận hành của tổ chức. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, điều này đồng nghĩa với việc phải tối ưu hóa năng lượng đến thiết kế sản phẩm bền vững.

Thứ hai, phát triển mô hình tổ chức linh hoạt và lấy con người làm trung tâm. Một trong những thay đổi sâu sắc nhất hiện nay là sự chuyển dịch trong kỳ vọng của người lao động. Các mô hình làm việc mới, cùng với sự thay đổi về nhân khẩu học và giá trị nghề nghiệp, đang buộc doanh nghiệp phải vượt qua các cấu trúc tổ chức truyền thống. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi xanh, khi nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, ESG hay công nghệ sạch vẫn còn thiếu hụt.

Thứ ba, xây dựng chuỗi giá trị bền vững và có khả năng chống chịu. Các quy định mới từ Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và các thị trường phát triển đang chuyển trọng tâm từ doanh nghiệp đơn lẻ sang toàn bộ chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp Việt Nam muốn tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu buộc phải đáp ứng các tiêu chuẩn về phát thải, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm xã hội trên toàn chuỗi.

Thứ tư, tiếp cận và huy động tài chính xanh. Các tổ chức quốc tế đều nhấn mạnh rằng chi phí vốn sẽ ngày càng ưu ái các doanh nghiệp có chiến lược ESG rõ ràng và minh bạch.

Tuy nhiên, nếu nhìn sâu hơn, các trụ cột này không tồn tại độc lập, mà gắn kết trong một chuyển dịch lớn hơn: từ mô hình doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu quả ngắn hạn sang mô hình tạo giá trị dài hạn dựa trên công nghệ, con người và trách nhiệm xã hội.

Trong lịch sử phát triển kinh tế, mỗi giai đoạn chuyển đổi đều tạo ra những “người dẫn đầu mới”. Việt Nam đang đứng trước một “cửa sổ cơ hội” như vậy. Nếu doanh nghiệp Việt Nam chủ động nắm bắt các xu hướng toàn cầu, tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do và đầu tư nghiêm túc vào chuyển đổi xanh, chúng ta hoàn toàn có thể không chỉ theo kịp, mà còn định vị lại vai trò của mình trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Trân trọng cảm ơn ông!

VIETNAMESE ENTERPRISES IN GLOBAL “GREEN RULES”

From Passive Adaptation to Competitive Advantage

In a context where environmental, social, and governance (ESG) has become a global standard, Vietnamese enterprises can no longer remain low-cost manufacturers. They must become responsible partners in global value chains. Green transition, innovation, and transparent governance will define the competitiveness of Vietnamese businesses in the next decade. On this issue, our reporter interviewed Nguyen Quang Vinh, Vice President of the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) and Chairman of the Vietnam Business Council for Sustainable Development (VBCSD).

Amid climate change, supply chain disruptions, and increasingly stringent ESG standards, how is the role of Vietnamese enterprises changing?

It can be said that the global economy is operating in a “new phase.” According to the World Economic Forum, global sustainable investment assets have exceeded US\$35 trillion, reflecting a structural shift in capital flows. ESG is also reshaping corporate behavior. According to the OECD, in 2024, 91% of listed companies (by market capitalization) disclosed sustainability-related information, up from 86% in 2022. This shows that ESG has become a universal standard rather than a voluntary trend.

In this context, the role of Vietnamese enterprises is being repositioned. Vietnam is deeply integrated into the regional and global economy, with a development model shifting from low value-added outsourcing toward higher value-added production and a stronger position in global value chains. Enterprises must become responsible partners in the global ecosystem, not only low-

cost producers. They need to invest in clean technologies, transparent governance, and a skilled workforce that meets new requirements, while advancing science, technology, and innovation to integrate more deeply into global value chains.

At the same time, enterprises are becoming key actors in implementing national commitments on green growth. Targets such as net-zero emissions and energy transition can only be achieved through production, where businesses play a central role. In other words, enterprises are no longer just policy beneficiaries but partners in policy implementation.

In addition, the development mindset is shifting from compliance to value creation. ESG is no longer a cost but a tool that helps enterprises manage risks, improve competitiveness, and strengthen resilience against shocks, including economic and supply chain disruptions. Enterprises are also expanding their role across entire value chains. International requirements are pushing large firms to lead ecosystems and work with suppliers to raise standards, forming more interconnected and sustainable supply chains.

From practice, how do you assess ESG transition in Vietnam, and what is holding back the process?

Vietnam has made notable progress in awareness. According to PwC’s ESG Progress Tracker Report 2025, 89% of surveyed enterprises in Vietnam have ESG commitments or implementation plans for the next two to four years. This is a very positive signal. However, there remains a significant gap between commitment and implementation.

One of the biggest barriers is finance and implementation capacity. According to international statistics by Reuters, 36% of managers cite a lack of financial resources to achieve sustainability goals, while 39% point to insufficient internal skills. This is especially true for small and medium-sized enterprises in Vietnam.

In addition, the complexity of the ESG ecosystem is another major challenge. There are currently hundreds of different standards, and the ESG data market is growing rapidly at about 23% per year, exceeding US\$1.5 billion. However, the lack of standardized data and frameworks makes effective implementation difficult.

Vietnam Business Council for Sustainable Development (VBCSD)



Sustainable Business,
Prosperous Societies

Address: 4th floor, VCCI building, 9 Dao Duy Anh, Hanoi | Tel: 024 3577 2700 | Website: vbcسد.vn



The CSI program has become a hallmark of sustainable business transformation, helping enterprises apply ESG through practical indicators aligned with Vietnam’s development context

At the global level, macro factors such as inflation and financial instability can also slow ESG capital flows, particularly in emerging economies. This explains why, despite strong pressure, the pace of transition has not fully matched expectations.

In Vietnam, the gap between policy and implementation remains a challenge. PwC also indicates that Vietnam may achieve only 38% of its emissions reduction target by 2030, below the committed 43.5%. Awareness has advanced quickly, but action remains slower.

What solutions is VCCI prioritizing to help enterprises implement ESG more effectively?

We approach this from an ecosystem perspective.

First are governance tools. The Corporate Sustainability Index (CSI), developed by VCCI, helps enterprises translate ESG into concrete indicators aligned with Vietnam’s development level and socio-economic context. From 2025, the CSI for small and micro enterprises has also been introduced, helping these firms gradually approach ESG. Building a CSI framework that reflects Vietnam’s ESG content, with a simple structure and easy application, is essential.

Second is capacity building for implementation. ESG cannot succeed if it remains at the strategic level. We focus on practical training to help enterprises build concrete roadmaps.

Third is promoting green finance. OECD data shows that institutional investors currently hold about 47% of global equity capital and play a decisive role in allocating capital for sustainable activities. Therefore, connecting enterprises to this capital flow is a key priority.

Fourth is improving the policy framework. Vietnam has made progress with the 2020 Law on Environmental Protection, a pilot carbon market, and green growth strategies. However, further improvements are needed in consistency and feasibility.

In the next 5-10 years, what are the key pillars for improving the competitiveness of Vietnamese enterprises?

I believe that in the next 5-10 years, the competitiveness of Vietnamese enterprises will no longer be determined by labor costs or resource advantages, but by their ability to adapt to structural shifts in the global economy.

Recent international research shows that the world is entering a

period of deep restructuring. McKinsey’s The State of Organizations 2026 report identifies three major forces reshaping organizations: technological breakthroughs (especially AI), economic and geopolitical uncertainty, and changing workforce expectations. These are not short-term trends but fundamental shifts that require enterprises to redefine value creation.

In this context, I see four strategic pillars for Vietnamese enterprises.

First is innovation linked to green and digital transformation. According to McKinsey, the integration of AI and data is reshaping how organizations operate. For Vietnamese enterprises, this means optimizing energy use and designing sustainable products.

Second is developing flexible, people-centered organizational models. One of the most profound changes is the shift in workforce expectations. New working models, along with demographic and occupational value changes, are pushing enterprises beyond traditional organizational structures. This is especially important in the green transition, where high-quality human resources in renewable energy, ESG, and clean technology remain in short supply.

Third is building sustainable and resilient value chains. New regulations from the European Union, the United States, and other developed markets are shifting focus from individual firms to entire supply chains. Vietnamese enterprises seeking deeper participation in global value chains must comply with emissions, traceability, and social responsibility standards across the entire chain.

Fourth is accessing and mobilizing green finance. International institutions consistently emphasize that capital costs will increasingly favor enterprises with clear and transparent ESG strategies.

However, these pillars are interconnected within a broader shift: from optimizing short-term efficiency to a long-term value creation model based on technology, people, and social responsibility.

In the history of economic development, each transition creates new leaders. Vietnam is standing before such a window of opportunity. If Vietnamese enterprises proactively capture global trends, leverage free trade agreements, and invest seriously in green transformation, they can not only keep pace but also redefine their position in global value chains.

Thank you very much!

VCCI

Kết nối cộng đồng doanh nghiệp, thúc đẩy hội nhập và đầu tư



Với vai trò là tổ chức quốc gia đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, VCCI luôn nỗ lực đẩy mạnh xây dựng đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp tương xứng với yêu cầu của một quốc gia phát triển, văn minh, hiện đại, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mức 2 con số trong giai đoạn phát triển mới. Đây là những chia sẻ của ông **Hoàng Quang Phòng** - Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhân kỷ niệm 63 năm Ngày thành lập VCCI (27/4/1963 - 27/4/2026).

LAN ANH

Nhìn lại chặng đường 40 năm đổi mới, ông đánh giá như thế nào về sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, cả về quy mô lẫn chất lượng?

Sau 40 năm đổi mới, các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ phát triển lớn mạnh về số lượng mà cả về chất lượng. Từ nền kinh tế thiếu thốn, lạm phát cao, cơ chế phân bổ không hợp lý, Việt Nam đã dựng lại “mạch máu thị trường”, mở cửa hội nhập, hình thành khu vực kinh tế tư nhân năng động và tạo ra một mặt bằng phát triển mới.

Năm 2025, tăng trưởng GDP đạt 8,02%, quy mô nền kinh tế tăng từ 346 tỷ USD (năm 2020) lên 514 tỷ USD; GDP bình quân đầu người đạt hơn 5.000 USD - những con số đủ để thấy Việt Nam đã bước ra khỏi “ngưỡng sinh tồn” và đi vào giai đoạn tích lũy cho bứt phá.

Giai đoạn phát triển mới của kinh tế đang đặt ra những đòi hỏi khác. Không chỉ là tăng trưởng nhanh, mà là tăng trưởng có chất lượng, dựa trên năng suất, đổi mới sáng tạo, kỷ luật tài khóa và một bộ máy thực thi đủ năng lực. Trong bối cảnh đó, đội ngũ doanh nghiệp đóng vai trò then chốt, là lực lượng trực tiếp tạo ra của cải, việc làm và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Một cộng đồng doanh nghiệp lớn mạnh, năng động và có khả năng thích ứng sẽ là nền tảng quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển dài hạn. Để hướng tới mục tiêu tăng trưởng 2 con số, nền kinh tế Việt Nam cần thêm nhiều nguồn lực, nhưng quan trọng hơn vẫn là một đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp bản lĩnh vững vàng để vượt qua những biến động khó lường hiện nay.

Đặc biệt, Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc định hướng phát triển đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết khẳng định vai trò trung tâm của doanh nhân trong nền kinh tế, đồng thời tạo động lực thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh và đề cao đạo đức, văn hóa kinh doanh sẽ giúp hình thành đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, bản lĩnh, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững.

Thực tế cho thấy, quy mô khu vực doanh nghiệp Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc. Không chỉ gia tăng về lượng, nhiều doanh nghiệp đã mở rộng quy mô, nâng cao năng lực quản trị và từng bước khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế. Tiêu biểu như Viettel đã đầu tư tại nhiều quốc gia, FPT Corporation cung cấp dịch vụ công nghệ trên toàn cầu, hay Vingroup phát triển các lĩnh vực công nghiệp - công nghệ với tầm nhìn quốc tế. Bên cạnh đó, THACO, TH Group, TBS Group cùng nhiều doanh nghiệp khác cũng đang mở rộng hoạt động, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và từng bước khẳng định thương hiệu Việt trên thị trường quốc tế. Nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, logistics, ... cũng đang tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, từng



Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam là kênh đối thoại thường niên giữa Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp. Sự kiện do Bộ Tài chính, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Tài chính quốc tế và Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam đồng tổ chức. Chủ tịch VCCI Hồ Sỹ Hùng giữ vai trò đồng Chủ tịch Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

bước nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy vậy, khu vực doanh nghiệp vẫn chủ yếu là nhỏ và vừa, đòi hỏi tiếp tục được hỗ trợ để phát triển bền vững và vươn lên tầm cao mới.

Theo thống kê, quý I/2026, bức tranh doanh nghiệp có nhiều điểm sáng với hơn 57.400 doanh nghiệp thành lập mới và hơn 38.600 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số lên khoảng 96.000 doanh nghiệp, tăng hơn 31% so với cùng kỳ. Những con số này phản ánh xu hướng tích cực và cho thấy môi trường kinh doanh đã được cải thiện đáng kể. Đặc biệt, số hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp đang tăng mạnh, cho thấy nhận thức về kinh doanh minh bạch, bài bản đang được nâng lên. Hiện cả nước có trên 5,5 triệu hộ kinh doanh và hơn 30.000 hợp tác xã. Đây là lực lượng rất lớn, là nguồn hình thành doanh nghiệp trong tương lai. Trong khi đó, chúng ta mới có gần 1 triệu doanh nghiệp và mục tiêu đến năm 2030 là khoảng 2 triệu doanh nghiệp.

Hơn nữa, so với các nước phát triển, mật độ doanh nghiệp trên dân số của Việt Nam vẫn còn thấp. Ở nhiều quốc gia, bình quân cứ 7-10 người dân đã có một doanh nghiệp, trong khi theo tính toán của VCCI, ở Việt Nam hiện nay khoảng 100 người dân mới có một doanh nghiệp. Khoảng cách này cho thấy dư địa phát triển khu vực doanh nghiệp còn rất lớn.

Chỉ số phát triển doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với chỉ số việc làm và mức sống của người dân. Trong bối cảnh khu vực công đang được sắp xếp, tinh gọn theo các chủ trương cải cách và điều chỉnh địa giới hành chính, khả năng tạo việc làm mới sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khu vực doanh nghiệp. Muốn làm được điều này, cần có những doanh nghiệp tiên phong, những mô hình kinh doanh hiệu quả, có trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu của thị trường, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa và trở thành nguồn cảm hứng cho các chủ thể kinh doanh khác.

Trong bối cảnh chi phí logistics tăng cao và tình hình kinh tế thế giới còn nhiều biến động, theo ông, các doanh nghiệp cần làm gì để duy trì sức cạnh tranh?

Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, đặc biệt tại khu vực Trung Đông đang khiến cộng đồng doanh nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, cụ thể là các điểm nghẽn về logistics phát sinh, luồng vận chuyển hàng hóa có thể bị ảnh hưởng, thậm chí gián đoạn. Do đó, các doanh nghiệp cần chủ động tính toán các phương

án, tìm kiếm các tuyến vận chuyển và hướng đi mới, đồng thời tối ưu chi phí để tránh làm gia tăng giá thành sản phẩm, qua đó giữ vững các thị trường hiện có và từng bước mở rộng sang thị trường mới.

Hiện nay, hàng hóa Việt Nam đã hiện diện tại hơn 200 đối tác thương mại, tuy nhiên hoạt động xuất khẩu vẫn tập trung chủ yếu ở một số thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và một số quốc gia châu Âu. Nhiều thị trường khác vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Vì vậy, VCCI đang phối hợp với các bộ, ngành liên quan để mở rộng các kênh xúc tiến, đưa hàng Việt ra thế giới, đồng thời tận dụng lợi thế từ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để quảng bá sản phẩm.

Ông có thể chia sẻ những kết quả nổi bật của VCCI thời gian qua và các định hướng nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam?

Trải qua 63 năm hình thành và phát triển, VCCI luôn đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, phát huy vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với Đảng, Nhà nước, thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và góp phần khẳng định vị thế doanh nghiệp Việt trên trường quốc tế.

Hiện nay, VCCI sở hữu mạng lưới hội viên rộng lớn với hơn 11.000 hội viên chính thức, trên 200.000 doanh nghiệp thông qua các hiệp hội trực thuộc và hơn 200 hiệp hội doanh nghiệp thành viên, tạo nên hệ sinh thái liên kết doanh nghiệp quy mô toàn quốc. Đây chính là nền tảng quan trọng để VCCI thực hiện vai trò “đầu mối” kết nối, đại diện tiếng nói của doanh nghiệp Việt Nam trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

Đặc biệt, trong 20 năm qua, VCCI đã triển khai các chương trình đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI. Chỉ số PCI đã trở thành công cụ quan trọng phản ánh chất lượng điều hành kinh tế, mức độ minh bạch, chi phí gia nhập thị trường và mức độ thuận lợi của môi trường đầu tư kinh doanh tại các địa phương. Sắp tới, VCCI sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung chỉ số phát triển doanh nghiệp vào hệ thống đánh giá này, nhằm phản ánh đầy đủ hơn chất lượng môi trường kinh doanh và động lực phát triển của từng địa phương.

Ngoài các hoạt động giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần nâng cao hình ảnh và giá trị thương hiệu cho doanh nghiệp, VCCI còn tổ chức hiệu quả nhiều hoạt động bình chọn, khen





Phó Chủ tịch VCCI Hoàng Quang Phòng trao giải cho các Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu

thường và tôn vinh doanh nhân, doanh nghiệp thông qua các giải thưởng uy tín như: “Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu”, “Doanh nhân nữ Việt Nam tiêu biểu” - Cúp Bông Hồng Vàng, “Doanh nghiệp vì người lao động”, Chương trình xếp hạng các doanh nghiệp bền vững... cho các doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu.

Trên bình diện quốc tế, VCCI luôn giữ vai trò trung tâm trong việc kết nối cộng đồng doanh nghiệp trong nước với mạng lưới đối tác quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế sâu rộng. Đến nay, VCCI đã thiết lập quan hệ với gần 200 tổ chức xúc tiến thương mại, phòng thương mại và đối tác quốc tế, đồng thời là thành viên tích cực của nhiều cơ chế hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu như APEC Business Advisory Council (ABAC), ASEAN Business Advisory Council (ASEAN BAC), Phòng Thương mại Quốc tế (ICC)... Thông qua các kênh này, VCCI giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thông tin thị trường, tiêu chuẩn quốc tế, cũng như tham gia trực tiếp vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Bên cạnh đó, VCCI thường xuyên tổ chức các diễn đàn doanh nghiệp, hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại - đầu tư, các đoàn khảo sát thị trường và kết nối B2B, qua đó tạo cơ hội gặp gỡ trực tiếp giữa doanh nghiệp Việt Nam và đối tác nước ngoài. Những hoạt động này không chỉ hỗ trợ tìm kiếm bạn hàng mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập của doanh nghiệp trong nước.

Có thể thấy, với mạng lưới rộng khắp và vai trò cầu nối chiến lược, VCCI đang trở thành “hạ tầng mềm” quan trọng của nền kinh tế, giúp cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam mở rộng không gian phát triển, gia tăng hiện diện trên thị trường quốc tế và từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Trong bối cảnh cạnh tranh FDI gay gắt giữa các tỉnh, thành, tỉnh Bắc Ninh nổi lên là địa phương thu hút FDI hàng đầu tại Việt Nam với những dự án quan trọng. Theo ông, Bắc Ninh cần duy trì lợi thế cạnh tranh cốt lõi nào để duy trì vị trí trong top đầu cả nước?

Tỉnh Bắc Ninh đã quyết liệt triển khai các giải pháp đồng bộ từ

quản trị đến hạ tầng, tạo thế và lực mới cho hình ảnh “đại bàng cất cánh”. Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương luôn chú trọng đến việc cải thiện chỉ số PCI, trong đó, với quyết tâm phát triển kinh tế tư nhân và thu hút đầu tư, Bắc Ninh đã thực hiện nhiều giải pháp cải cách hành chính và hỗ trợ doanh nghiệp ngày càng thuận lợi hơn.

Để tăng cường thu hút FDI chất lượng cao và khẳng định vị thế dẫn đầu, việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại tỉnh cần được thực hiện thường xuyên và sát sao. Trong đó, cần rà soát lại hiệu quả sử dụng đất tại các khu công nghiệp, chủ động chuẩn bị hạ tầng năng lượng và nguồn nhân lực chất lượng cao để sẵn sàng đón đầu dòng dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài thế hệ mới. Trọng tâm cốt lõi là hoàn thiện các quy hoạch chung của tỉnh và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng để sớm đưa cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các công trình phục vụ APEC vào sử dụng.

Song song với phát triển công nghiệp, Bắc Ninh cũng cần chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn để tạo nguồn cung tài năng bền vững. Hiện Bắc Ninh là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp công nghệ số, khẳng định quyết tâm của tỉnh trở thành đối tác tin cậy, là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng sản xuất bán dẫn toàn cầu.

Với môi trường đầu tư thông thoáng, cơ sở hạ tầng hiện đại, nguồn lao động tại chỗ và nhập cư lớn, Bắc Ninh tiếp tục khẳng định được vị thế là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư. Làn sóng đầu tư từ các nước lớn tại khu vực châu Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm, chất bán dẫn càng khẳng định rõ nét những thay đổi về chất trong thu hút vốn FDI vào Bắc Ninh. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để Bắc Ninh kiến tạo môi trường kinh doanh minh bạch, hấp dẫn, thu hút thành công các dự án FDI quy mô lớn và công nghệ hiện đại, thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa kinh tế Bắc Ninh bay cao, bay xa.

Trân trọng cảm ơn ông!



Bà LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG

Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Y MỸ DOMESCO

LỄ TRAO TẶNG DANH HIỆU

**NỮ DOANH NHÂN VIỆT NAM TIÊU BIỂU
BÔNG HỒNG VÀNG 2025**

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2025



VCCI also organizes various awards and recognition programs for entrepreneurs and enterprises
In the photo: VCCI Vice President Hoang Quang Phong presents the “Golden Rose Award 2025” to outstanding businesswomen

VCCI Connecting Businesses, Driving Integration and Investment

As the national organization representing the business community and entrepreneurs, the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) has consistently worked to build a strong community of entrepreneurs and enterprises that meet the requirements of a developed and modern nation, contributing to double-digit economic growth in the new development phase. These are the remarks of Hoang Quang Phong, Vice President of VCCI, on the occasion of the 63rd anniversary of VCCI (April 27, 1963 - April 27, 2026).

LAN ANH

Looking back on 40 years of Doi Moi (Renovation), how do you assess the development of Vietnam’s business community in terms of both scale and quality?

After four decades, Vietnamese enterprises have grown not only in number but also in quality. From an economy with limited resources, high inflation, and inefficient resource allocation, Vietnam has rebuilt its “market lifelines,” opened up to global integration, developed a dynamic private sector, and laid a new foundation for development.

In 2025, GDP growth reached 8.02%, with the economy expanding from US\$346 billion in 2020 to US\$514 billion; GDP per capita exceeded US\$5,000, figures that show Vietnam has moved beyond a subsistence level and entered a phase of accumulation for breakthrough growth.

The new stage of Vietnam’s economic development brings different demands. It is no longer only about rapid growth, but about quality growth based on productivity, innovation, fiscal discipline, and effective execution. In this context, the business sector plays a central role as the force that directly creates wealth, jobs, and drives structural transformation. A strong, dynamic, and adaptable business community provides a solid foundation for achieving long-term development goals. To reach double-digit growth, Vietnam needs more resources, but more importantly, it



VCCI serves as an important bridge between enterprises and state agencies in taxation and customs

needs resilient entrepreneurs and enterprises capable of navigating today’s unpredictable changes.

In particular, Resolution 41-NQ/TW dated October 10, 2023, issued by the Politburo on building and promoting the role of Vietnamese entrepreneurs in the new era plays an important role in shaping the development of the business community in the coming period. The resolution affirms the central role of entrepreneurs in the economy while encouraging entrepreneurship, innovation, and competitiveness. Improvements in institutions, the business environment, and business ethics and culture will help build a strong and capable entrepreneurial force suited to integration and sustainable development.

In practice, the scale of Vietnam’s business sector has expanded significantly. Alongside growth in numbers, many enterprises have expanded in size, improved governance, and gradually built a presence in international markets. Notable examples include Viettel’s investments in many countries, FPT Corporation’s global technology services, and Vingroup’s development of industrial and technology sectors with an international outlook. In addition, THACO, TH Group, TBS Group, and many others are expanding their operations, participating more deeply in global value chains, and steadily building Vietnamese brands in international markets. Enterprises in manufacturing, agriculture, logistics, and other sectors are also integrating further into global value chains and improving their competitiveness. However, the sector is still largely made up of small and medium-sized enterprises, which need continued support for sustainable growth and further development.

According to statistics, in the first quarter of 2026, the business landscape showed encouraging signs, with more than 57,400 newly established enterprises and over 38,600 returning to operation, up more than 31% year on year. These figures reflect a positive trend and show clear improvements in the business environment. In

particular, the number of household businesses converting into enterprises is rising strongly, indicating greater awareness of transparent and structured business practices. The country currently has more than 5.5 million household businesses and over 30,000 cooperatives. This is a large pool for future enterprise formation. Meanwhile, Vietnam has nearly 1 million enterprises, with a target of around 2 million by 2030.

Moreover, compared with developed economies, Vietnam’s enterprise density remains low. In many countries, there is one enterprise for every 7 to 10 people, whereas VCCI estimates that in Vietnam, there is roughly one enterprise per 100 people. This gap shows there is still significant room for further development of the business sector.

Enterprise development is closely linked to employment and living standards. As the public sector undergoes restructuring and streamlining under reform policies and administrative boundary adjustments, job creation will depend largely on the business sector. This requires pioneering enterprises and effective, responsible business models that meet market demand, create spillover effects, and inspire other economic actors.

Amid rising logistics costs and continued global economic volatility, what should enterprises do to maintain competitiveness?

Complex global developments, particularly in the Middle East, are creating challenges for the business community, including logistics bottlenecks and possible disruptions to transport flows. Enterprises therefore need to proactively prepare contingency plans, explore alternative routes and options, and optimize costs to avoid increasing product prices, thereby maintaining existing markets and gradually expanding into new ones.

Vietnamese goods are now present in more than 200 trading

partners; however, exports remain concentrated in several key markets such as China, Japan, the United States, and parts of Europe. Many other markets remain underused. VCCI is working with relevant ministries and agencies to expand trade promotion channels, bring Vietnamese products to global markets, and make use of overseas Vietnamese communities to promote products.

Could you share VCCI’s notable achievements in recent years and its orientations for further strengthening the competitiveness of Vietnamese enterprises?

Over 63 years of development, VCCI has consistently supported the Vietnamese business community, serving as a bridge between enterprises and the Party and government, helping improve the business environment, strengthening competitiveness, and contributing to the international position of Vietnamese enterprises.

VCCI now has a broad membership network with more than 11,000 direct members, over 200,000 enterprises through affiliated associations, and more than 200 business associations, forming a nationwide business ecosystem. This provides a solid foundation for VCCI to act as a central connector and representative voice for Vietnamese enterprises in international cooperation activities.

Over the past 20 years, VCCI has implemented the Provincial Competitiveness Index (PCI) program. The PCI has become an important tool for reflecting the quality of economic governance, transparency, market entry costs, and the overall business environment at the provincial level. In the coming period, VCCI plans to study and add a business development index to this system to provide a more comprehensive view of local business environments and growth drivers.

In addition to activities that strengthen competitiveness and enhance corporate image and brand value, VCCI also organizes various awards and recognition programs for entrepreneurs and enterprises through honors such as “Outstanding Vietnamese Entrepreneur,” “Golden Rose Award,” “Enterprise for Workers,” and the Benchmarking and Announcement of Sustainable Companies in Vietnam (CSI Program).

On the international front, VCCI plays a central role in connecting the domestic business community with global partner networks, contributing to Vietnam’s deeper economic integration. To date, VCCI has built relationships with nearly 200 trade organizations, chambers of commerce, and international partners, and is an active member of key regional and global mechanisms such as the APEC Business Advisory Council (ABAC), ASEAN Business Advisory Council (ASEAN BAC), and the International Chamber of Commerce (ICC). Through these channels, VCCI helps Vietnamese enterprises access market information and international standards, and participate directly in global value chains.

VCCI also regularly organizes business forums, trade fairs, investment and trade promotion programs, market surveys, and B2B matchmaking activities, creating opportunities for direct engagement between Vietnamese enterprises and foreign partners. These efforts not only support partner search but also help improve competitiveness and integration capacity for domestic enterprises.

With its wide network and strategic bridging role, VCCI is



VCCI consistently works alongside cities and provinces in promoting investment, trade, and tourism

becoming an important “soft infrastructure” of the economy, helping Vietnamese enterprises expand their development space, increase their presence in international markets, and gradually strengthen their position in global value chains.

Amid intense competition for FDI among provinces and cities, Bac Ninh has emerged as a leading destination in Vietnam for major projects. In your view, what core advantages should Bac Ninh maintain to sustain its top-tier position nationwide?

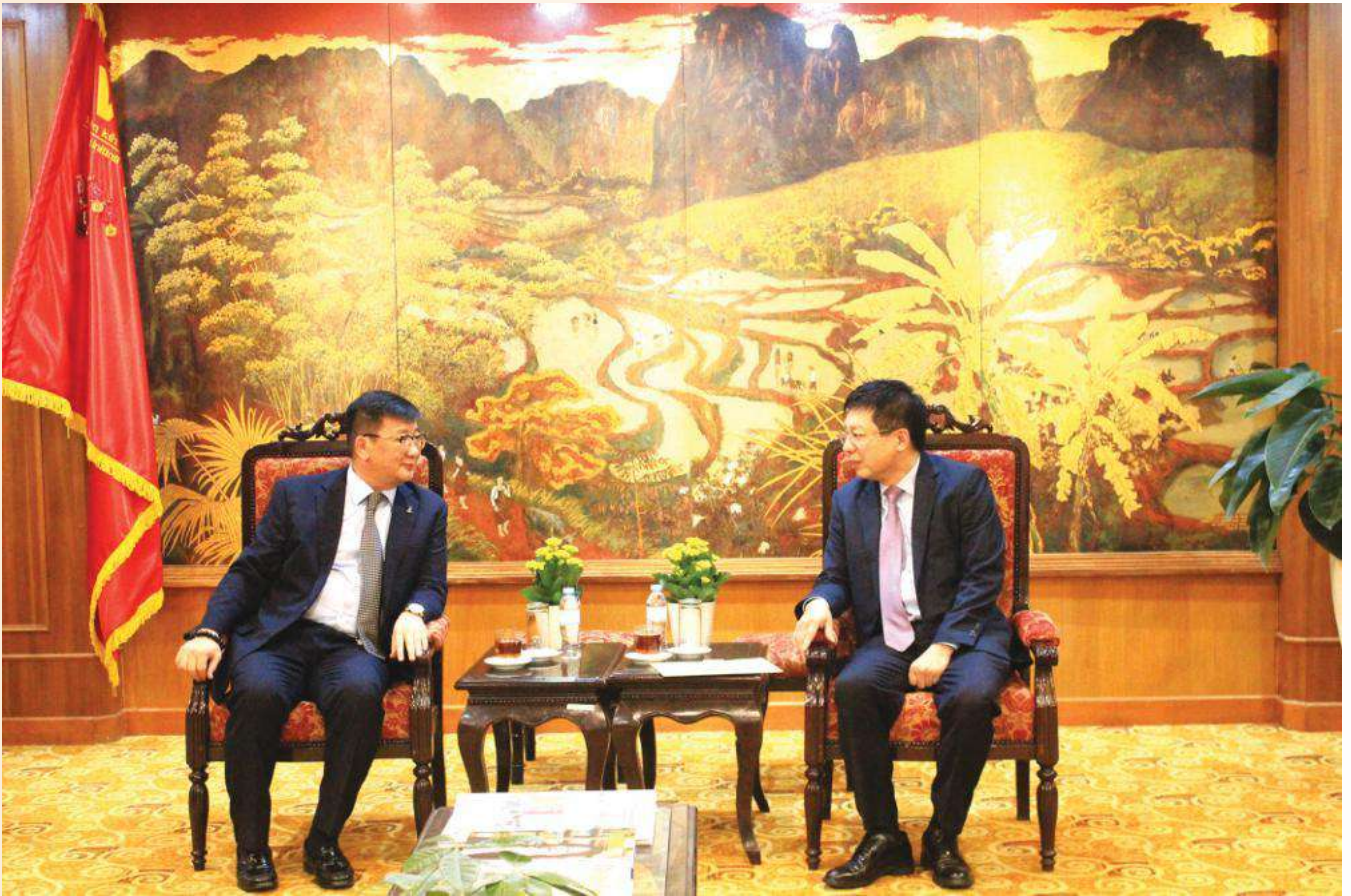
Bac Ninh has implemented coordinated solutions from governance to infrastructure, creating new momentum for its image as an “eagle taking flight” in the national economy. In recent years, Bac Ninh has consistently focused on improving its PCI, and with a strong commitment to private sector development and investment attraction, it has introduced reforms and support measures that make doing business increasingly convenient.

To attract high-quality FDI and maintain its leading position, steady and focused efforts to improve the investment and business environment are needed. This includes reviewing land use efficiency in industrial parks, preparing energy infrastructure, and developing a highly skilled workforce to capture next-generation foreign investment flows. A key priority is completing provincial master plans and accelerating public investment projects, particularly site clearance, to bring Gia Binh International Airport and APEC-related infrastructure into operation as soon as possible.

Alongside industrial development, Bac Ninh also needs to improve the quality of advanced education to build a sustainable talent pipeline. The province is the first in the country to introduce policies supporting high-quality workforce training and the semiconductor industry for the digital economy, showing its determination to become a reliable partner and an important link in the global semiconductor supply chain.

With an open investment environment, modern infrastructure, and a large local and migrant workforce, Bac Ninh continues to confirm its position as an attractive destination for investors. Investment flows from major Asian economies such as Japan, South Korea, and China in software and semiconductor industries further reflect clear changes in the quality of FDI attraction. This provides a solid foundation for Bac Ninh to build a transparent and appealing business environment, attract large-scale, high-tech FDI projects, and achieve its goal of advancing its economy to a higher level.

Thank you very much!



Chủ tịch VCCI Hồ Sỹ Hùng tiếp và làm việc với Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Mông Cổ tại Việt Nam Jigjee Sereejav

Việt Nam và Mông Cổ thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và logistics

Mới đây, tại Hà Nội, Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Hồ Sỹ Hùng đã có buổi tiếp và làm việc với Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Mông Cổ tại Việt Nam Jigjee Sereejav. Hai bên đã thảo luận sâu rộng về các giải pháp nhằm nâng tầm quan hệ kinh tế, tháo gỡ điểm nghẽn logistics và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp hai nước.

H.LY

Tại buổi làm việc, Đại sứ Jigjee Sereejav đánh giá cao sự phát triển vượt bậc trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Mông Cổ những năm gần đây. Hàng hóa Việt Nam đang dần khẳng định vị thế tại thị trường Mông Cổ, chiếm khoảng 75% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước.

Về mặt đầu tư, hai bên ghi nhận những tín hiệu tích cực từ các tập đoàn lớn. Hiện một doanh nghiệp Mông Cổ đã đầu tư dự án sản xuất dược phẩm và mỹ phẩm trị giá 3 triệu USD tại Việt Nam. Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp lớn của Việt Nam, tiêu biểu như Tập đoàn Hòa Phát, đang rất quan tâm đến việc nhập khẩu nguyên liệu đầu vào (than cốc, quặng sắt) từ Mông Cổ để phục vụ sản xuất thép,...

Tại buổi làm việc, Chủ tịch VCCI Hồ Sỹ Hùng bày tỏ sự vui mừng trước những bước tiến mới trong quan hệ hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam và Mông Cổ, khẳng định VCCI luôn sẵn sàng là cầu nối cho doanh nghiệp hai nước. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc minh bạch hóa thông tin thị trường, chính sách đầu tư và các danh mục dự án ưu đãi của Mông Cổ.

Một trong những nội dung trọng tâm của buổi làm việc là vấn đề vận tải đường sắt. Cả VCCI và Đại sứ quán Mông Cổ đều nhất trí cho rằng logistics là trở ngại lớn nhất hiện nay trong việc thúc đẩy giao thương. Để giải quyết vấn đề này, Đại sứ Jigjee Sereejav đề xuất thúc đẩy hiệp định vận tải đường sắt ba bên giữa Việt Nam - Trung Quốc - Mông Cổ. Mặc dù có sự khác biệt về khổ đường sắt dẫn đến chi phí bốc dỡ tăng,

Vietnam, Mongolia Advance Economic and Logistics Ties

President of the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) Ho Sy Hung recently hosted a working session with Mongolia's Ambassador Jigjee Sereejav to discuss measures to strengthen economic ties, ease logistics bottlenecks, and support businesses in both countries.

H.LY

At the meeting, Ambassador Jigjee Sereejav praised the strong growth in trade relations between Vietnam and Mongolia in recent years, adding that Vietnamese goods have steadily built a firm presence in the Mongolian market, accounting for about 75% of total bilateral trade turnover.

On the investment front, both sides noted positive momentum from major corporations. A Mongolian firm has invested US\$3 million in a pharmaceutical and cosmetics plant in Vietnam, while Vietnamese companies, particularly Hoa Phat Group, are keen to import coking coal and iron ore from Mongolia to support steel production.

VCCI President Ho Sy Hung welcomed the recent progress in the friendship between Vietnam and Mongolia, affirming that VCCI is ready to act as a bridge for businesses from both countries. He stressed the need for transparent market information, clear investment policies, and Mongolia's list of preferential projects.

A key topic of the discussion was railway transport. Both VCCI and the Mongolian Embassy agreed that logistics remains the main barrier to expanding trade. To address this issue, Ambassador Jigjee Sereejav proposed advancing a trilateral railway transport agreement among Vietnam, China, and Mongolia. Despite differences in rail gauge that increase transshipment costs, establishing a stable transport corridor would allow Vietnamese goods not only to reach Mongolia but also to move further into Central Asian and European markets.

VCCI President Ho Sy Hung agreed with the proposal to establish a trilateral railway route, while also calling for stronger information-sharing channels, regular market updates, and clearly defined investment portfolios backed by stable long-term policies. VCCI is ready to coordinate business delegations to conduct on-site surveys in Mongolia's key economic regions once transport barriers are eased.

VCCI President Ho Sy Hung also spoke about the changing investment approach of Vietnamese enterprises. Alongside traditional agricultural products, major industrial groups in Vietnam are turning their attention to Mongolia as a strategic source of raw materials and a promising energy market.

Ambassador Jigjee Sereejav added that the Ministry of Economy and Development of Mongolia has established an Investor Protection Center to help resolve challenges and provide information to foreign businesses. Both sides agreed to strengthen coordination in developing online information portals and organizing regular business forums to connect potential partners directly. ■

nhưng nếu thiết lập được tuyến vận tải ổn định, hàng hóa Việt Nam không chỉ tiếp cận được Mông Cổ mà còn có thể đi sâu vào thị trường Trung Á và châu Âu.

Chủ tịch Hồ Sỹ Hùng bày tỏ sự đồng tình với đề xuất của Đại sứ về việc thiết lập tuyến vận tải đường sắt ba bên, đồng thời đề nghị hai bên cần cải thiện mạnh mẽ kênh chia sẻ thông tin, cập nhật thường xuyên các thông tin thị trường, cung cấp các danh mục đầu tư cụ thể được bảo đảm bởi các chính sách ổn định lâu dài. VCCI sẵn sàng phối hợp tổ chức các đoàn doanh nghiệp sang khảo sát trực tiếp tại các vùng kinh tế trọng điểm của Mông Cổ ngay sau khi các rào cản về vận tải được cải thiện.

Chủ tịch Hồ Sỹ Hùng cũng thông tin về sự chuyển dịch trong tư duy đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh các mặt hàng nông sản truyền thống, các tập đoàn công nghiệp lớn của Việt Nam đang hướng tầm nhìn sang Mông Cổ

như một nguồn cung cấp nguyên liệu chiến lược và thị trường năng lượng tiềm năng.

Đại sứ Mông Cổ cũng thông tin thêm, Bộ Kinh tế và Phát triển Mông Cổ đã thành lập Trung tâm Bảo vệ lợi ích nhà đầu tư để hỗ trợ giải quyết khó khăn và cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp nước ngoài. Hai bên nhất trí sẽ phối hợp chặt chẽ hơn trong việc xây dựng các cổng thông tin trực tuyến và tổ chức các diễn đàn doanh nghiệp định kỳ để kết nối trực tiếp các đối tác tiềm năng.

Kết thúc buổi làm việc, Chủ tịch Hồ Sỹ Hùng đánh giá cao nhiệm kỳ thành công của Đại sứ Jigjee Sereejav tại Việt Nam và chúc Đại sứ tiếp tục gặt hái nhiều thành công trên cương vị mới. Ông khẳng định VCCI sẽ luôn là đối tác tin cậy, sẵn sàng hỗ trợ người kế nhiệm của Đại sứ để tiếp nối những thành quả đã đạt được, đưa quan hệ kinh tế Việt Nam - Mông Cổ bước vào giai đoạn phát triển bùng nổ. ■

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Trụ đỡ chiến lược cho tăng trưởng bền vững

Ông Trần Hữu Linh, Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Bộ Công Thương) tại Chương trình "Sức sống hàng Việt"

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu nhiều biến động, dư địa từ xuất khẩu không còn để khai thác như trước, thị trường trong nước đang được xác định là động lực tăng trưởng quan trọng. Xung quanh câu chuyện phát triển hàng Việt và mở rộng tiêu dùng nội địa, phóng viên đã có cuộc trao đổi với ông Trần Hữu Linh – Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Bộ Công Thương).

LÊ HIỀN

Chương trình "Sức sống hàng Việt" đã được tổ chức lần thứ 4. Ông đánh giá thế nào về hiệu quả của chương trình đối với việc quảng bá, thúc đẩy tiêu thụ hàng Việt?

Qua 4 lần triển khai, chương trình đã lựa chọn được khoảng 20 sản phẩm tiêu biểu để hỗ trợ quảng bá, đặc biệt thông qua các hình thức mới như livestream. Tuy nhiên, giá trị lớn hơn là chương trình góp phần phản ánh bức tranh tổng thể của hàng Việt hiện nay.

Có thể thấy, hàng Việt đang phát triển khá phong phú, đa dạng về chủng loại, từ thực phẩm, đồ uống đến mỹ phẩm... Bao bì, mẫu mã ngày càng được đầu tư theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp hơn, trong khi chất lượng cũng được cải thiện rõ rệt. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy sự chuyển mình của doanh nghiệp Việt trên thị trường nội địa.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế mang tính "cấu trúc". Phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, khó đáp ứng các đơn hàng lớn hoặc tham gia sâu vào hệ thống phân phối hiện đại. Nếu mở rộng

sản xuất không đồng bộ, thậm chí còn tiềm ẩn rủi ro về chất lượng.

Bên cạnh đó, năng lực xây dựng thương hiệu còn yếu. Nhiều sản phẩm tốt nhưng thiếu chiến lược marketing, định vị nên khó tiêu thụ hiệu quả. Việc tiếp cận các kênh phân phối hiện đại cũng là bài toán lớn, nhất là với doanh nghiệp nhỏ.

Đáng chú ý, dù thương mại điện tử phát triển mạnh, nhưng chi phí vận hành, quảng cáo, logistics... khiến không ít doanh nghiệp gặp khó. Ngay cả livestream – tưởng là "dễ làm" – cũng đòi hỏi đầu tư đáng kể để duy trì hiệu quả.

Việc ứng dụng nền tảng số, đặc biệt là livestream, đang trở thành xu hướng. Ông đánh giá thế nào về hiệu quả của kênh này?

Nền tảng số đang mở ra một không gian tiêu thụ hoàn toàn mới. Thực tế cho thấy, ngay cả những sản phẩm giá trị thấp như nông sản cũng có thể bán qua mạng nếu tổ chức tốt.

Các nền tảng như mạng xã hội, sàn thương mại điện tử kết hợp với livestream đã trở thành kênh tiêu thụ quan trọng, đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ – nhóm vốn gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận kênh phân phối truyền thống.

Tuy nhiên, không thể coi đây là "con đường dễ". Doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với chi phí lớn và áp lực cạnh tranh cao. Vì vậy, trong thời gian tới, chúng tôi đang nghiên cứu xây dựng một nền tảng số riêng nhằm hỗ trợ quảng bá và phát triển thương hiệu hàng Việt một cách bài bản hơn.

Quan trọng hơn, định hướng hỗ trợ sẽ chuyển từ đơn lẻ sang toàn diện theo chuỗi giá trị – từ sản xuất, thiết kế, hoàn thiện sản phẩm đến kết nối phân phối. Đặc biệt, sẽ thúc đẩy mô hình phân phối đa kênh, kết hợp giữa offline và online để nâng cao hiệu quả tiêu thụ.

Trong bối cảnh mới, cần những giải pháp gì để nâng cao hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và phát triển thị trường nội địa, thưa ông?

Thị trường nội địa hiện đóng góp khoảng 55 - 60% GDP, vì vậy đây không chỉ là "bệ đỡ" mà còn là động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế.

Thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tập trung hoàn thiện hạ tầng thương mại, đồng thời rà soát và điều chỉnh các chiến lược phát triển thị trường trong nước theo hướng phù hợp hơn với xu hướng tiêu dùng mới.

Các chương trình kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy lưu thông hàng hóa sẽ được triển khai đồng bộ. Đặc biệt, Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" sẽ tiếp tục được đổi mới về nội dung và phương thức để tăng sức lan tỏa.

Một yếu tố then chốt là củng cố niềm tin của người tiêu dùng. Thực tế, nhiều sản phẩm trong nước có chất lượng tốt, nhưng cần đảm bảo mức giá hợp lý và nâng cao khả năng tiếp cận thị trường. Phát triển thị trường trong nước không chỉ là giải pháp ngắn hạn mà đã trở thành trụ cột chiến lược, góp phần nâng cao năng lực tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế.

Trân trọng cảm ơn ông!

DOMESTIC MARKET

Strategic Pillar for Sustainable Growth

Amid heightened volatility in the global economy, as export opportunities are no longer as easily tapped as before, the domestic market is increasingly seen as a key growth driver. On the development of Vietnamese goods and the expansion of domestic consumption, our reporter interviewed Tran Huu Linh, Director General of the Agency for Domestic Market Surveillance and Development under the Ministry of Industry and Trade.

LE HIEN

The “Vietnamese Goods Vitality” program has been held for the fourth time. How effective has it been in promoting the consumption of Vietnamese goods?

After four rounds of implementation, the program has selected around 20 outstanding products for promotional support, especially through new formats such as livestreaming. Beyond that, its broader value lies in providing an overall picture of Vietnamese goods today.

Vietnamese products are becoming more diverse in categories, from food and beverages to cosmetics. Packaging and design are receiving greater investment in a more modern and professional direction, while product quality has also improved significantly. This shows a positive shift by Vietnamese enterprises in the domestic market.

However, certain “structural” limitations remain. Most enterprises are small in scale, making it difficult to fulfill large orders or take part more deeply in modern distribution systems. If production expansion is not carried out in a coordinated way, it may even affect product quality.

At the same time, brand-building capacity remains limited. Many products are of good quality but lack marketing strategies and positioning, making them difficult to sell effectively. Access to modern distribution channels is also a major challenge, especially for small businesses.

It is also worth noting that although e-commerce has grown rapidly, operating costs, advertising expenses, and logistics continue to create difficulties for many enterprises. Even livestreaming, often seen as easy to implement, requires considerable investment to maintain effectiveness.

How effective are digital platforms, especially livestreaming, in driving sales?

Digital platforms are opening up a new consumption space. In practice, even low-value products such as agricultural goods can be sold online if they are organized effectively.

Platforms such as social media and e-commerce marketplaces, combined with livestreaming, have become important sales channels, especially for small enterprises that often face significant



Many domestically produced goods are of good quality

barriers when accessing traditional distribution networks.

However, this is not an easy path. Enterprises still face high costs and strong competitive pressure. For that reason, in the coming period we are studying the development of a dedicated digital platform to support the promotion and brand development of Vietnamese goods in a more systematic way.

More importantly, the support approach will shift from isolated activities to a comprehensive model along the value chain, from production, design, and product completion to distribution connections. In particular, a multi-channel distribution model that combines offline and online channels will be promoted to improve sales efficiency.

What solutions are needed to improve the “Vietnamese people prioritize using Vietnamese goods” campaign and develop the domestic market?

The domestic market currently contributes around 55 to 60% of GDP, so it serves not only as a support base but also as an important growth driver for the economy.

In the coming period, the Ministry of Industry and Trade will focus on improving commercial infrastructure while reviewing and adjusting domestic market development strategies to better align with new consumption trends.

Programs to stimulate consumer demand and promote the circulation of goods will be implemented in a coordinated manner. In particular, the campaign “Vietnamese people prioritize using Vietnamese goods” will continue to be renewed in both content and approach to expand its reach.

A key factor is strengthening consumer confidence. In practice, many domestically produced goods are of good quality, but it is necessary to ensure reasonable pricing and improve market access. Developing the domestic market is not only a short-term solution but has become a strategic pillar that contributes to strengthening the economy’s self-reliance and resilience.

Thank you very much!

Hải quan đẩy mạnh cải cách, giữ thông suốt dòng chảy thương mại

Gần 250 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) và hơn 117.000 tỷ đồng thu ngân sách trong quý I/2026 là những con số đáng chú ý, phản ánh nỗ lực của ngành Hải quan trong việc vừa kiểm soát hiệu quả, vừa tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại. Kết quả này cho thấy rõ sự chuyển dịch trong tư duy điều hành: từ “quản lý” sang “đồng hành”, từ “kiểm soát” sang “cùng kiến tạo” với cộng đồng doanh nghiệp (DN).

HƯƠNG HẬU

Thực hiện đồng bộ các giải pháp

Quý I/2026 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động, đặc biệt là những tác động từ căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Trong bối cảnh đó, ngành Hải quan phải đổi mới với yêu cầu kép: vừa đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, vừa duy trì thông suốt hoạt động XNK.

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính, ngành Hải quan đã lựa chọn hướng đi chủ động, lấy cải cách thể chế, hiện đại hóa và chuyển đổi số làm trụ cột. Ngay từ đầu năm, công tác xây dựng chính sách được triển khai mạnh mẽ với hàng loạt đề án, dự thảo nghị định, thông tư quan trọng được hoàn thiện. Đáng chú ý, việc đề xuất sửa đổi Luật Hải quan được đưa vào chương trình lập

pháp năm 2026, tạo nền tảng pháp lý cho giai đoạn phát triển mới.

Không chỉ chú trọng tiến độ, cách thức xây dựng chính sách cũng có sự thay đổi rõ nét. Ngành Hải quan tăng cường tổ chức các hội thảo, đối thoại với DN, hiệp hội, chuyên gia nhằm tiếp thu ý kiến từ thực tiễn. Nhờ đó, các quy định được xây dựng sát với nhu cầu của DN, hạn chế vướng mắc khi triển khai. Đây là bước chuyển từ “ban hành chính sách” sang “cùng xây dựng chính sách”.

Song song với đó, cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng đơn giản, minh bạch. Nhiều thủ tục được cắt giảm, tái cấu trúc, góp phần rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí cho DN.

Chuyển đổi số là điểm nhấn nổi bật trong quá trình cải cách. Ngành Hải quan đã đẩy nhanh xây dựng hệ thống Hải quan số, từng bước kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, hướng tới quản lý tập trung, minh bạch.

Ở góc độ điều hành, khả năng phản ứng chính sách nhanh tiếp tục được phát huy. Trước những vướng mắc trong triển khai các quy định mới, ngành Hải quan đã kịp thời kiến nghị tháo gỡ, đồng thời bố trí lực lượng trực 24/7 để đảm bảo thông quan hàng hóa, nhất là trong các thời điểm cao điểm.

Bên cạnh đó, trước tác động từ tình hình quốc tế, ngành Hải quan đã chủ động triển khai các giải pháp hỗ trợ DN, ưu tiên xử lý thủ tục đối với các lô hàng bị ảnh hưởng, góp phần duy trì ổn định hoạt động thương mại.

Nhờ các giải pháp đồng bộ, tổng kim ngạch XNK quý I/2026 đạt 249,5 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu đạt 122,93 tỷ USD, nhập khẩu đạt 126,57 tỷ USD. Mặc dù nhập siêu 3,64 tỷ USD, song đây là tín hiệu cho thấy nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất đang gia tăng, phản ánh sự phục hồi của nền kinh tế.



Bên cạnh việc tạo thuận lợi thương mại, ngành Hải quan duy trì hiệu quả công tác quản lý và kiểm soát

SIẾT QUẢN LÝ THUẾ TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU

Ngăn chặn trực lợi từ biến động giá

Những đợt điều chỉnh với biên độ lớn về giá xăng dầu thời gian qua đang làm gia tăng nguy cơ phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng cường quản lý, giám sát.

Dấu hiệu bất thường từ dữ liệu hóa đơn điện tử

Từ đầu năm 2026 đến nay, diễn biến địa chính trị thế giới, đặc biệt tại khu vực Trung Đông tiếp tục phức tạp, làm gia tăng nguy cơ gián đoạn nguồn cung dầu thô. Điều này khiến giá dầu thế giới tăng mạnh, kéo theo giá xăng dầu trong nước biến động liên tục. Riêng trong tháng 3/2026, giá bán lẻ xăng dầu đã được điều chỉnh tới 5 lần, cho thấy mức độ nhạy cảm và khó lường của thị trường.

Chính trong bối cảnh đó, dữ liệu từ hệ thống hóa đơn điện tử đã bắt đầu bộc lộ những dấu hiệu bất thường. Qua rà soát, cơ quan thuế phát hiện tại một số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, sản lượng bán ra trước thời điểm điều chỉnh giá có xu hướng tăng đột biến, thậm chí cao gấp nhiều lần so với thời điểm ngay sau khi giá được điều chỉnh.

Những biến động bất thường này đặt ra nghi vấn về khả năng doanh nghiệp lợi dụng chênh lệch giá để điều tiết lượng hàng bán ra, qua đó tối đa hóa lợi nhuận. Đồng thời, các hành vi như lập hóa đơn không đúng thời điểm, không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc kê khai doanh thu chưa đầy đủ cũng có thể phát sinh, tiềm ẩn rủi ro lớn đối với công tác quản lý thuế.

Đáng chú ý, yêu cầu siết chặt kỷ cương thị trường xăng dầu đã được đặt ra từ sớm trong các chỉ đạo điều hành của Chính phủ.

Tại Công văn số 2389/VP-CP-V.I ngày 19/3/2026 của Văn phòng Chính phủ về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu, lãnh đạo Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương và lực lượng chức năng tăng cường theo dõi sát diễn biến thị trường, chủ động nắm bắt cung - cầu, biến động giá để kịp thời có giải pháp điều hành phù hợp.

Đặc biệt, các lực lượng như Hải quan, Thuế, Biên phòng, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường và Công an được yêu cầu đẩy mạnh

tuần tra, kiểm soát; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, găm hàng, trực lợi chính sách cũng như các vi phạm trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Đồng thời, việc tăng cường phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định pháp luật được xác định là giải pháp then chốt nhằm giữ ổn định thị trường trong bối cảnh giá xăng dầu còn nhiều biến động khó lường.

Tăng cường kiểm tra đột xuất, siết chặt kỷ cương thuế

Triển khai các chỉ đạo của Chính phủ, cơ quan thuế đã yêu cầu toàn ngành tập trung nguồn lực rà soát, phân tích dữ liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu. Trọng tâm là các chỉ tiêu về sản lượng bán ra, doanh thu, tồn kho và hóa đơn điện tử tại các thời điểm nhạy cảm về giá.

Theo đó, các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao sẽ được đưa vào diện kiểm tra đột xuất. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường cũng như việc lập hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng - yêu cầu bắt buộc nhằm bảo đảm tính minh bạch trong giao dịch.

Một trong những điểm đáng chú ý là việc cơ quan thuế sẽ đối chiếu chặt chẽ giữa dữ liệu hóa đơn điện tử với sổ sách kế toán, chứng từ xuất - nhập kho và số liệu tồn kho thực tế. Việc kiểm tra theo từng ngày, từng ca bán hàng được kỳ vọng sẽ giúp “soi chiếu” chính xác dòng chảy hàng hóa, từ đó phát hiện kịp thời các sai lệch. Bên cạnh đó, các giao dịch mua bán xăng dầu với khối lượng lớn bất thường cũng sẽ được kiểm tra kỹ lưỡng.

Trong trường hợp phát hiện vi phạm, các biện pháp xử lý sẽ được áp dụng nghiêm theo quy định, bao gồm truy thu thuế, xử phạt vi phạm hành chính hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Đây là thông điệp mạnh mẽ nhằm nâng cao tính răn đe, bảo đảm mọi hành vi vi phạm đều bị phát hiện và xử lý kịp thời.

Việc siết chặt quản lý thuế, kết hợp với ứng dụng công nghệ số như hóa đơn điện tử, phân tích dữ liệu lớn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giám sát, hướng tới một thị trường minh bạch và công bằng hơn. Đây cũng là xu hướng tất yếu trong quá trình hiện đại hóa ngành thuế, phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế số. ■

Tăng cường kiểm soát, bảo đảm nguồn thu ngân sách

Bên cạnh việc tạo thuận lợi thương mại, ngành Hải quan vẫn duy trì hiệu quả công tác quản lý và kiểm soát, góp phần đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước.

Trong quý I/2026, toàn ngành thu đạt 117.105 tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ. Kết quả này đến từ việc triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thu, kết hợp với việc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động XNK.

Công tác kiểm soát hải quan tiếp tục được đẩy mạnh. Hàng nghìn vụ vi phạm đã được phát hiện và xử lý, tập trung vào các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Các mặt hàng nhạy cảm như xăng dầu, vàng và hàng vi phạm sở hữu trí tuệ vẫn là trọng điểm kiểm soát. Việc ứng dụng các công cụ hiện đại như seal định vị điện tử, hệ thống giám

sát đã góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát, giảm thiểu rủi ro và tăng tính minh bạch.

Bước sang quý II/2026, ngành Hải quan xác định tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi tình hình kinh tế thế giới còn tiềm ẩn bất ổn. Trên cơ sở đó, toàn ngành sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả quản lý. Trọng tâm là hoàn thiện các đề án lớn, đặc biệt là sửa đổi Luật Hải quan, tạo nền tảng pháp lý cho giai đoạn phát triển mới.

Trong lĩnh vực thu ngân sách, ngành Hải quan đặt mục tiêu triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thu, khai thác hiệu quả nguồn thu, phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán năm 2026. Đáng chú ý, công tác kiểm soát sẽ chuyển mạnh sang mô hình quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu để cảnh báo sớm các nguy cơ vi phạm. ■

Thu hút đầu tư bất phá, tạo đà cho Phú Thọ tăng trưởng hai con số

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, tỉnh Phú Thọ vẫn ghi nhận kết quả thu hút đầu tư ấn tượng ngay từ quý I/2026. Những con số tăng trưởng vượt trội không chỉ phản ánh sức hấp dẫn của môi trường đầu tư mà còn cho thấy hiệu quả của chiến lược xúc tiến đầu tư có trọng tâm, góp phần tạo nền tảng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới.

LÊ HIỀN

Dòng vốn tăng mạnh, khẳng định sức hút môi trường đầu tư

Ngay trong những tháng đầu năm 2026, bức tranh thu hút đầu tư của tỉnh đã ghi nhận nhiều điểm sáng. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt khoảng 704 triệu USD, tăng hơn 7 lần so với cùng kỳ; trong khi vốn đầu tư trong nước (DDI) đạt trên 9,6 nghìn tỷ đồng, bằng 139,7% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng trong bối cảnh dòng vốn toàn cầu có xu hướng dịch chuyển nhanh và ngày càng thận trọng hơn.

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên thành công là sự chủ động trong công tác xúc tiến đầu tư. Tỉnh không chỉ dừng lại ở việc giới thiệu tiềm năng mà còn chú trọng hỗ trợ khảo sát, lựa chọn địa điểm, kết nối đối tác và đồng hành cùng doanh nghiệp trong suốt quá trình nghiên cứu dự án.

Bên cạnh đó, việc duy trì ổn định môi trường chính trị - xã hội, cùng với nỗ lực cải cách hành chính, minh bạch hóa thông tin về quy hoạch, quỹ đất và thủ tục đầu tư đã góp phần nâng cao chỉ số niềm tin của nhà đầu tư. Đây được xem là yếu tố “mềm” nhưng có tính quyết định trong bối cảnh nhà đầu tư ngày càng quan tâm đến tính ổn định và khả năng dự báo của môi trường kinh doanh.

Đáng chú ý, kết quả thu hút đầu tư của tỉnh không mang tính ngẫu nhiên mà là kết quả của quá trình chuẩn bị có hệ thống. Tỉnh đã chủ động xây dựng danh mục dự án ưu tiên, chuẩn bị dữ liệu, tài liệu xúc tiến đầu tư, đồng thời tăng cường kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Hướng tới tăng trưởng bền vững

Không chỉ tăng về quy mô, dòng vốn đầu tư vào Phú Thọ đang cho thấy xu hướng dịch chuyển tích cực về chất lượng. Các hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh tập trung vào những lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, hạ tầng khu công nghiệp, logistics, thương mại - dịch vụ và du lịch.



Phú Thọ khởi công Khu công nghiệp Phúc Yên

Định hướng này phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, giảm dần phụ thuộc vào các ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn, đồng thời nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Song song với việc thu hút nhà đầu tư mới, Phú Thọ đặc biệt chú trọng xúc tiến đầu tư “tại chỗ”. Việc kịp thời tháo gỡ khó khăn liên quan đến thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và giải phóng mặt bằng không chỉ giúp đẩy nhanh tiến độ dự án mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, góp phần thu hút thêm các nhà đầu tư mới.

Tuy nhiên, để duy trì đà tăng trưởng và nâng cao chất lượng thu hút đầu tư, Phú Thọ vẫn đối mặt với không ít thách thức. Hạ tầng khu công nghiệp, logistics và kết nối vùng ở một số khu vực chưa đồng bộ; quỹ đất sạch còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động kỹ thuật cao, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các ngành công nghiệp hiện đại.

Ngoài ra, trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng khốc liệt, việc tiếp cận các tập đoàn lớn, nhà đầu tư chiến lược và các chuỗi cung ứng toàn cầu đòi hỏi cách làm mới, chuyên sâu hơn.

Một điểm đáng lưu ý khác là yêu cầu về chuyển đổi số trong công tác xúc tiến đầu tư. Việc xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ, cập nhật và có khả năng chia sẻ giữa các cơ quan sẽ giúp nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục và tăng tính minh bạch – yếu tố ngày càng được nhà đầu tư coi trọng.

Trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng GRDP hai con số đặt ra yêu cầu cao về huy động nguồn lực, việc duy trì và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư sẽ tiếp tục là “đòn bẩy” then chốt. Nếu tận dụng tốt cơ hội từ xu hướng dịch chuyển dòng vốn và tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, Phú Thọ hoàn toàn có cơ sở để bất phá mạnh mẽ trong giai đoạn 2026 - 2030. ■

Strong Investment Fuels Phu Tho's Double-Digit Growth

Amid intensifying competition, Phu Tho province has recorded strong investment attraction results as early as the first quarter of 2026. These growth figures reflect both the appeal of its investment environment and the effectiveness of a focused investment promotion strategy, helping build a foundation for sustainable growth in the coming period.

LE HIEN

Capital inflows surge, boosting investment appeal

In the early months of 2026, the province's investment landscape showed several positive signs. Total foreign direct investment (FDI) reached approximately US\$704 million, more than seven times higher than the same period; meanwhile, domestic direct investment (DDI) exceeded VND9.6 trillion, equal to 139.7% of the same period last year. This reflects strong growth at a time when global capital flows are shifting rapidly and becoming more cautious.

One of the key factors behind this result is a proactive approach to investment promotion. The province has gone beyond presenting its potential, focusing on supporting site surveys, location selection, partner connections, and working closely with businesses throughout the project research process.

In addition, maintaining political and social stability, along with efforts to reform administrative procedures and improve transparency in planning, land availability, and investment procedures, has helped strengthen investor confidence. This is a "soft" factor but plays an important role as investors increasingly value stability and predictability in the business environment.

Notably, the province's investment attraction results are not by chance but the result of systematic preparation. The province has developed a list of priority projects, prepared investment promotion materials and data, and strengthened connections with organizations and enterprises both domestically and internationally.

Toward sustainable growth

Beyond scale, investment inflows into Phu Tho are showing a positive shift in quality. The province's investment promotion efforts focus on high value-added sectors such as processing and manufacturing, supporting industries, industrial park infrastructure, logistics, trade and services, and tourism.



Phu Tho is reinforcing a foundation for strong breakthroughs in the 2026-2030 period

This direction aligns with the goal of restructuring the economy toward a more modern model, gradually reducing reliance on labor-intensive sectors while improving participation in global value chains.

Alongside attracting new investors, Phu Tho has placed strong focus on "on-site" investment promotion. Promptly addressing issues related to investment procedures, land, construction, environment, and site clearance not only speeds up project progress but also creates a positive spillover effect, helping attract additional investors.

However, to maintain growth momentum and improve the quality of investment attraction, Phu Tho still faces several challenges. Its industrial park infrastructure, logistics, and regional connectivity in some areas remain uneven; the availability of cleared land is limited; and the quality of the workforce, particularly highly skilled labor, has yet to fully meet the requirements of modern industries.

In addition, as competition for investment intensifies, reaching large corporations, strategic investors, and global supply chains requires new and more in-depth approaches.

Another point to consider is the need for digital transformation in investment promotion. Building a unified, regularly updated data system that can be shared across agencies will improve information delivery, shorten administrative processing time, and enhance transparency, which is increasingly valued by investors.

As the goal of double-digit GRDP growth places high demands on resource mobilization, maintaining and improving the effectiveness of investment attraction will remain a key lever. If it effectively captures opportunities from shifting capital flows and continues to improve the investment environment, Phu Tho will have a solid basis for strong breakthroughs in the 2026–2030 period. ■

Mở rộng không gian phát triển du lịch từ kết nối Famtrip quốc tế

Chương trình gặp mặt Đoàn Famtrip các doanh nghiệp lữ hành quốc tế diễn ra tối 8/4/2026 tại phường Việt Trì không chỉ là hoạt động xúc tiến du lịch đơn thuần, mà còn cho thấy bước chuyển chủ động của Phú Thọ trong chiến lược tiếp cận thị trường quốc tế. Với sự tham gia của hơn 80 doanh nghiệp đến từ 8 quốc gia và vùng lãnh thổ, sự kiện đã mở ra kỳ vọng mới trong việc đưa du lịch Đất Tổ vươn xa, từng bước khẳng định vị thế trên bản đồ khu vực.



Các đại biểu tham dự chương trình gặp mặt đoàn Famtrip các doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại Việt Trì, Phú Thọ

THÀNH NAM

Trong bối cảnh du lịch toàn cầu đang phục hồi mạnh mẽ sau những biến động, xu hướng tìm kiếm các điểm đến giàu bản sắc văn hóa, trải nghiệm độc đáo ngày càng gia tăng. Đây chính là lợi thế nổi bật của Phú Thọ - vùng đất cội nguồn dân tộc Việt Nam, nơi hội tụ những giá trị lịch sử, văn hóa và tâm linh đặc sắc. Tiêu biểu là Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Hùng - biểu tượng thiêng liêng gắn với tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Không chỉ vậy, Phú Thọ còn sở hữu hệ sinh thái du lịch đa dạng, từ cảnh quan trung du, miền núi đến các làng quê giàu bản sắc. Những sản phẩm như du lịch cộng đồng tại Làng cổ Hùng Lô, hay tuyến trải nghiệm Tày Thiên - Tam Đảo đã và đang tạo sức hút riêng, đặc biệt với dòng khách quốc tế ưa khám phá văn hóa bản địa.

Số liệu năm 2025 cho thấy tín hiệu tích cực của ngành du lịch địa phương với khoảng 14,5 triệu lượt khách, tổng thu đạt 14.800 tỷ đồng. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu trở thành trung tâm du lịch văn hóa - lễ hội đặc sắc của cả nước và điểm đến hàng đầu khu vực phía Bắc, Phú Thọ cần những cú hích mạnh mẽ hơn về thị trường, sản phẩm và liên kết.

Chính vì vậy, việc tổ chức các đoàn Famtrip quốc tế được xem là giải pháp hiệu quả, giúp rút ngắn khoảng cách giữa điểm đến và doanh nghiệp lữ hành. Thay vì quảng bá gián tiếp, các doanh nghiệp được trực tiếp trải nghiệm, đánh giá dịch vụ, từ đó xây dựng các tour tuyến phù hợp với thị hiếu khách hàng tại từng thị trường. Đây cũng là cách làm đã được nhiều địa phương du lịch thành công áp dụng.

Điểm đáng chú ý là tại chương trình, lãnh đạo tỉnh Phú Thọ đã thể hiện rõ thông điệp đồng hành cùng doanh nghiệp, cam kết tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch. Không chỉ dừng ở lời mời gọi, tỉnh xác định sẽ hỗ trợ xây dựng sản phẩm, kết nối thị trường, thúc đẩy trao đổi khách hai chiều và từng bước hình thành các tuyến du lịch quốc tế ổn định.

Bên cạnh đó, định hướng phát triển du lịch của Phú Thọ cũng đang bám sát xu thế mới, với trọng tâm là chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm du khách. Việc xây dựng hình ảnh điểm đến “an toàn - thân thiện - chuyên nghiệp” không chỉ là khẩu hiệu, mà đang được cụ thể hóa bằng các chính sách và hành động đồng bộ.

Từ góc độ doanh nghiệp, nhiều ý kiến tại chương trình đánh giá cao tiềm năng và sự chuẩn bị của Phú Thọ. Các doanh nghiệp quốc tế bày tỏ sự sẵn sàng hợp tác, xây dựng sản phẩm phù hợp để đưa khách đến địa phương trong thời gian tới. Điều này cho thấy, nếu được khai thác đúng hướng, Phú Thọ hoàn toàn có thể trở thành điểm đến mới nổi trong hành trình khám phá Việt Nam của du khách quốc tế.

Lãnh đạo tỉnh Phú Thọ nhấn mạnh: hoạt động Famtrip lần này không chỉ dừng lại ở việc quảng bá hình ảnh, mà còn tạo nền tảng thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài giữa Phú Thọ và các đối tác quốc tế. Trong chiến lược phát triển du lịch, đây chính là “đòn bẩy mềm” nhưng mang lại hiệu quả bền vững. Với quyết tâm của chính quyền và sự đồng hành của doanh nghiệp, du lịch Đất Tổ đang đứng trước cơ hội bứt phá, từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành điểm đến hấp dẫn của khu vực và quốc tế. ■

Expanding Tourism Space via Int'l Famtrip Connections

The international Famtrip for foreign tour operators, held on April 8, 2026 in Viet Tri ward of Phu Tho province, is not only a tourism promotion effort but also shows the province's proactive shift in its strategy to approach the international market.

THANH NAM

With the participation of more than 80 tour operators from 8 countries and territories, the event created new expectations for bringing Phu Tho's tourism further afield and gradually strengthening its position on the regional map.

In the context of global tourism recovering strongly after fluctuations, the trend of seeking destinations rich in cultural identity and unique experiences has been increasing. This is a clear advantage of Phu Tho, the ancestral land of the Vietnamese nation, where historical, cultural, and spiritual values converge. A typical example is the Hung Kings Temple Special National Relic Site, a sacred symbol associated with the Hung Kings worship belief, a representative intangible cultural heritage of humanity.

Phu Tho also possesses a diverse tourism ecosystem, ranging from midland and mountainous landscapes to villages rich in cultural identity. Products such as community-based tourism in Hung Lo Ancient Village or the Tay Thien to Tam Dao experience route have been attracting strong interest, particularly from international visitors seeking local cultural discovery.

Data from 2025 shows positive signals for the local tourism sector, with about 14.5 million visitors and total revenue reaching VND14,800 billion (US\$592 million). However, to achieve the goal of becoming a distinctive cultural and festival tourism center of the country and a leading destination in the northern region, Phu Tho requires stronger momentum in market development, product offerings, and connectivity.

Therefore, organizing international Famtrip delegations is considered an effective solution to shorten the distance between destinations and travel enterprises. Instead of indirect promotion, businesses directly experience and evaluate services, thereby building tour programs suitable for customer preferences in each market. This approach has also been applied by many successful tourism destinations.



Delegation of international tour operators to Phu Tho province

A notable point is that at the program, Phu Tho provincial leaders sent a clear message of working alongside businesses, committing to a favorable and transparent investment and business environment. Beyond invitations, the province has set a direction to support product development, improve market connectivity, promote two-way tourist exchange, and gradually develop stable international tourism routes.

In addition, Phu Tho's tourism development direction is also aligned with emerging trends, focusing on digital transformation, improving service quality, and enhancing visitor experience. Building the destination image of "safe, friendly and professional" is not only a slogan but is being implemented through coordinated policies and actions.

From the business perspective, many opinions at the program appreciated Phu Tho's potential and preparation. International enterprises expressed readiness to cooperate and develop suitable products to bring visitors to the locality in the coming period. This shows that, if properly developed, Phu Tho can become an emerging destination in the journey of exploring Vietnam for international travelers.

Phu Tho provincial leaders affirmed that this Famtrip initiative is not limited to promoting the destination image but also serves as a foundation for building long-term cooperative relations between Phu Tho and international partners. In the tourism development strategy, this serves as a soft tool with sustainable effectiveness. With the determination of local authorities and the cooperation of businesses, Phu Tho tourism is entering a period of opportunity for stronger growth, gradually working toward the goal of becoming an attractive destination in the region and internationally. ■

Các khu công nghiệp phải dẫn dắt quá trình chuyển đổi xanh và chống chịu với biến đổi khí hậu

VŨ THÁI TRƯỜNG

PHÓ TRƯỞNG ĐẠI DIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC (UNDP) TẠI VIỆT NAM, TRƯỞNG ĐƠN VỊ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ MÔI TRƯỜNG

Trong nhiều thập kỷ qua, hơn 400 khu công nghiệp của Việt Nam đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự trỗi dậy kinh tế của đất nước – thu hút đầu tư, tạo việc làm và đẩy mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên, hiện nay các khu công nghiệp đang đứng trước một phép thử mang tính quyết định: liệu chúng có thể chuyển đổi đủ nhanh để duy trì năng lực cạnh tranh trong một thế giới đang chuyển dịch nhanh chóng sang các chuỗi cung ứng phát thải thấp và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu hay không?

Câu trả lời cho câu hỏi này có ý nghĩa rất quan trọng. Ngày càng nhiều nhà đầu tư không chỉ bị thu hút bởi chi phí thấp hay hạ tầng cơ bản. Họ đang tìm kiếm nhiều hơn thế: khả năng tiếp cận năng lượng sạch, dữ liệu môi trường minh bạch, các hệ thống sản xuất tuần hoàn và cơ sở hạ tầng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sự chuyển dịch này đã và đang diễn ra. Tại một cuộc tham vấn gần đây do VCCI tổ chức, các doanh nghiệp nhấn mạnh rằng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thế hệ mới gắn chặt với đầu tư xanh. Trong bối cảnh cạnh tranh khu vực ngày càng gay gắt, việc nâng cấp các khu công nghiệp theo



Các khu công nghiệp sinh thái cho thấy hiệu quả trong thu hút đầu tư cũng như giải bài toán giảm phát thải carbon

hướng sản xuất phát thải thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu không còn là lựa chọn, mà là điều kiện thiết yếu để duy trì tăng trưởng dựa trên xuất khẩu trong những năm tới.

Quá trình chuyển đổi này không chỉ đơn thuần nhằm đáp ứng các yêu cầu tuân thủ về môi trường. Nó còn đóng vai trò trung tâm đối với năng lực cạnh tranh dài hạn.

Việt Nam đã cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050. Khi các thị trường xuất khẩu lớn đưa ra các quy định mới – bao gồm cơ chế điều chỉnh biên giới carbon, yêu cầu minh bạch hóa phát thải nghiêm ngặt hơn và các tiêu chuẩn kinh tế tuần hoàn – các tập đoàn đa quốc gia đang yêu cầu nhà cung cấp phải sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và cung cấp dữ liệu phát thải được xác minh. Những khu công nghiệp không đáp ứng được các kỳ vọng này có nguy cơ bị loại khỏi chuỗi giá trị toàn cầu.

Các khu công nghiệp hiệu quả và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu cũng đóng vai trò quan trọng đối với an ninh năng lượng. Việc giảm phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu và hạn chế rủi ro từ biến động giá năng lượng thông qua các giải pháp năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng sẽ giúp đảm bảo nguồn cung điện ổn định, tin cậy cho hoạt động sản xuất dài hạn.

Những chương trình của UNDP triển khai tại Việt Nam cho thấy, việc chuyển đổi sang các khu công nghiệp xanh, thông minh và có khả năng chống chịu không chỉ khả thi mà còn mang lại lợi ích kinh tế và môi trường rõ rệt. Những lợi ích này bao gồm giảm chi phí vận hành, tăng sức cạnh tranh, mở rộng khả năng tiếp cận thị trường và thu hút thêm đầu tư. Các giải pháp thực tiễn như cộng sinh công nghiệp, thiết bị tiết kiệm năng lượng, hệ thống tái sử dụng nước, quản lý chất thải hiệu quả hơn và các giải pháp năng lượng tái tạo như điện mặt trời mái nhà kết hợp với hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS) có thể giúp doanh nghiệp giảm đáng kể chi phí.

Tại Hải Phòng, UNDP đã hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình tái sử dụng nước thải công nghiệp tại Khu công nghiệp DEEP C. Thông qua việc thiết kế sơ đồ công nghệ tối ưu và ứng dụng công nghệ lọc màng tiên tiến, hệ thống xử lý nước để có thể tái sử dụng an toàn cho mục đích làm mát trong công nghiệp và vệ sinh các tấm pin năng lượng mặt trời. Giải pháp này giúp giảm lượng nước ngọt khai thác và chi phí xả thải, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe từ các nhà mua hàng toàn cầu.

Một nghiên cứu khả thi tiếp theo cho dự án quy mô đầy đủ với công suất xử lý 1.000m³ mỗi ngày sẽ cho thấy mức chi phí, cũng như tính khả thi kỹ thuật và tài chính cho các nhà đầu tư.

Lợi ích của quá trình chuyển đổi này rất rõ ràng và có thể thấy ngay. Sản xuất tuần hoàn và tiết kiệm năng lượng giúp giảm chi phí. Các hệ thống quản lý thông minh giúp tăng niềm tin của nhà đầu tư. Hạ tầng thích ứng với khí hậu giúp bảo vệ tài sản và người lao động.

Các công cụ số như hệ thống giám sát môi trường, theo dõi phát thải theo thời gian thực và đánh giá rủi ro khí hậu cho phép ban quản lý khu công nghiệp phát hiện sớm rủi ro, lập kế hoạch đầu tư hạ tầng hiệu quả hơn và chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu ngày càng cao của

thị trường. Điều này ngày càng quan trọng khi nhiều khu công nghiệp phải đối mặt với nguy cơ gia tăng từ bão, lũ lụt, sóng nhiệt và mực nước biển dâng – những yếu tố có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng và làm tăng chi phí vận hành cũng như bảo hiểm.

Các đánh giá của UNDP cho thấy, việc kết hợp các hệ thống thông minh này với các biện pháp “chống chịu khí hậu” – như thiết kế chống ngập, giải pháp làm mát để giảm căng thẳng nhiệt, vành đai xanh và hạ tầng giao thông bền vững – có thể giảm đáng kể thiệt hại kinh tế trong dài hạn, đồng thời bảo vệ người lao động và tài sản, qua đó củng cố khả năng chống chịu và niềm tin của nhà đầu tư.

Để thúc đẩy quá trình chuyển đổi này, ba ưu tiên cần được đặc biệt chú trọng:

Thứ nhất, xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia rõ ràng cho các khu công nghiệp xanh, thông minh và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

Dù một số khu công nghiệp tiên phong đã chứng minh tính khả thi của mô hình này, nhưng cần có các tiêu chuẩn quốc gia để mở rộng triển khai trên phạm vi các địa phương. Việc hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế sẽ giúp nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, giảm chi phí tuân thủ và chi phí vốn, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Hệ thống chứng nhận cũng sẽ cung cấp cho cơ quan quản lý một công cụ thiết thực để thúc đẩy đầu tư và theo dõi tiến độ thực hiện.

Thứ hai, xây dựng các cơ chế khuyến khích có mục tiêu để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh.

Nhiều doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư vào công nghệ sạch hơn nhưng gặp trở ngại về chi phí đầu tư ban đầu cao hoặc thiếu chuyên môn kỹ thuật. Các chương trình hỗ trợ như tài chính xanh, hỗ trợ kỹ thuật, ưu đãi thuế và các mô hình hợp tác công – tư có thể giúp tháo gỡ những rào cản này và mở khóa nguồn đầu tư rộng lớn hơn.

Thứ ba, tăng cường quan hệ đối tác.

Quá trình chuyển đổi đòi hỏi sự phối hợp trong quy hoạch, chuyển giao công nghệ, chia sẻ tri thức và đổi mới sáng tạo. Các tổ chức như VCCI, cơ quan quản lý khu công nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức phát triển đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối kinh nghiệm quốc tế với nhu cầu thực tiễn trong nước.

UNDP sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam thông qua việc cung cấp tư vấn chính sách có trọng tâm, thí điểm các giải pháp thực tiễn, nâng cao năng lực và cung cấp các công cụ số để hỗ trợ các cơ quan quản lý và nhà phát triển quy hoạch các khu công nghiệp xanh hơn và có khả năng chống chịu tốt hơn.

Các khu công nghiệp đã thúc đẩy tăng trưởng của Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua; giờ đây, chúng cần trở thành nền tảng cho quá trình chuyển đổi xanh của đất nước. Bằng cách đẩy nhanh chuyển đổi sang mô hình xanh, thông minh và thích ứng với biến đổi khí hậu, Việt Nam có thể thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao hơn, giảm thiểu rủi ro khí hậu và duy trì sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Với những lựa chọn chính sách đúng đắn ngay từ hôm nay, các khu công nghiệp sẽ tiếp tục đóng vai trò động lực thúc đẩy năng suất, xuất khẩu và tăng trưởng bền vững trong nhiều năm tới. ■

Vietnam's IPs Must Lead Transition to Green, Climate-Resilient Economy

VU THAI TRUONG

UNDP ASSISTANT RESIDENT REPRESENTATIVE IN VIETNAM, HEAD OF CLIMATE CHANGE AND ENVIRONMENT UNIT

For decades, Vietnam's 400 plus industrial parks have powered the country's economic rise - attracting investment, creating jobs, and driving exports. Today, they face a defining test: can they transform fast enough to remain competitive in a world rapidly shifting toward low-carbon, climate-resilient supply chains?

The answer matters. Increasingly investors and buyers are no longer drawn only by low costs or basic infrastructure. They are looking for something more: access to clean energy, transparent environmental data, circular production systems, and climate-resilient facilities.

This shift is already happening. At a recent consultation led by the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI), enterprises emphasized that next-generation Foreign Direct Investment (FDI) is closely tied to green investment. In a highly competitive regional economy, upgrading industrial parks for low-carbon and climate-resilient production is no longer optional, it is essential for sustaining export-driven growth in the years ahead.

This transition is not just about environmental compliance. It is central to long-term competitiveness.

Vietnam has committed to achieving Net Zero by 2050. As major export markets introduce new rules, including carbon border measures, stricter emissions disclosure, and circular economy requirements, multinational companies are demanding renewable energy, resource efficiency, and verified emissions data from their suppliers.

Industrial parks that cannot meet these expectations risk being excluded from global value chains.

More efficient and climate-resilient industrial parks are also central to energy security. By reducing dependence on imported fuels and exposure to volatile energy prices, renewable energy and efficiency measures help ensure a stable and reliable power supply for long-term production.

UNDP's work across Vietnam shows that the shift to green, smart, and resilient industrial parks is not only feasible but delivers clear economic and environmental benefits. These include lower operating costs, stronger competitiveness, improved market access, and increased investment. Practical



VSIP Nghe An is developing green and environmentally friendly standards

solutions such as industrial symbiosis, energy efficient equipment, water reuse systems, better waste management, and renewable energy solutions like rooftop solar integrated with battery energy storage system (BESS) can significantly reduce costs for businesses.

In Hai Phong, UNDP supported a pilot on industrial wastewater reuse at DEEP C Industrial Zones. Designing optimal technology flowcharts and applying advanced membrane filtration technology, the system treats water so it can be safely reused for industrial cooling and cleaning solar panels. This reduces freshwater intake and wastewater discharge costs, and help companies meet the environmental standards increasingly demanded by global buyers.

A follow-up feasibility study for a full-scale project with a treatment capacity of 1,000 cubic meters per day will provide analysis on expenditures and technical and financial viability for investors.

The benefits of this transition are immediate. Circular production and energy efficiency reduce costs. Smart management systems build investor trust. Climate-proofed infrastructure protects assets and workers.

Digital tools, such as environmental monitoring, real-time emissions tracking, and climate risk assessments, enable industrial park managers to identify risks early, plan infrastructure investments more effectively, and demonstrate

compliance with growing market expectations. This is increasingly critical as many industrial parks face rising exposure to storms, floods, heatwaves, and sea-level rise, which disrupt supply chains and drive up operating and insurance costs.

UNDP's assessments show that combining these smart systems with climate-proofing measures, such as flood-resilient design, cooling solutions for heat stress, green buffers, and resilient transport links, can significantly reduce long-term economic losses, while protecting both workers and assets, strengthening resilience and investor confidence.

To accelerate this transition, three priorities stand out:

First, set clear national standards for green, smart, and climate-resilient industrial parks.

While a small number of leading industrial parks have demonstrated what is possible, national standards are needed to scale up these efforts across provinces. Aligning with international standards would strengthen bankability, lower compliance and financing costs, and help businesses integrate more easily into global value chains. Certification would also provide authorities with a practical tool to promote investment and monitor progress.

Second, create targeted incentives for businesses to go green.

Many businesses are willing to invest in cleaner technologies but face high upfront costs or lack technical expertise. Targeted support, such as green financing programs, technical support, tax incentives, and public-private partnerships can help overcome these barriers and unlock wider investment.

Third, strengthen partnership.

The transition requires coordinated planning, technology transfer, knowledge sharing, and innovation. Institutions like VCCI, industrial park authorities, business associations, and development agencies play an important role in connecting international experience with local needs.

UNDP will continue supporting Vietnam through providing targeted policy advice, piloting practical solutions, building capacity, and offering digital tools to help authorities and developers plan greener and more resilient industrial parks.

Industrial parks have powered Vietnam's growth for decades; now they must anchor its green transformation. By accelerating the shift to green, smart, and climate-resilient models, Vietnam can attract higher-quality investment, reduce climate risks, and stay competitive in global markets. With the right policy choices today, industrial parks can continue to drive productivity, exports, and sustainable growth for years to come. ■



Ông Nguyễn Hữu Tú - Tổng Giám đốc Vinachem và ông Hatem Elgamal - Chủ tịch Kayan Group ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược giữa hai bên ở New Cairo (Ai Cập)

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam hợp tác với Kayan for International Trade đảm bảo an ninh nguyên liệu phân bón

Ngày 14/4/2026, tại New Cairo (Ai Cập), Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) và Kayan for International Trade đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược (MOU), mở ra khuôn khổ hợp tác dài hạn trong lĩnh vực cung ứng quặng apatit và phát triển thị trường các sản phẩm hóa chất, phân bón giữa hai bên.

Theo nội dung MOU, Kayan – một trong những doanh nghiệp khai thác và xuất khẩu quặng apatit lớn tại Ai Cập, chiếm khoảng 40% thị phần quốc gia sẽ cung ứng quặng apatit cho các nhà máy sản xuất phân bón của Vinachem tại Việt Nam, trên cơ sở lợi thế nguồn cung, giá cả cạnh tranh và tối ưu chi phí logistics.

Các điều khoản cụ thể về chất lượng, giá cả, tiến độ giao hàng và thanh toán sẽ được hai bên cụ thể hóa trong các hợp đồng thương mại riêng biệt trong thời gian tới. Vinachem sẽ thực hiện nhập khẩu thông qua đơn vị thương mại tại Việt Nam.

Việc ký kết được đánh giá là bước đi quan trọng trong chiến lược chủ động bảo đảm an ninh nguyên liệu cho sản xuất phân bón của Vinachem, trong bối cảnh thị trường nguyên liệu thế giới nhiều biến động.

Không chỉ dừng lại ở hợp tác cung ứng quặng apatit, hai bên còn thống nhất thúc đẩy hợp tác phát triển thị trường cho các sản phẩm thế mạnh của Vinachem như: chất tẩy rửa, sẫm lớp, phân bón hỗn hợp, pin, ắc quy và các sản phẩm công nghiệp, tiêu dùng khác.

Kayan sẽ trực tiếp trở thành nhà phân phối hoặc hỗ trợ Vinachem tiếp cận các kênh phân phối tại thị trường Ai Cập và các nước lân cận trong thời gian sớm nhất. Đây được xem là cơ hội để các sản phẩm công nghiệp – tiêu dùng của Vinachem từng bước thâm nhập thị trường Trung Đông – Bắc Phi, khu vực có nhu cầu lớn về hóa chất và phân bón.

Hai bên sẽ thành lập Ban chỉ đạo hợp tác chung (JCSC) gồm đại diện cấp cao để định kỳ rà soát tiến độ, xử lý các vấn đề phát sinh và phê duyệt các chương trình hợp tác cụ thể.

Phát biểu tại lễ ký kết, lãnh đạo hai bên khẳng định mong muốn xây dựng quan hệ đối tác chiến lược bền vững, cùng khai thác thế mạnh về tài nguyên, năng lực sản xuất và hệ thống phân phối để gia tăng giá trị cho cả hai phía.

MOU giữa Vinachem và Kayan không chỉ là câu chuyện thương mại “nhập quặng”, mà còn thể hiện tư duy hợp tác từ gốc chuỗi cung ứng, gắn với định hướng phát triển công nghệ cao, kinh tế xanh và mở rộng thị trường quốc tế của Vinachem trong giai đoạn mới. ■

Hiển Hồng

CHUYỂN ĐỔI XANH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Xu hướng tất yếu trong tái cấu trúc nền kinh tế

Các khu công nghiệp tại Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải chuyển đổi sang mô hình phát triển xanh và bền vững. Trong bối cảnh Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, việc phát triển các khu công nghiệp (KCN) sinh thái được xem là hướng đi chiến lược, vừa giúp giảm phát thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, vừa tạo nền tảng để doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

NGUYỄN TRÂM ANH

QUẢN LÝ DỰ ÁN QUỐC GIA, TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP LIÊN HỢP QUỐC, UNIDO

Bối cảnh và yêu cầu tất yếu của quá trình chuyển đổi xanh các KCN

Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ dưới tác động đồng thời của biến đổi khí hậu, khủng hoảng tài nguyên, yêu cầu phát triển bền vững và các tiêu chuẩn thương mại xanh ngày càng khắt khe. Chuyển đổi xanh không còn là lựa chọn mang tính khuyến khích mà đã trở thành điều kiện tiên quyết để duy trì năng lực cạnh tranh quốc gia và doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, các KCN tiếp tục giữ vai trò là động lực trọng yếu. Về mặt kinh tế, các khu vực này đóng góp khoảng 35 - 40% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký mới hằng năm, tạo việc làm cho hàng triệu lao động và góp phần quan trọng vào tăng trưởng chung của cả nước. Tuy nhiên, sự phát triển này đi kèm với áp lực đáng kể lên vấn đề môi trường. Theo số liệu thống kê, trung bình mỗi năm, các KCN phát sinh khoảng 23 - 25 triệu tấn chất thải công nghiệp thông thường, khoảng 800 nghìn tấn chất thải nguy hại. Đối với vấn đề năng lượng, khu vực công nghiệp cũng chiếm gần 50% tổng năng lượng sử dụng của cả nước, trở thành một trong những nguồn phát thải khí nhà kính lớn nhất của Việt Nam.

Trước áp lực cấp bách của biến đổi khí hậu và các cam kết quốc tế, đặc biệt là mục tiêu tham vọng đưa phát thải ròng về "0" (Net Zero) vào năm 2050 mà Việt Nam đã cam kết tại COP26, việc xanh hóa các KCN không còn là lựa chọn mang tính hình thức hay khuyến khích, mà đã trở thành điều kiện tiên quyết đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, nếu không sớm

xanh hóa, hàng hóa Việt Nam sẽ đứng trước nguy cơ suy giảm năng lực cạnh tranh, thậm chí bị loại khỏi chuỗi cung ứng của các thị trường khó tính như châu Âu - Hoa Kỳ bởi các hàng rào kỹ thuật xanh.

Thuận lợi trong triển khai mô hình KCN sinh thái tại Việt Nam

Cho đến nay, hệ thống văn bản pháp lý về KCN sinh thái tại Việt Nam đã từng bước được hình thành và hoàn thiện, tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai mô hình này trong thực tiễn. KCN sinh thái được quy định cụ thể trong Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý KCN, khu kinh tế (thay thế Nghị định 82/2018/NĐ-CP), cùng với Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT. Đồng thời, các nội dung liên quan cũng được lồng ghép trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cũng như trong các chiến lược, chương trình lớn của quốc gia như Quyết định số 882/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Tăng trưởng Xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn; và Quyết định số 222/QĐ-TTg năm 2025 về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035. Đặc biệt, Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới tiếp tục nhấn mạnh ưu tiên phát triển các mô hình KCN sinh thái thông minh, qua đó củng cố định hướng chiến lược dài hạn của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Song song với khung pháp lý, hệ thống tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho KCN sinh thái cũng ngày càng được hoàn thiện và chuẩn hóa. Các tài liệu như hướng dẫn thành lập KCN sinh thái mới, bộ chỉ số đánh giá hiệu quả KCN sinh thái tại Việt Nam, hướng dẫn tái sử dụng chất thải rắn trong KCN, tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin giám sát KCN sinh thái và doanh nghiệp sinh thái, hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cho doanh nghiệp trong KCN, cùng với các tài liệu về huy động tài chính, sổ tay tài chính xanh và hướng dẫn ứng phó sự cố môi trường đã tạo thành bộ công cụ hỗ trợ tương đối toàn diện. Bên cạnh đó, các công cụ hỗ trợ triển khai do Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) cung cấp cũng góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả triển khai mô hình.

Phát triển KCN sinh thái - giải pháp trọng tâm thúc đẩy chuyển đổi xanh

Từ năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã phối hợp với UNIDO triển khai Dự án thí điểm "Triển khai KCN sinh thái hướng tới mô hình KCN bền vững tại Việt Nam", với sự tài trợ của Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF), Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc



Việc xanh hóa các KCN không còn là lựa chọn mang tính hình thức hay khuyến khích, mà đã trở thành điều kiện tiên quyết đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam

(UNDP). Dự án thí điểm giai đoạn 2014 - 2019 đã đạt được nhiều thành tựu, kết quả đáng ghi nhận như: hỗ trợ xây dựng và ban hành quy định về KCN sinh thái trong Nghị định 82/2018/NĐ-CP - nền tảng pháp lý đầu tiên cho mô hình này. Dự án cũng hỗ trợ 4 KCN bao gồm Khánh Phú, Gián Khẩu (Ninh Bình), Hòa Khánh (Đà Nẵng) và Trà Nóc 1&2 (Cần Thơ) thực hiện chuyển đổi sang KCN sinh thái. Kết quả là, 57 doanh nghiệp đã được hỗ trợ trực tiếp để áp dụng các giải pháp hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP), với tổng cộng 640 giải pháp được xác định, trong đó 546 giải pháp đã được triển khai thành công. Qua đó, mỗi năm các doanh nghiệp này đã tiết kiệm 19.247MWh điện, 142.000GJ nhiên liệu hóa thạch, 606.816m³ nước, giảm thiểu sử dụng 4.225 tấn vật liệu và hóa chất, đồng thời giảm phát thải 30.600 tấn CO₂ tương đương, mang lại 3,3 triệu USD/năm lợi nhuận vận hành.

Kế thừa thành quả từ giai đoạn thí điểm, Dự án “Triển khai KCN sinh thái tại Việt Nam theo hướng tiếp cận từ Chương trình KCN sinh thái toàn cầu” (GEIPP Việt Nam) được khởi động nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - môi trường - xã hội của các ngành công nghiệp thông qua việc triển khai và nhân rộng mô hình KCN sinh thái. Dự án được thực hiện tại Hà Nội và 5 địa phương trọng điểm gồm: Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai và TP.Hồ Chí Minh. Các KCN thí điểm bao gồm KCN Deep C/Đình Vũ (Hải Phòng); KCN Amata Biên Hòa (Đồng Nai); KCN Hiệp Phước (TP.Hồ Chí Minh); KCN Hòa Khánh (Đà Nẵng) và KCN Trà Nóc 1 & 2 (Cần Thơ). Sự ra đời của Dự án GEIPP Việt Nam thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam, UNIDO và SECO trong việc thúc đẩy chuyển đổi sang nền công nghiệp xanh, có trách nhiệm và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp theo, trong giai đoạn 2020 - 2024, Dự án “Triển khai Sáng kiến KCN sinh thái toàn cầu tại Việt Nam” (GEIPP Việt Nam), do Bộ Tài chính chủ trì và UNIDO thực hiện, với sự tài trợ của Chính phủ Thụy Sĩ thông qua SECO được tiếp tục triển khai. Thông qua Dự án, UNIDO đã hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ Tài chính hoàn thiện

khung pháp lý về KCN sinh thái thông qua quá trình rà soát, cập nhật và xây dựng Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, thay thế Nghị định 82/2018/NĐ-CP. Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã hoàn thiện các tiêu chí định lượng để công nhận KCN là KCN sinh thái, thay thế những khái niệm định tính trừu tượng hoặc các khuyến khích mang tính tự nguyện trước đây. Hệ thống tiêu chuẩn này được thiết kế theo hướng tiếp cận đa phương, bao quát trách nhiệm của cả nhà đầu tư hạ tầng lẫn các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong KCN, từ đó tạo ra một khuôn khổ vận hành minh bạch và dễ dàng giám sát.

Về mặt thực tiễn, Dự án GEIPP Việt Nam đã triển khai các can thiệp kỹ thuật sâu rộng vào hoạt động của 5 KCN thí điểm gồm Deep C (Hải Phòng), Amata (Đồng Nai), Hiệp Phước (TP.Hồ Chí Minh), Hòa Khánh (Đà Nẵng) và Trà Nóc 1 & 2 (Cần Thơ). Hỗ trợ hơn 90 doanh nghiệp thực hiện RECP, với tổng cộng 889 giải pháp được xác định, trong đó 429 giải pháp đã được triển khai thành công. Nhờ đó, mỗi năm, các doanh nghiệp này đã tiết kiệm 14.378MWh điện, 264.127GJ nhiên liệu hóa thạch, 278.690m³ nước, giảm thiểu 22.180 tấn hóa chất và nguyên vật liệu, đồng thời giảm phát thải 138.994 tấn CO₂ tương đương, mang lại 2,6 triệu USD lợi nhuận vận hành, với 3,3 triệu USD vốn đầu tư huy động từ tư nhân.

Ngoài ra, dự án cũng giúp phát hiện 62 cơ hội cộng sinh công nghiệp tiềm năng, trong đó 31 cơ hội được đánh giá tiềm năng và 18 giải pháp đang triển khai hoặc đã sẵn sàng triển khai, hứa hẹn tiết kiệm đáng kể chi phí, tài nguyên và giảm phát thải cho các doanh nghiệp tham gia.

Phát triển KCN sinh thái đang nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế như UNIDO và SECO cũng như cơ hội học tập kinh nghiệm về chuyển đổi KCN sinh thái từ các quốc gia khác trong chương trình KCN sinh thái toàn cầu. Cùng với đó, nhận thức và năng lực của các bên liên quan, từ cơ quan quản lý nhà nước đến cộng đồng doanh nghiệp đang ngày càng được nâng cao, tạo nền tảng thuận lợi cho việc triển khai và nhân rộng mô hình KCN sinh thái trong thời gian tới. ■

GREEN TRANSITION OF INDUSTRIAL PARKS

Inevitable Trend in Economic Restructuring



Chan May-Lang Co Economic Zone in Hue City is being developed into a key economic zone with stronger links between industry, services, tourism and urban development

Industrial parks in Vietnam are under growing pressure to shift toward a green and sustainable development model. With Vietnam's commitment to achieving net zero emissions by 2050, eco-industrial park development is seen as a strategic direction. It helps reduce emissions, improve resource efficiency, and build a foundation for Vietnamese enterprises to take part more deeply in global supply chains.

NGUYEN TRAM ANH

NATIONAL PROJECT MANAGER, UNITED NATIONS INDUSTRIAL DEVELOPMENT ORGANIZATION (UNIDO)

Context and the inevitable need for green transition in industrial parks

Entering the third decade of the 21st century, the global growth

model is changing strongly under the combined impact of climate change, resource shortages, sustainable development requirements, and increasingly strict green trade standards. The green transition is no longer an optional direction but has become a condition for maintaining national and corporate competitiveness.

In Vietnam, industrial parks continue to be a key driver of growth. Economically, they account for about 35-40% of total newly registered foreign direct investment each year, create jobs for millions of workers, and contribute significantly to national growth. However, this development also brings major environmental pressure. According to statistics, industrial parks generate an average of 23-25 million tons of ordinary industrial waste per year and around 800,000 tons of hazardous waste. In terms of energy use, the industrial sector accounts for nearly 50% of the country's total consumption, making it one of Vietnam's largest sources of greenhouse gas emissions.

Under the urgent pressure of climate change and international commitments, particularly Vietnam's ambitious goal of achieving net zero emissions by 2050 under COP26, greening industrial parks is no longer a formal or encouraged option but has become a requirement for the business community in Vietnam. In addition, without early green transformation, Vietnamese goods risk losing competitiveness and may even be excluded from supply chains in

demanding markets such as Europe and the United States due to green technical barriers.

Advantages in implementing eco-industrial park models in Vietnam

To date, the legal framework for eco-industrial parks in Vietnam has been gradually developed and improved, creating an important foundation for implementation in practice. Eco-industrial parks are specifically regulated in Decree 35/2022/ND-CP dated May 28, 2022 of the Government on the management of industrial parks and economic zones (replacing Decree 82/2018/ND-CP), together with Circular 05/2025/TT-BKHDT. At the same time, related provisions are also included in Decree 08/2022/ND-CP detailing certain articles of the Law on Environmental Protection, as well as in major national strategies and programs such as Decision 882/QĐ-TTg on the Action Plan for the Green Growth Strategy for the 2021 to 2030 period, with a vision to 2050; Decision 687/QĐ-TTg approving the Circular Economy Development Scheme; and Decision 222/QĐ-TTg in 2025 on the National Action Plan for implementing the circular economy to 2035. In particular, Resolution 59-NQ/TW of the Politburo on international integration in the new context continues to prioritize the development of smart eco-industrial park models, thereby strengthening Vietnam's long-term strategic orientation in this field.

Alongside the legal framework, technical guidance documents for eco-industrial parks have also been improved and standardized. These include guidelines for establishing new eco-industrial parks, a set of indicators for assessing eco-industrial park performance in Vietnam, guidance on solid waste reuse in industrial parks, manuals for using information systems to monitor eco-industrial parks and eco-enterprises, greenhouse gas inventory guidance for enterprises in industrial parks, as well as materials on financial mobilization, green finance handbooks, and environmental incident response guidelines. Together, these form a relatively complete toolkit. In addition, implementation support tools provided by the United Nations Industrial Development Organization (UNIDO) have also helped improve feasibility and implementation efficiency.

Eco-industrial park development to support Vietnam's green transition

To address these challenges, since 2014, the Ministry of Planning and Investment (now the Ministry of Finance) has worked with UNIDO to implement a pilot project on eco-industrial parks in Vietnam towards a sustainable industrial zone model, funded by the Global Environment Facility (GEF), the Swiss State Secretariat for Economic Affairs (SECO), and the United Nations Development Program (UNDP).

The 2014 to 2019 pilot phase delivered important results, including support for drafting and issuing regulations on eco-industrial parks under Decree 82/2018/ND-CP, the first legal foundation for this model. The project also supported four industrial parks, including Khanh Phu and Gian Khau (Ninh Binh), Hoa Khanh (Da Nang), and Tra Noc 1 & 2 (Can Tho), in shifting toward eco-industrial parks. As a result, 57 enterprises received direct support to apply resource efficiency and cleaner production (RECP) solutions, with a total of 640 solutions identified, of which 546 were implemented. Through this, these

enterprises saved each year 19,247 MWh of electricity, 142,000 GJ of fossil fuel, and 606,816 m³ of water, reduced the use of 4,225 tons of materials and chemicals, and reduced emissions by 30,600 tons of CO₂ equivalent, generating US\$3.3 million in annual operating profit.

Building on the results of the pilot phase, the project "Implementing the Eco-Industrial Park Initiative in Vietnam under the Global Eco-Industrial Parks Program approach" (GEIPP Vietnam) was launched to improve economic, environmental, and social efficiency in industrial sectors through the implementation and scaling up of eco-industrial park models. The project is implemented in Hanoi and five key localities: Hai Phong, Da Nang, Can Tho, Dong Nai, and Ho Chi Minh City. The establishment of GEIPP Vietnam reflects a strong commitment by the Government of Vietnam, UNIDO, and SECO to advancing a transition toward a green, responsible, and climate-resilient industrial system.

Subsequently, in the 2020 to 2024 period, GEIPP Vietnam, led by the Ministry of Finance and implemented by UNIDO, with funding from the Government of Switzerland through SECO, continued to be carried out. Through the project, UNIDO provided technical assistance to the Ministry of Finance in completing the legal framework for eco-industrial parks through reviewing, updating, and developing Decree 35/2022/ND-CP, replacing Decree 82/2018/ND-CP. Decree 35/2022/ND-CP introduced quantitative criteria for recognizing an industrial park as an eco-industrial park, replacing earlier qualitative or voluntary concepts. This system of standards is designed with a multi-stakeholder approach, covering the responsibilities of both infrastructure investors and secondary enterprises operating within industrial parks, thereby creating a transparent and easily monitored operating framework.

In practice, the GEIPP Vietnam project has carried out in-depth technical interventions in five pilot industrial parks: Deep C (Hai Phong), Amata (Dong Nai), Hiep Phuoc (Ho Chi Minh City), Hoa Khanh (Da Nang), and Tra Noc 1 & 2 (Can Tho). More than 90 enterprises were supported in applying resource efficiency and cleaner production (RECP), with a total of 889 solutions identified, of which 429 were implemented. As a result, these enterprises save each year 14,378 MWh of electricity, 264,127 GJ of fossil fuel, 278,690 m³ of water, reduce 22,180 tons of chemicals and raw materials, and reduce emissions by 138,994 tons of CO₂ equivalent, generating US\$2.6 million in operating profit, along with US\$3.3 million in private investment mobilized.

In addition, the project has identified 62 potential industrial symbiosis opportunities, of which 31 were assessed at pre-feasibility level and 18 solutions are being implemented or are ready for implementation, offering potential cost savings, resource savings, and emission reductions for participating enterprises.

Eco-industrial park development is receiving attention and support from international organizations such as UNIDO and SECO, along with opportunities to learn from eco-industrial park transformation experiences in other countries under the global eco-industrial park program. At the same time, awareness and capacity among stakeholders, from state management agencies to the business community, are improving, creating favorable conditions for implementing and scaling up the eco-industrial park model in the coming period. ■



Khu Công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm công nghệ cao hàng đầu cả nước

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế

Trong bối cảnh các khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) tiếp tục giữ vai trò đầu tàu trong thu hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng, yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các KCN, KKT trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Việc tiếp tục rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách theo hướng đồng bộ, minh bạch và phù hợp thông lệ quốc tế sẽ tạo nên tảng nâng cao hiệu quả vận hành, tăng sức cạnh tranh và hướng tới phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

QUỲNH ANH

Nhiều điểm nghẽn cần tháo gỡ

Theo số liệu thống kê của Bộ Tài chính, tính đến năm 2025, Việt Nam có 478 KCN đã thành lập với tổng diện tích đất quy hoạch là 146.000ha, trong đó đất công nghiệp là 101.600ha, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 53,2%, với dư địa đất công nghiệp còn lại là 47.500ha.

Việc hình thành và phát triển các KCN, KKT đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đưa Việt Nam từng bước tham gia chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu. Đặc biệt, các KCN, KKT ngày càng đóng vai trò trung tâm trong thu hút vốn FDI. Vốn FDI trong các KCN, KKT bình quân hàng năm chiếm khoảng 40% tổng vốn FDI đăng ký tăng thêm và trong xu hướng gia tăng những năm gần đây.

Tuy nhiên, dù đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng quá trình

phát triển các KCN, KKT hiện vẫn đối mặt với không ít rào cản. Một số quy định pháp lý còn chồng chéo, thiếu thống nhất giữa các cấp, các ngành, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý thủ tục đầu tư. Bên cạnh đó, dù khung pháp lý đang được bổ sung, các nhà đầu tư hạ tầng vẫn gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận quỹ đất, thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, giải phóng mặt bằng và triển khai dự án. Bài toán nhà ở công nhân và cơ chế ưu đãi chưa đồng bộ cũng là lực cản lớn.

Theo đó, quy định của Luật Đầu tư năm 2020 về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vẫn còn những điểm chưa hợp lý. Đối với nhiều dự án đầu tư nước ngoài, dù đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Điều này làm kéo dài thời gian xử lý thủ tục hành chính và gây khó khăn cho nhà đầu tư.

Một số bất cập cũng được phát hiện trong chính sách ưu đãi thuế. Sự thiếu thống nhất giữa các quy định về ưu đãi đầu tư và các văn bản hướng dẫn của ngành thuế đã khiến nhiều doanh nghiệp và cơ quan thuế địa phương gặp khó khăn trong quá trình áp dụng.

Phát biểu tại Diễn đàn “Hoàn thiện chính sách thu hút làn sóng FDI thế hệ mới vào các KCN” do VCCI tổ chức tháng 11/2025, ông Nguyễn Đức Hiển, Phó trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương cho biết, hiện thể chế, cơ chế chính sách và môi trường kinh doanh còn nhiều rủi ro, thủ tục hành chính còn phức tạp, mất nhiều thời gian, nhất là trong cấp phép sau đầu tư (liên quan đến vấn đề đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy). Năng lực thể chế ở một số địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở khâu phân tích, thẩm định các dự án công nghệ cao,... Cơ chế khuyến khích, ưu đãi để tăng liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn chưa thỏa đáng...

Đối với các KCN, KKT, ngoài các ưu đãi chung, ưu đãi đầu tư vào các KCN hiện nay mới chủ yếu tập trung ở ưu đãi thuế và ưu đãi về hạ tầng (thuê đất đai,...); Hạ tầng và nguồn nhân lực còn là điểm nghẽn.

Ông Trương Khắc Nguyên Minh - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Prodezi Long An - Chủ đầu tư KCN Prodezi cũng cho biết, một trong những thách thức cơ bản là sự thiếu đồng bộ về khung chính sách và nhận thức giữa các cấp quản lý. Bên cạnh đó, những quy định pháp lý về trao đổi phế phẩm, mua bán chất thải tái chế vẫn còn khe hở và thủ tục rườm rà.

Những hạn chế này không chỉ làm gia tăng chi phí, rủi ro cho doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, đòi hỏi phải được rà soát và tháo gỡ một cách kịp thời, hiệu quả.

Gỡ nút thắt chính sách, mở rộng địa tầng trường

Năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu nâng tổng số KCN lên 600, với diện tích quy hoạch tăng thêm 35.000ha, đạt 181.000ha. Đặt trong bối cảnh tái cấu trúc không gian phát triển, các KCN, KKT còn nhiều địa tầng trường để hình thành các vùng động lực mới, tạo lực hút rõ rệt cho dòng vốn đầu tư. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này, theo các chuyên gia cần tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút và tận dụng hiệu quả dòng vốn FDI thế hệ mới, đưa các KCN thành trung tâm sản xuất tiên tiến, bền vững.

Nghị quyết 50-NQ/TW (năm 2019) của Bộ Chính trị đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách cho các KKT, KCN, khu công nghệ cao và các mô hình tương tự khác theo hướng xác định rõ trọng tâm phát triển và cơ chế, chính sách vượt trội phù hợp với đặc thù của từng mô hình. Năm 2022, Nghị định 35/2022/NĐ-CP về quản lý KCN, KKT được Chính phủ ban hành nhằm khắc phục điểm nghẽn tồn tại trong Nghị định 82/2018, đáp ứng yêu cầu mới, bổ sung một số mô hình KCN mới, đồng thời đồng bộ hoá với các luật mới (đầu tư, doanh nghiệp, quy hoạch, xây dựng, môi trường,...).

Đến nay, Nghị quyết 57-NQ/TW tiếp tục đặt ra nhiệm vụ “phát triển các KCN công nghệ số” - là một trong những yêu cầu để hiện thực hóa mục tiêu phát triển khoa học công nghệ của đất nước.

Đặc biệt, Nghị quyết 224/2025/QH15 (ngày 27/6/2025) đã yêu cầu “tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện quy định, có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư, phát triển các loại hình KCN, KKT mới bao gồm KCN sinh thái, KCN chuyên ngành, KCN hỗ trợ, KCN công nghệ cao, KKT chuyên biệt, khu thương mại tự do và các mô hình tương tự”. Bộ Tài chính cũng đã dự thảo Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2025. Trong đó, để xuất sửa đổi quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư và ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt. Đây sẽ là cơ hội, là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy thu hút đầu tư FDI vào các KCN.

Song song với việc hoàn thiện chính sách, theo các chuyên gia cũng cần có cơ chế sàng lọc đầu tư minh bạch, hiệu quả, với quy trình, quy định rõ ràng. Điểm nhấn quan trọng và mang tính định hướng là cần có quy định rõ ràng về chi phí cho các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính và phát triển mô hình cộng sinh công nghiệp. Cơ chế này giúp tạo ra một động lực tài chính mạnh mẽ, khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi sang công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và thực hiện các giải pháp thân thiện với môi trường.

Việt Nam đang đứng trước thời cơ lớn để chuyển mình trở thành trung tâm sản xuất gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong khu vực. Việc hoàn thiện chính sách thu hút làn sóng FDI vào các KCN sẽ đóng vai trò quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu này. Một hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế sẽ là chìa khóa mở ra không gian phát triển mới cho các KCN, KKT - những “đầu tàu” của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam. ■

Improving Mechanisms and Policies for Development of IPs and EZs

As industrial parks (IPs) and economic zones (EZs) continue to drive investment and growth in Vietnam, the need to improve policies and mechanisms governing their development has become more urgent. Continued review and adjustment toward greater consistency, transparency, and alignment with international practices will help improve operational efficiency, strengthen competitiveness, and support more sustainable development in the next phase.

QUYNH ANH

Many bottlenecks remain

According to statistics from the Ministry of Finance, by 2025 Vietnam had established 478 industrial parks with a total planned land area of 146,000 ha, including 101,600 ha for industrial use, with an occupancy rate of about 53.2% and remaining industrial land of 47,500 ha.

The formation and development of IPs and EZs have supported economic restructuring and accelerated the country's industrialization and modernization, helping Vietnam gradually join global production value chains. In particular, IPs and EZs have increasingly become central hubs for attracting FDI. Each year, FDI in IPs and EZs accounts for about 40% of total additional registered FDI and has shown a rising trend in recent years.

However, despite positive results, the development of IPs and EZs continues to face several barriers. Some legal provisions remain overlapping and inconsistent across different levels and sectors, extending the time needed to process investment procedures. In addition, although the legal framework has been gradually expanded, infrastructure investors still face difficulties accessing land, completing procedures for investment policy approval, carrying out site clearance, and implementing projects. 🖱️

☞ The issue of worker housing and inconsistent incentive mechanisms also remains a major constraint.

Procedures for granting investment registration certificates still contain several shortcomings. For many foreign investment projects, even after receiving investment policy approval from the National Assembly, the Prime Minister, or provincial people's committees, investors must still complete the process of obtaining an investment registration certificate. This requirement prolongs administrative processing and creates challenges for investors.

Certain shortcomings have also appeared in tax incentive policies. A lack of consistency between regulations on investment incentives and guidance from the tax sector has created difficulties for businesses and local tax authorities during implementation.

Speaking at the forum "Improving Policies to Attract the Next Generation of FDI into Industrial Parks," organized by the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) in November 2025, Nguyen Duc Hien, Vice Chairman of the Central Policy and Strategy Commission, said the current institutional framework, policy mechanisms, and business environment still carry considerable risks. Administrative procedures remain complex and time-consuming, particularly for post-investment licensing related to land, construction, environmental issues, and fire prevention and control. Institutional capacity in some localities has yet to meet requirements, especially in analyzing and appraising high-tech projects. Incentive mechanisms to strengthen linkages between FDI enterprises and domestic businesses have also remained insufficient.

For IPs and EZs, in addition to general incentives, current incentives for investment in industrial parks have mainly focused on tax benefits and infrastructure incentives such as land leasing. Infrastructure and human resources continue to be bottlenecks.

Truong Khac Nguyen Minh, Deputy General Director of Prodezi Long An Corporation, the developer of Prodezi Industrial Park, also said one of the fundamental challenges is the lack of consistency in policy frameworks and understanding among management levels. In addition, legal regulations governing the exchange of by-products and the trade of recyclable waste still contain gaps and cumbersome procedures.

These limitations not only increase costs and risks for businesses but also directly affect the attractiveness of the investment environment, requiring timely and effective review and solutions.

Removing policy bottlenecks and expanding growth potential

By 2030, Vietnam aims to increase the total number of industrial parks to 600, with an additional 35,000 ha of planned land, bringing the total to 181,000 ha. Within the broader restructuring of development space, IPs and EZs still have significant potential for growth, forming new dynamic regions that create a stronger pull for investment flows. However, to achieve this target, experts say institutional bottlenecks must be addressed and policy mechanisms improved to attract and effectively use the next generation of FDI, turning industrial parks into advanced and sustainable production centers.

Resolution 50-NQ/TW issued by the Politburo in 2019 called for continued research and improvements to institutional frameworks and policies for EZs, IPs, high-tech zones, and similar models, with clearer identification of development priorities and policy mechanisms suited to the characteristics of each model. In 2022, the Government issued Decree 35/2022/ND-CP on the management of IPs and EZs to address bottlenecks in Decree



Manufacturing activities in an industrial park

82/2018, respond to new requirements, introduce several new industrial park models, and align regulations with recently adopted laws on investment, enterprises, planning, construction, and environmental protection.

More recently, Resolution 57-NQ/TW set out the task of developing "digital technology industrial parks," one of the requirements for implementing the country's science and technology development goals.

In particular, Resolution 224/2025/QH15 issued on June 27, 2025 called for continued research, amendment, and improvement of regulations along with incentive policies to attract investment and develop new types of IPs and EZs. These include eco-industrial parks, specialized industrial parks, supporting industrial parks, high-tech industrial parks, specialized economic zones, free trade zones, and similar models. The Ministry of Finance has also drafted a decree detailing the implementation of the 2025 Investment Law. The draft proposes amendments to regulations on sectors eligible for investment incentives, locations eligible for investment incentives, and special investment incentives and support.

This will create favorable conditions for attracting FDI into industrial parks.

Alongside policy improvements, experts also believe that a transparent and effective investment screening mechanism is needed, supported by clear procedures and regulations. An important guiding element is the establishment of clear provisions on costs related to greenhouse gas emission reduction activities and the development of industrial symbiosis models. Such mechanisms can create strong financial incentives that encourage enterprises to adopt clean technologies, improve energy efficiency, and implement environmentally friendly solutions.

Vietnam is entering a major opportunity to transform into a regional production center linked with innovation and sustainable development. Improving policies to attract the next wave of FDI into industrial parks will play an important role in achieving this goal. A consistent and transparent legal framework aligned with international practices will be the key to opening new development space for IPs and EZs, which serve as the "locomotives" of Vietnam's industrialization, modernization, and global economic integration. ■

Chọn lọc dòng vốn FDI chất lượng cao

Trước áp lực cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gia tăng, việc nâng cao chất lượng dòng vốn FDI vào các khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) trở thành yêu cầu cấp thiết. Không chỉ dừng ở quy mô vốn, bài toán đặt ra là cần phải lựa chọn những dự án có hàm lượng công nghệ cao, quản trị hiện đại, khả năng chuyển giao và liên kết chuỗi giá trị toàn cầu.



Việc nâng cao chất lượng thu hút FDI vào các KCN, KKT là bước quan trọng trong phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050

LAN ANH

Giai đoạn mới cho hệ sinh thái KCN, KKT Việt Nam

Các KCN, KKT ngày càng trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế khi đóng góp khoảng 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký mới hằng năm, tạo việc làm cho hàng triệu lao động và góp phần đáng kể vào tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, mô hình công nghiệp truyền thống cũng đang bộc lộ nhiều hạn chế như: thiếu liên kết chuỗi, sử dụng tài nguyên kém hiệu quả, gây áp lực môi trường lớn, thiếu hạ tầng thông minh,...

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang thay đổi mạnh mẽ dưới tác động của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, các quốc gia không còn cạnh tranh bằng ưu đãi thuế đơn thuần, mà chuyển sang thu hút những dòng vốn gắn với công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Tại Việt Nam, sau nhiều năm “trải thảm đỏ” thu hút đầu tư, Việt Nam cũng đang đứng trước một bước chuyển quan trọng: chuyển từ tư duy thu hút đại trà sang lựa chọn có chọn lọc, hướng tới các dự án chất lượng cao, thân thiện môi trường và gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế nội địa. Thay vì ưu tiên các dự án thâm dụng lao động, tiêu hao năng lượng, nhiều địa phương như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, TP.Hồ Chí Minh,... đã chủ động sàng lọc, ưu tiên các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp sạch, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D) hay các ngành có giá trị gia tăng lớn.

Chia sẻ tại Diễn đàn KCN năm 2025 (IP Forum 2025) với chủ đề “Thúc đẩy đầu tư KCN trong kỷ nguyên mới” diễn ra tại TP.Hồ Chí Minh, ông Phạm Văn Nam - Phó Tổng Giám đốc Công thông tin KCN Việt Nam cho biết, tính đến năm 2025, cả nước có 478 KCN đã thành lập với tổng diện tích đất quy hoạch là 146.000ha. Hơn 320 KCN đang hoạt động, trong đó tỷ lệ lấp đầy đạt trên 79%, thể hiện nhu cầu mạnh mẽ của

thị trường và uy tín của Việt Nam trong thu hút FDI. Tuy nhiên, thách thức mới không còn là “lấp đầy” mà là tăng chất lượng dòng vốn, nâng cấp mô hình KCN, tối ưu quỹ đất và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực bền vững của các tập đoàn toàn cầu.

Phó Tổng Giám đốc Công thông tin KCN Việt Nam nhận định, trọng tâm của chiến lược phát triển thời gian tới nằm ở việc khai thác hiệu quả quỹ đất công nghiệp. Cơ hội mở rộng không gian phát triển sau sáp nhập hành chính được kỳ vọng tạo ra thương hiệu đầu tư vùng với thể chế và hạ tầng đồng bộ, qua đó thu hút dòng vốn chất lượng cao gắn với sản xuất trong nước.

Ông Đào Xuân Đức - Chủ tịch Diễn đàn KCN Việt Nam cho biết, khoảng 80% dòng vốn đầu tư toàn cầu hiện nay đang chảy vào các KCN. Các KCN đang bước vào giai đoạn chuyển đổi kép: chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Điều này bao gồm sắp xếp lại mặt bằng, nâng cấp hạ tầng, áp dụng tiêu chuẩn môi trường mới và thậm chí dừng những dự án lạc hậu, không còn phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

Cần xây dựng bộ tiêu chí sàng lọc rõ ràng

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, Việt Nam tiếp tục là điểm đến chiến lược của dòng vốn FDI nhờ môi trường chính trị - kinh tế, xã hội ổn định, thị trường tiềm năng 100 triệu dân, nguồn lao động trẻ dồi dào; hội nhập kinh tế sâu rộng,... Cùng với đó là một loạt cơ chế chính sách thu hút FDI cởi mở, thông thoáng và trọng tâm hơn.

Theo báo cáo của Cục Thống kê (Bộ Tài chính), tính đến ngày 28/2/2026, tổng số vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 6,03 tỷ USD. Trong đó, vốn FDI đăng ký mới đạt 3,54 tỷ USD với 620 dự án được cấp phép, tăng 20,2%

(xem tiếp trang 54)

Land area: **400ha**

Tổng diện tích dự án: 400ha

Land lease term: **Until 2072**

Thời hạn thuê: tới 2072

Electricity: 126MVA | Nguồn điện: 126MVA

Water supply capacity: 20,000m³/day.night | Cấp nước: 20,000m³/ngày đêm

Wastewater treatment: 13,000m³/day.night | Xử lý nước thải: 13,000m³/ngày đêm

The Eco-Centric Industrial Park

PRODEZI

Productive & Sustainable
Industrial Solutions

Luong Hoa - Binh Chanh Boulevard
Đại lộ Lương Hòa - Bình Chánh

HCMC
TP. Hồ Chí Minh

RING ROAD 3
Vành đai 3



OUR PRODUCTS | SẢN PHẨM



Industrial & Logistics Land
Đất công nghiệp và kho bãi



Administrative & Services Land
Đất hành chính và dịch vụ



RBF, RBW & BTS (under development)
Nhà xưởng xây sẵn, xây theo yêu cầu BTS (đang triển khai)

A PIONEERING ECO-CENTRIC INDUSTRIAL PARK

TIÊN PHONG KHU CÔNG NGHIỆP HƯỚNG SINH THÁI



Industrial symbiosis to reduce emissions and optimize production efficiency
Cộng sinh công nghiệp nhằm giảm phát thải và tối ưu hiệu quả sản xuất



25% of the total land area is allocated to green spaces, water bodies, and shared infrastructure
25% tổng diện tích được sử dụng cho cây xanh, mặt nước, và hạ tầng chung



20% of energy supply comes from clean and renewable energy sources
20% năng lượng tới từ các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo



100% of wastewater is treated to meet regulatory standards, with at least 25% being reused
100% nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn và ít nhất 25% được tái sử dụng



An integrated "Urban-Industrial" model that creates sustainable long-term value
Mô hình "Đô thị - Công nghiệp" tích hợp kiến tạo giá trị bền vững

FOR MORE INFORMATION, PLEASE CONTACT US AT | LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI QUA:



Ms. Kim Pham (English)
Ms. Phạm Thanh Kim (tiếng Anh)
+84 (0) 908 066 658
kim.pham@prodezi.vn



Ms. Huynh Nguyen (Japanese)
Ms. Nguyễn Diễm Huỳnh (tiếng Nhật)
+84 (0) 934 845 103
huynh.nguyen@prodezi.vn



Ms. Huong Nguyen (Chinese)
Ms. Nguyễn Mai Hương (tiếng Trung)
+84 (0) 902 873 685
huong.nguyen@prodezi.vn

PRODEZI LONG AN CORPORATION | CÔNG TY CỔ PHẦN PRODEZI LONG AN

Address: Luong Hoa - Binh Chanh Boulevard, Luong Hoa Commune, Tay Ninh Province
Địa chỉ: Đại lộ Lương Hòa - Bình Chánh, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh

Head office: The Hallmark, 15 Tran Bach Dang St., An Khanh Ward, HCMC
Văn phòng đại diện: The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, TP. HCM



Cảng container quốc tế Hateco Hải Phòng là cảng thông minh với công ra, vào tự động, cầu tàu bán tự động, có thể đón những tàu lớn nhất thế giới

Liên kết vùng - khơi thông “mạch máu” hạ tầng công nghiệp

Năm 2026, nền kinh tế hướng đến mục tiêu kim ngạch thương mại vượt mốc 1.000 tỷ USD. Trong bối cảnh chi phí logistics đang tăng mạnh, việc phá bỏ tư duy cục bộ để kiến tạo một hệ sinh thái liên kết vùng trong phát triển khu công nghiệp (KCN) và khu kinh tế (KKT) chính là chiếc “chìa khóa vàng” để bảo vệ thành quả xuất khẩu và thúc đẩy tăng trưởng.

HƯƠNG LY

Liên kết vùng - chìa khóa giảm chi phí logistic

Trong bối cảnh đó, liên kết vùng đóng vai trò như bộ khung xương để tối ưu hóa ba dòng chảy cốt lõi: logistics, nguồn lực và dữ liệu. Các địa phương trong cùng một vùng kinh tế phối hợp nhịp nhàng sẽ chia sẻ hạ tầng dùng chung như cảng biển, sân bay, đường cao tốc, tạo ra một hệ sinh thái sản xuất thống nhất và hiệu quả.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), chi phí logistics tại Việt

Nam hiện vẫn chiếm khoảng 16 - 20% GDP, cao hơn đáng kể so với mức 10 - 12% của nhiều nền kinh tế phát triển, gây tác động rất lớn đến khả năng cạnh tranh của hàng Việt. Việc liên kết vùng sẽ cho phép hình thành các “hành lang logistics” xuyên tỉnh, giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian trung chuyển và các chi phí “ẩn” phát sinh.

Điển hình cho tư duy liên kết này là sự hình thành Vành đai 3 TP.Hồ Chí Minh, tuyến đường này đóng vai trò như “sợi chỉ đỏ” xuyên chuỗi hàng chục KCN vệ tinh, giúp rút ngắn hành trình từ các công xưởng khu vực Bình Dương cũ đến cảng Hiệp Phước hay Cái Mép - Thị Vải lên đến 30% thời gian vận chuyển. Tương tự tại phía Bắc, trục cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đã biến các tỉnh miền núi phía Bắc trở thành “hậu phương” sản xuất, kết nối trực tiếp với các “tiền tuyến” xuất khẩu, tiêu biểu là cụm cảng nước sâu Lạch Huyện.

Dẫn “xóa sổ” quy hoạch phân mảnh và cục bộ

Dù đã có nhiều nghị quyết về phát triển vùng, nhưng thực trạng “mạnh ai nấy làm” tại một số nơi vẫn đang là điểm nghẽn kìm hãm năng suất. Cuộc đua của các địa phương để mở KKT đa ngành, xây dựng cảng biển sâu và sân bay riêng ngay sát nhau cho thấy có sự trùng lặp trong quy hoạch, dẫn đến tình trạng nơi thì quá tải hạ tầng, nơi lại “đắp chiếu”



☞ khu công nghiệp, gây lãng phí nguồn lực đầu tư công vô cùng lớn.

Chính sự cạnh tranh cục bộ đã xé lẻ chuỗi cung ứng. Thực tế này đã thể hiện rõ tại khu vực miền Trung, nơi hiện diện của hàng loạt cảng biển loại 1 trải dài từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi với khoảng cách địa lý khá gần nhau. Trong thời gian dài, mỗi địa phương vận hành cảng biển độc lập, thiếu sự phân vai giữa cảng container chuyên dụng và cảng hàng rời, dẫn đến hiệu suất khai thác không như kỳ vọng. Thực trạng phân mảnh không gian phát triển giữa các tỉnh, sự đầu tư cục bộ và thiếu phối hợp trong quy hoạch công nghiệp, đô thị, giao thông là những điểm nghẽn lớn, làm giảm hiệu quả khai thác hạ tầng và năng suất vùng. Điều này vô hình trung tạo ra sự chông chéo trong phát triển các KCN, khiến các nhà đầu tư FDI dễ dàng “ép giá” các địa phương về chính sách ưu đãi thuế và giá thuê đất.

Để giải quyết tận gốc bài toán chi phí và phân mảnh, định hướng phát triển KCN - KKT trong giai đoạn 2026 - 2030 phải gắn liền với các hành lang kinh tế và trung tâm logistics. Theo các chuyên gia, Việt Nam cần chuyển dịch mạnh mẽ sang xây dựng các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiện đại, liên hoàn xuyên địa giới hành chính.

Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và Tổ hợp KCN ven biển Quảng Yên (Quảng Ninh - Hải Phòng) là ví dụ về mô hình liên kết hiệu quả. Khi Hải Phòng nắm giữ hạ tầng cảng biển nước sâu hàng đầu, còn Quảng Ninh cung cấp quỹ đất công nghiệp lớn với các ưu đãi của KKT ven biển, sự kết nối qua cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đã biến khu vực này thành một vùng công nghiệp xanh liền mạch, thu hút các ông lớn công nghệ như Foxconn, Jinko Solar,...

Về kết nối trực hành lang kinh tế Đông - Tây và các cửa khẩu quốc tế, việc nâng cấp các tuyến quốc lộ nối từ cảng Đà Nẵng sang các tỉnh Tây Nguyên và nước bạn Lào, Campuchia đang biến các KCN nội địa thành những “trạm trung chuyển” chiến lược của khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng.

Để án Liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long với tâm điểm là Cần Thơ đang dần hình thành trung tâm logistics nông sản vùng - địa điểm gom hàng từ các tỉnh lân cận để sơ chế và xuất khẩu chính ngạch hàng vì vận chuyển nhờ lẽ về TP.Hồ Chí Minh như trước. Tại phía Bắc, tổ hợp khu công nghiệp Deep C (Hải Phòng - Quảng Ninh) là ví dụ của việc xóa bỏ địa giới tỉnh để xây dựng một dải công nghiệp hạ tầng xanh ven biển, tận dụng tối đa hệ thống cảng nước sâu và cao tốc liên tỉnh.

Mô hình phát triển mới đòi hỏi việc xác định rõ “phân vai” giữa các địa phương. Sự hình thành các cụm KCN - KKT liên vùng gắn với các trục cao tốc huyết mạch như cao tốc Bắc - Nam phía Đông hay các tuyến vành đai đang khởi động sẽ tạo ra lực đẩy cộng hưởng mạnh mẽ. Nhà đầu tư không còn nhìn vào lợi thế của một tỉnh riêng lẻ, mà nhìn vào năng lực logistics của cả một hành lang kinh tế.

Bên cạnh hạ tầng cứng, việc xây dựng trực dữ liệu vùng là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo tính minh bạch, chia sẻ thông tin quy hoạch và giám sát chuỗi cung ứng theo thời gian thực giữa các địa phương. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro gián đoạn vận tải toàn cầu đang có xu hướng phức tạp trong năm 2026, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện “logistics xanh” - xu thế tất yếu để hàng hóa Việt tiến sâu vào thị trường EU và Bắc Mỹ. ■

In 2026, Vietnam is targeting total trade turnover of over US\$1 trillion. As logistics costs rise, moving beyond fragmented thinking to build a regionally connected ecosystem for industrial parks (IPs) and economic zones (EZs) is key to sustaining export gains and growth.

HUONG LY

Regional connectivity - the key to lowering logistics costs

In this context, regional connectivity provides the foundation for optimizing three core flows: logistics, resources, and data. When localities within the same economic region coordinate effectively, they can share infrastructure such as seaports, airports, and expressways, creating a unified and efficient production ecosystem.

According to the World Bank (WB), Vietnam's logistics costs account for around 16-20% of GDP, significantly higher than the 10-12% seen in many developed economies, putting strong pressure on the competitiveness of Vietnamese goods. Regional connectivity allows the development of interprovincial “logistics corridors,” helping businesses reduce transit times and indirect costs.

A clear example of this approach is the development of Ho Chi Minh City's Ring Road 3. This route acts as a central link connecting dozens of satellite industrial parks, cutting travel time from former Binh Duong's production hubs to Hiep Phuoc port or Cai Mep-Thi Vai by up to 30%. Similarly, in the north, the Lao Cai-Hanoi-Hai Phong expressway corridor has turned northern mountainous provinces into production “rear bases,” directly connected to export “frontlines,” particularly the Lach Huyen deep-water port complex.

Gradually eliminating fragmented and localized planning

Despite various regional development resolutions, fragmented, locality-driven approaches in some areas remain a bottleneck to productivity. The race among localities to develop multi-sector EZs, build deep-sea ports, and establish nearby airports shows overlapping planning, leading to overloaded infrastructure in some places while others are left with underused industrial parks, resulting in inefficiencies in public investment.

This localized competition has broken up supply chains. The issue is especially clear in the central region, where a series of Class I seaports stretches from Da Nang to Quang Ngai within relatively short distances. For a long time, each locality operated its port independently, without clear roles between specialized container ports and bulk cargo ports, leading to lower-than-expected efficiency. Fragmented spatial planning, isolated investment, and limited coordination in industrial, urban, and transport planning remain major constraints, reducing infrastructure efficiency and regional productivity.

Boosting Regional Connectivity to Unlock Vietnam's Industrial Growth



Building a regionally connected ecosystem for industrial parks and economic zones is key to sustaining export gains and growth

This situation has also led to overlapping IP development, allowing FDI investors to push down tax incentives and land lease rates across localities.

To address cost challenges and fragmentation at their root, the development direction for IPs and EZs in the 2026-2030 period must align with economic corridors and logistics hubs. Experts suggest Vietnam should shift toward building large-scale, modern, and integrated industrial complexes that extend beyond administrative boundaries.

The Lach Huyen international gateway port and the Quang Yen coastal industrial park complex (Quang Ninh-Hai Phong) illustrate an effective connectivity model. With Hai Phong operating leading deep-water port infrastructure and Quang Ninh providing extensive industrial land along with coastal EZ incentives, the Ha Long-Hai Phong expressway connection has turned the area into a continuous green industrial zone, attracting major technology corporations such as Foxconn and Jinko Solar.

Regarding the East-West economic corridor and international border gate connectivity, upgrading national highways linking Da Nang port to the Central Highlands and neighboring countries such as Laos and Cambodia is turning inland industrial parks into strategic transshipment hubs within the Greater Mekong Subregion.

The Mekong Delta regional connectivity project, centered on Can Tho, is gradually forming a regional agricultural logistics hub, a collection point for goods from surrounding provinces for processing and formal export, replacing the previous model of fragmented transport to Ho Chi Minh City. In the north, the Deep C Industrial Zones (Hai Phong-Quang Ninh) exemplify the removal of provincial boundaries to develop a continuous green coastal industrial corridor, maximizing the advantages of deep-water ports and interprovincial expressways.

This new development model requires a clear definition of roles among localities. The formation of interregional IP and EZ clusters aligned with key expressway axes such as the eastern North-South expressway and emerging ring road systems will create strong combined momentum. Investors will no longer focus on the advantages of a single province but instead assess the logistics capacity of an entire economic corridor.

Beyond physical infrastructure, developing regional data corridors is necessary to ensure transparency, support the sharing of planning information, and enable real-time supply chain monitoring across localities. This helps reduce the increasing risks of global transport disruptions in 2026 while supporting businesses in adopting “green logistics,” an unavoidable trend for Vietnamese goods to expand further into EU and North American markets. ■

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU CÔNG NGHỆ CAO

Nền tảng tăng trưởng mới cho Đà Nẵng trong chuỗi giá trị toàn cầu

Trong bối cảnh thế giới đang bước vào giai đoạn chuyển dịch chuỗi cung ứng, cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các quốc gia và địa phương ngày càng gay gắt, yêu cầu đặt ra đối với các trung tâm kinh tế không chỉ dừng lại ở việc mở rộng quy mô sản xuất, mà phải nâng cao chất lượng tăng trưởng, tham gia sâu hơn vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu.



Các KCN và KCNC tại Đà Nẵng sẽ ưu tiên các dự án công nghệ cao

THANH TÙNG

Nhiều chủ trương, định hướng lớn của Trung ương đã tạo nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi mô hình phát triển. Trong đó, Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các nghị quyết, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; cùng với chủ trương xây dựng Khu thương mại tự do Đà Nẵng (FTZ) và các cơ chế, chính sách mới nhằm thúc đẩy hình thành các không gian kinh tế có tính cạnh tranh quốc tế đã mở ra những cơ hội phát triển rất lớn cho thành phố.

Những định hướng này vừa mở ra cơ hội phát triển mới, vừa đặt ra yêu cầu tái định vị vai trò của các khu công nghiệp (KCN) và Khu Công nghệ cao (KCNC) Đà Nẵng.

Trên cơ sở đó, Ban Quản lý KCNC và các KCN Đà Nẵng đã chủ động xây dựng kế hoạch và chương trình hành động nhằm cụ thể hóa các định hướng lớn của Trung ương và thành phố; tập trung tái cấu trúc chiến lược thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng hạ tầng và phát triển hệ sinh thái công nghiệp - công nghệ - đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành nền tảng tăng trưởng mới cho thành phố.

“Trong giai đoạn mới, Ban xác định vai trò không chỉ là cơ quan quản lý hành chính, mà còn là đơn vị kiến tạo môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp và góp phần định hình cấu trúc kinh tế của Đà Nẵng”, ông Vũ Quang Hùng - Trưởng Ban khẳng định.

Chuyển từ “thu hút số lượng” sang “lựa chọn chất lượng”

Ban xác định rõ nguyên tắc xuyên suốt: chuyển từ tư duy “thu hút vốn” sang “thu hút dự án chất lượng cao”.

Điều này đồng nghĩa với việc các KCN và KCNC sẽ ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, kinh tế số, logistics hiện đại, năng lượng xanh và các ngành có hàm lượng tri thức lớn. Tiêu chí lựa chọn không chỉ dựa trên quy mô vốn, mà đặt trọng tâm vào trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, cam kết chuyển giao công nghệ, mức độ tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và khả năng lan tỏa tới doanh nghiệp trong nước.

Đặc biệt, KCNC Đà Nẵng được định vị là hạt nhân của hệ sinh thái công nghệ cao, tập trung thu hút các lĩnh vực mũi nhọn như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và sản xuất thông minh. Mục tiêu là từng bước nâng cấp vị thế của thành phố, từ “điểm đến sản xuất” trở thành “trung tâm công nghệ và đổi mới sáng tạo” của khu vực miền Trung và cả nước.

Phát triển theo mô hình “Xanh – Thông minh – Tích hợp”

Trong tầm nhìn dài hạn, Ban coi hạ tầng là nền tảng chiến lược của năng lực cạnh tranh.

Hạ tầng kỹ thuật và logistics giúp tối ưu chi phí và gia tăng tính kết nối. Hạ tầng năng lượng và hạ tầng số là điều kiện tiên quyết cho các ngành công nghệ cao, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức. Quan trọng hơn, hạ tầng xanh ngày nay không còn là yếu tố bổ trợ, mà đã trở thành tiêu chuẩn bắt buộc trong thu hút các tập đoàn toàn cầu theo các chuẩn mực ESG.

Vì vậy, Ban đang từng bước chuyển đổi các KCN theo hướng sinh thái, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và cộng sinh công nghiệp; kiểm soát nghiêm ngặt các tiêu chuẩn môi trường; khuyến khích công nghệ sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả.

Song song đó, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị, xây dựng hệ thống giám sát môi trường và năng lượng tự động, minh bạch dữ liệu, nâng cao hiệu quả điều hành. Mô hình phát triển tích hợp cũng được triển khai theo hướng gắn kết sản xuất với R&D, đào tạo nguồn nhân lực và hạ tầng xã hội, hình thành không gian phát triển đồng bộ và bền vững.

Đồng hành cùng doanh nghiệp

Cơ chế “một cửa, tại chỗ” tiếp tục được hoàn thiện theo hướng rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, đẩy mạnh số hóa và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Các chính sách ưu đãi đầu tư được triển khai theo đúng khung pháp luật hiện hành, với trọng tâm dành cho dự án công nghệ cao, R&D, công nghiệp hỗ trợ và năng lượng xanh.

Bên cạnh đó, Ban chú trọng chuẩn bị quỹ đất sạch, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; đồng thời tăng cường kết nối hệ sinh thái giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, ngân hàng, đơn vị logistics, cơ sở đào tạo,... nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng tại chỗ.

Trong tầm nhìn 5 - 10 năm tới, Đà Nẵng định hướng phát triển các KCN và KCNC không chỉ là không gian sản xuất, mà trở thành hạt nhân của cấu trúc kinh tế mới, đóng vai trò cực tăng trưởng quan trọng của thành phố và toàn vùng miền Trung.

Theo đó, các KCN và KCNC sẽ được phát triển theo mô hình trung tâm sản xuất công nghệ cao và đổi mới sáng tạo, từng bước tham gia sâu hơn vào các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Thành phố ưu tiên thu hút các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, sản xuất thông minh, kinh tế số và công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao. Mục tiêu là từng bước nâng tầm Đà Nẵng từ một điểm đến sản xuất truyền thống trở thành trung tâm công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực.

Song song với phát triển công nghiệp công nghệ cao, Đà Nẵng định hướng xây dựng hệ sinh thái phát triển tích hợp



Khu Thương mại tự do Đà Nẵng được kỳ vọng tạo ra không gian kinh tế năng động với các cơ chế, chính sách mang tính cạnh tranh quốc tế

giữa công nghiệp – logistics – thương mại – dịch vụ, tạo nền tảng kết nối mạnh mẽ với các chuỗi cung ứng khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Các hạ tầng chiến lược như cảng Liên Chiểu, sân bay quốc tế Đà Nẵng, hệ thống giao thông liên vùng và hành lang kinh tế Đông – Tây sẽ đóng vai trò động lực quan trọng, mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố trong mạng lưới kinh tế khu vực.

Một trụ cột đột phá trong giai đoạn tới là tập trung xây dựng Khu thương mại tự do Đà Nẵng (FTZ). FTZ được kỳ vọng tạo ra không gian kinh tế năng động với các cơ chế, chính sách mang tính cạnh tranh quốc tế, thúc đẩy các hoạt động trung chuyển hàng hóa, thương mại quốc tế, logistics hiện đại, thương mại điện tử xuyên biên giới và các dịch vụ giá trị gia tăng. Khi được kết nối chặt chẽ với KCNC, các KCN cùng hệ thống cảng biển và hàng không, FTZ sẽ góp phần hình thành chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ nghiên cứu – sản xuất – logistics – thương mại toàn cầu.

Đặc biệt, các KCN và KCNC sẽ từng bước chuyển đổi theo hướng sinh thái, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường quốc tế. Đây vừa là yêu cầu của phát triển xanh, vừa là yếu tố quan trọng để thu hút các tập đoàn đa quốc gia trong bối cảnh các chuẩn mực ESG ngày càng trở thành tiêu chuẩn đầu tư toàn cầu. Từ đó, tạo động lực lan tỏa mạnh mẽ cho tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và hội nhập của Đà Nẵng. ■

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng

Địa chỉ: Lô A17 đường Trung tâm, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3666117

Email: dseza@danang.gov.vn

website: <https://dseza.danang.gov.vn/vi/>



Da Nang Free Trade Zone is expected to create a dynamic economic space with internationally competitive mechanisms and policies

INDUSTRIAL ZONES AND HIGH-TECH PARK

Strengthening Da Nang's New Foundation in Global Value Chain

As the world moves into a phase of supply chain realignment and competition for investment among countries and localities intensifies, economic centers are expected not only to expand production but also to improve growth quality and engage more deeply in higher value-added segments of the global value chain.

THANH TUNG

A set of major central government policies and strategic directions has laid a solid foundation for shifting the development model. These include Resolution No. 57 of the Politburo on breakthroughs in science and technology, innovation, and national digital transformation; Da Nang City's socio-economic development

strategies; and the plan to establish Da Nang Free Trade Zone (FTZ), along with new mechanisms and policies to build internationally competitive economic spaces, all of which are creating significant opportunities for the city.

These directions not only create new opportunities for growth but also require a redefinition of the role of industrial zones and the Da Nang High-Tech Park.

On that basis, the Da Nang Specific Economic Zones Authority (DSEZA) has proactively developed plans and action programs to implement central and municipal strategies, focusing on restructuring investment attraction, improving infrastructure quality, and building an industrial, technology, and innovation ecosystem, thereby gradually forming a new growth foundation for the city.

"In the new phase, we see our role not only as an administrative body but also as an institution that shapes the investment environment, supports businesses, and contributes to Da Nang's economic structure," said Vu Quang Hung, Director of the Da Nang Specific Economic Zones Authority.

From quantity to quality in investment attraction

The DSEZA has set a clear, consistent principle: shifting from a focus on “attracting capital” to “attracting high-quality projects.”

This means industrial zones and the high-tech park will prioritize projects in high technology, supporting industries, the digital economy, modern logistics, green energy, and knowledge-intensive sectors. Selection criteria are no longer based solely on capital size but instead focus on technological sophistication, innovation capacity, technology transfer commitments, participation in global supply chains, and spillover effects for domestic enterprises.

In particular, the Da Nang High-Tech Park is positioned as the core of the high-tech ecosystem, focusing on attracting key sectors such as semiconductor microchips, artificial intelligence, biotechnology, information technology, and smart manufacturing. The goal is to gradually move the city from a “manufacturing destination” to a “technology and innovation hub” for the central region and the country.

Green, smart, and integrated development

From a long-term perspective, the DSEZA views infrastructure as the strategic foundation of competitiveness.

Technical and logistics infrastructure help optimize costs and improve connectivity. Energy and digital infrastructure are essential for high-tech industries, especially in the context of digital transformation and the knowledge economy. More importantly, green infrastructure is no longer a supporting factor but has become a required standard in attracting global corporations aligned with environmental, social, and governance (ESG) benchmarks.

Accordingly, the DSEZA is gradually transforming industrial zones toward an ecological model, promoting a circular economy and industrial symbiosis, strictly enforcing environmental standards, and encouraging clean technologies and efficient energy use.

At the same time, digital transformation in governance is being accelerated through automated environmental and energy monitoring systems, greater data transparency, and improved operational efficiency. An integrated development model is also being implemented, linking production with R&D, workforce training, and social infrastructure to create a coordinated and sustainable development space.

Fostering business support

The “one-stop, on-site” mechanism continues to be refined to shorten processing times, accelerate digitalization, and provide online public services. Investment incentives are implemented in line with the current legal framework, with a focus on high-tech projects, R&D, supporting industries, and green energy.

In addition, the DSEZA places strong emphasis on preparing clean land and synchronized technical infrastructure, while strengthening ecosystem linkages among foreign direct investment (FDI) enterprises, domestic firms, banks, logistics providers, and training institutions to increase localization rates and on-site value creation.

Looking ahead 5-10 years, Da Nang aims to develop its industrial zones and high-tech park not only as production spaces



Korea-based Dentium operates in Da Nang Hi-Tech Park, producing high-tech medical, especially dental, equipment

Da Nang Specific Economic Zones Authority (DSEZA)

Address: Lot A17, Center Road, Da Nang High-Tech Park, Lien Chieu Ward, Da Nang City

Tel: 0236 3666117

Email: dseza@danang.gov.vn

Website: <https://dseza.danang.gov.vn/vi/>

but also as core elements of a new economic structure, serving as key growth poles for the city and the central region.

Accordingly, industrial zones and the high-tech park will be developed into centers for high-tech production and innovation, gradually moving into higher value-added stages of the global value chain. The city prioritizes attracting advanced sectors such as semiconductor microchips, artificial intelligence (AI), biotechnology, smart manufacturing, the digital economy, and high-tech supporting industries. The objective is to move Da Nang from a traditional manufacturing destination to a regional hub for technology and innovation.

Alongside high-tech industrial development, Da Nang is also oriented toward building an integrated ecosystem that combines industry, logistics, trade, and services, creating a strong foundation for connectivity with Asia-Pacific supply chains. Strategic infrastructure such as Lien Chieu port, Da Nang International Airport, interregional transport systems, and the East-West Economic Corridor will serve as key drivers, expanding development space and strengthening the city’s competitiveness within the regional economic network.

A key pillar in the coming period is the focused development of Da Nang Free Trade Zone (FTZ). The FTZ is expected to create a dynamic economic space with internationally competitive mechanisms and policies, promoting transshipment, international trade, modern logistics, cross-border e-commerce, and value-added services. When closely connected with the high-tech park, industrial zones, and the seaport and aviation systems, the FTZ will help form a complete value chain from research to production, logistics, and global trade.

Notably, industrial zones and the high-tech park will gradually transition toward ecological models, promoting a circular economy, efficient resource use, and compliance with international environmental standards. This aligns with green development requirements and serves as a key factor in attracting multinational corporations as ESG standards increasingly become global investment benchmarks. In turn, this will create strong spillover momentum for Da Nang’s growth, innovation, and integration. ■



KCN Giang Điền không chỉ là hạ tầng công nghiệp, mà là một hệ sinh thái sản xuất tích hợp, hướng đến công nghệ cao, vận hành thông minh và phát triển xanh

KCN GIANG ĐIỀN

Kiến tạo hệ sinh thái công nghiệp xanh - thông minh - giá trị gia tăng cao

Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng khốc liệt, các khu công nghiệp (KCN) không còn dừng lại ở vai trò cung cấp mặt bằng sản xuất, mà đang bước vào giai đoạn tái định vị với những tiêu chuẩn cao hơn về chất lượng, công nghệ và phát triển bền vững. Xu hướng chuyển dịch từ “thu hút vốn” sang “lựa chọn dự án chất lượng cao” đang trở thành thước đo mới cho năng lực cạnh tranh của các địa phương.

THANH TÙNG

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam – nơi hội tụ những động lực tăng trưởng hàng đầu của cả nước – KCN Giang Điền đang nổi lên như một mô hình phát triển mới: không chỉ là hạ tầng công nghiệp, mà là một hệ sinh thái sản xuất tích hợp, hướng đến công nghệ cao, vận hành thông minh và phát triển xanh.

Định vị chiến lược trong không gian công nghiệp vùng Đông Nam bộ

Xét trên bản đồ địa kinh tế, KCN Giang Điền sở hữu vị trí đặc biệt khi nằm tại tâm điểm của “tứ giác công nghiệp” năng động gồm TP.Hồ Chí Minh – Đồng Nai – Bình Dương – Bà Rịa Vũng Tàu. Đây là khu vực dẫn dắt tăng trưởng công nghiệp, xuất khẩu và thu hút FDI của cả nước.

Lợi thế này càng được gia tăng khi KCN nằm gần cảng hàng không quốc tế Long Thành – một trong những dự án hạ tầng chiến lược quốc gia – và có khả năng kết nối thuận lợi đến cụm cảng nước sâu Cái Mép – Thị Vải. Sự hội tụ của các trục giao thông chiến lược giúp doanh nghiệp tại đây tối ưu hóa chi phí logistics, rút ngắn thời gian vận chuyển và nâng cao năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Không chỉ là điểm kết nối, Giang Điền còn đóng vai trò như một “vùng đệm chiến lược”, đón đầu làn sóng dịch chuyển công nghiệp từ các đô thị lớn như TP.Hồ Chí Minh và Biên Hòa – nơi quỹ đất ngày càng hạn chế và chi phí sản xuất gia tăng. Đồng thời, KCN liên kết chặt chẽ với các KCN lân cận tại Trảng Bom và Long Thành, góp phần hình thành các cụm liên kết ngành quy mô lớn, tạo hiệu ứng cộng hưởng về công nghệ, nguồn lực và thị trường.

Trên bình diện chuỗi giá trị, KCN Giang Điền tập trung nâng cấp vị thế trong các khâu có giá trị gia tăng cao. Đây là bước chuyển



**TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN**

Địa chỉ: Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 84.251.3833388

Fax : 84.251.3833399

Email: szg@sonadezi-giangdien.vn

Website : <http://www.sonadezi-giangdien.vn>

quan trọng, góp phần thúc đẩy quá trình tái cấu trúc công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững và hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Lựa chọn dự án – chìa khóa của chiến lược phát triển bền vững

Thay vì đặt trọng tâm vào quy mô vốn, KCN Giang Điền xác định chất lượng dự án là yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả dài hạn. Chiến lược thu hút đầu tư được cụ thể hóa bằng hệ tiêu chí chọn lọc chặt chẽ, xoay quanh 04 trụ cột chính.

Thứ nhất, ưu tiên các ngành công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ như cơ khí chính xác, điện tử, vật liệu mới và các lĩnh vực có hàm lượng nghiên cứu – phát triển (R&D) cao. Mức độ tự động hóa và năng lực đổi mới sáng tạo trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá dự án.

Thứ hai, phát triển theo mô hình sinh thái. KCN Giang Điền không chỉ đảm bảo hệ thống xử lý môi trường đạt chuẩn cao, mà còn thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo, triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải carbon, đáp ứng các tiêu chuẩn ESG và mục tiêu Net Zero.

Thứ ba, tăng cường liên kết chuỗi cung ứng nội khu. Các dự án được lựa chọn theo hướng có khả năng dẫn dắt hoặc tham gia sâu vào hệ sinh thái công nghiệp, tạo ra mối liên kết cộng sinh, tối ưu chi phí và nâng cao sức chống chịu trước biến động thị trường.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả sử dụng đất thông qua tiêu chí suất đầu tư trên mỗi ha. Những dự án công nghệ cao, sử dụng ít diện tích nhưng tạo giá trị lớn sẽ được ưu tiên, nhằm tối đa hóa hiệu quả kinh tế và nguồn thu ngân sách.

Hạ tầng – nền tảng của lợi thế cạnh tranh thế hệ mới

Trong chiến lược thu hút đầu tư, KCN Giang Điền xác định hạ tầng không chỉ là điều kiện cần, mà còn là yếu tố tạo khác biệt. Mô hình phát triển “xanh – thông minh – tích hợp” đang được triển khai đồng bộ trên nhiều phương diện.

Hệ thống logistics được quy hoạch theo hướng kết nối đa phương thức, tận dụng lợi thế của sân bay Long Thành và các tuyến cao tốc liên vùng. Hạ tầng nội khu đồng bộ với các trung tâm kho bãi hiện đại, giúp doanh nghiệp vận hành chuỗi cung ứng linh hoạt theo mô hình “just-in-time”.

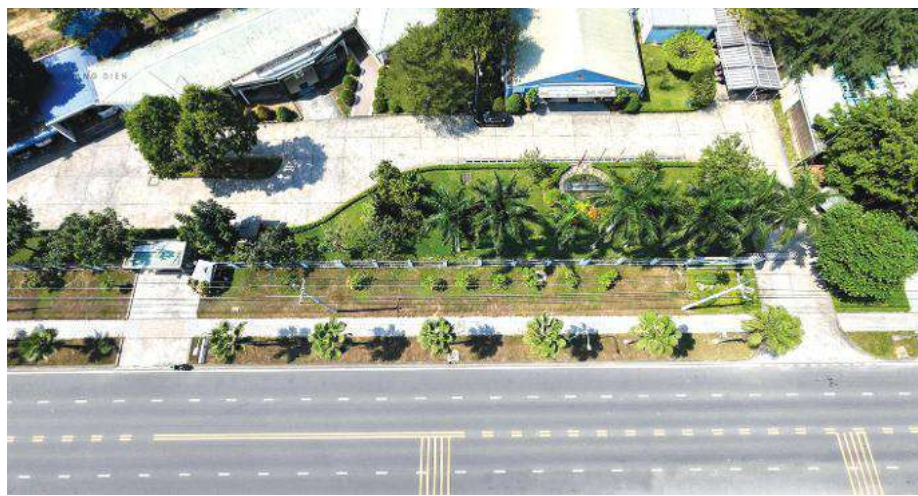
Song song với đó, hạ tầng xanh và năng lượng tái tạo cũng được đẩy mạnh với các giải pháp như điện mặt trời áp mái, tái sử dụng nước thải và tăng tỷ lệ cây xanh. Những yếu tố này không chỉ góp phần giảm chi phí vận hành mà còn nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế.

Đáng chú ý, KCN Giang Điền đang từng bước xây dựng KCN thông minh với nền tảng số hóa toàn diện: từ quản lý hạ tầng, giám sát vận hành đến phát triển hệ thống viễn thông sẵn sàng cho 5G. Đây là tiền đề quan trọng để thu hút các nhà máy sản xuất tự động hóa cao và các ngành công nghiệp công nghệ tiên tiến.

Bên cạnh đó, mô hình KCN – đô thị – dịch vụ tích hợp cũng được đẩy mạnh, với hệ thống nhà ở, tiện ích và dịch vụ đồng bộ, góp phần ổn định nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng môi trường làm việc.

Đồng hành cùng doanh nghiệp – yếu tố tạo nên giá trị bền vững

Một trong những điểm khác biệt của KCN Giang Điền nằm ở cách tiếp cận “lấy doanh nghiệp làm trung tâm”. Mô hình hỗ trợ “một cửa – một điểm dừng” được triển khai xuyên



KCN Giang Điền định vị cạnh tranh dựa trên chất lượng hệ sinh thái thay vì chỉ dựa vào lợi thế quỹ đất

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ:

Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần SONADEZI Giang Điền

• Ông Nguyễn Phi Long - Phó Giám đốc Kinh doanh;
Số điện thoại: 0946.479.489;
Email: longnp@sonadezi-giangdien.vn

- Hotline: 84.827.928.928.
- Email: szg@sonadezi-giangdien.vn
- Website: www.sonadezi-giangdien.vn

suốt vòng đời dự án.

Từ giai đoạn tiền đầu tư, doanh nghiệp được cung cấp đầy đủ thông tin và hỗ trợ hoàn tất thủ tục pháp lý. Trong quá trình triển khai, KCN Giang Điền đảm bảo hạ tầng kỹ thuật sẵn sàng đến tận hàng rào dự án, hỗ trợ các thủ tục về môi trường, phòng cháy chữa cháy cũng như cập nhật các chính sách ưu đãi thuế theo quy định của Nhà nước.

Khi đi vào vận hành, KCN tiếp tục đóng vai trò cầu nối, hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo nhân lực và kết nối doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng. Các chương trình xúc tiến hợp tác nội khu được tổ chức thường xuyên, góp phần hình thành cộng đồng doanh nghiệp gắn kết và phát triển bền vững.

Tầm nhìn 2026 - 2030: Cạnh tranh bằng hệ sinh thái

Bước vào giai đoạn phát triển mới, KCN Giang Điền định vị cạnh tranh dựa trên chất lượng hệ sinh thái thay vì chỉ dựa vào lợi thế quỹ đất.

Trọng tâm là xanh hóa toàn diện KCN, hướng tới mô hình sinh thái để đáp ứng các tiêu chuẩn ESG và Net Zero đạt chuẩn quốc tế mà các tập đoàn đa quốc gia đang đặt ra. Đồng thời, chuẩn bị sẵn sàng hạ tầng để đón các ngành công nghệ cao như điện tử, vi mạch và bán dẫn – những lĩnh vực đóng vai trò then chốt trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Song song đó là việc hoàn thiện mô hình công nghiệp – đô thị – dịch vụ, xây dựng môi trường sống và làm việc hiện đại cho chuyên gia và người lao động. Đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị nhằm nâng cao tính minh bạch, tối ưu hóa quy trình và cải thiện trải nghiệm của nhà đầu tư.

Với định hướng chiến lược rõ ràng và cách tiếp cận phát triển bền vững, KCN Giang Điền đang từng bước khẳng định vị thế là một điểm đến đầu tư chất lượng cao, góp phần quan trọng vào quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Đồng Nai nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung. ■

GIANG DIEN INDUSTRIAL PARK

Advancing Green, Smart and High Value-Added Industrial Ecosystem

Amid intensifying competition to attract investment, industrial parks are no longer limited to providing production land but are moving into a phase of repositioning with higher standards for quality, technology, and sustainable development. The shift from “attracting capital” to “selecting high-quality projects” is becoming a new benchmark for local competitiveness.

THANH TUNG

Located in the southern key economic region, where the country’s strongest growth drivers converge, Giang Dien Industrial Park is emerging as a new development model: not merely industrial infrastructure, but an integrated production ecosystem focused on high technology, smart operations, and green development.

For further information, please contact:

Business Department, Sonadezi Giang Dien Shareholding Company

• *Nguyen Phi Long, Deputy Director of Business Development; Phone: 0946.479.489; Email: longnp@sonadezi-giangdien.vn*

• *Hotline: 84.827.928.928*

• *Email: szg@sonadezi-giangdien.vn*

• *Website: www.sonadezi-giangdien.vn*

Strategic positioning in the Southeast Region’s industrial landscape

On the geoeconomic map, Giang Dien Industrial Park sits at the center of a dynamic industrial hub linking Ho Chi Minh City and Dong Nai. This area leads the country in industrial growth, exports, and FDI attraction.

This advantage is further reinforced by its proximity to Long Thanh International Airport, one of the country’s key strategic infrastructure projects, and its convenient connectivity to the Cai Mep - Thi Vai deep-water port cluster. The convergence of these major transport corridors enables businesses to optimize logistics



Giang Dien Industrial Park is an integrated ecosystem for high-tech, smart and green development

costs, shorten transit times, and strengthen participation in global supply chains.

Beyond connectivity, Giang Dien serves as a “strategic buffer zone,” capturing industrial relocation from major urban centers such as Ho Chi Minh City and Bien Hoa, where land availability is shrinking and production costs are rising. At the same time, it maintains close links with nearby industrial parks in Trang Bom and Long Thanh, contributing to the formation of large-scale industrial clusters and creating synergies in technology, resources, and markets.

Within the value chain, Giang Dien Industrial Park focuses on moving into higher value-added segments. This shift supports industrial restructuring toward a more modern and sustainable model, while enabling deeper integration into global supply networks.

Project selection as the cornerstone of a sustainable development strategy

Rather than focusing on capital scale, Giang Dien Industrial Park places project quality at the center of long-term efficiency. Its investment attraction strategy is translated into a clear selection framework built on four main pillars.

First, priority is given to high-tech and supporting industries such as precision engineering, electronics, new materials, and sectors with strong research and development (R&D) content. The level of automation and innovation capacity are key evaluation criteria.

Second, development follows an eco-industrial model. In addition to ensuring high-standard environmental treatment systems, the park encourages enterprises to adopt renewable energy, implement circular economy models, and reduce carbon emissions to meet ESG standards and Net Zero goals.

Third, supply chain linkages within the park are strengthened. Projects are selected based on their ability to lead or integrate deeply into the industrial ecosystem, fostering symbiotic relationships that optimize costs and improve resilience to market fluctuations.

Fourth, land-use efficiency is improved through investment criteria per hectare. High-tech projects that require less land while generating greater value are prioritized to maximize economic returns and budget contributions.

Infrastructure as the foundation of next-generation competitiveness

Within its investment attraction strategy, Giang Dien Industrial Park views infrastructure not only as a prerequisite but also as a differentiating factor. The “green, smart, integrated” model is being implemented in a coordinated manner across various dimensions.

The logistics system is planned with a multimodal approach, leveraging proximity to Long Thanh Airport and regional expressways. Internal infrastructure is aligned with modern warehousing and logistics centers, enabling businesses to operate flexible supply chains under a “just-in-time” model.

In parallel, green infrastructure and renewable energy solutions are being expanded, including rooftop solar power, wastewater

reuse, and increased green space. These measures help reduce operating costs while improving compliance with increasingly strict environmental standards in international markets.

Notably, Giang Dien Industrial Park is gradually developing into a smart industrial park through comprehensive digitalization, from infrastructure management and operational monitoring to the deployment of telecommunications systems ready for 5G. This creates a solid foundation for attracting highly automated manufacturing facilities and advanced technology industries.

At the same time, the integrated industrial, urban, and service model is being advanced, with synchronized housing, amenities, and services that help stabilize the workforce and improve the quality of the working environment.

Supporting enterprises as a driver of sustainable value

A defining feature of Giang Dien Industrial Park is its enterprise-centered approach. A “one-stop” support model is applied throughout the entire project lifecycle.

From the pre-investment stage, enterprises receive full information and support in completing legal procedures. During implementation, the industrial park ensures that technical infrastructure is ready up to the project boundary, while supporting environmental compliance, fire prevention and firefighting procedures, and updates on tax incentives in line with government regulations.

Once operational, the park continues to act as a connector, supporting recruitment, workforce training, and business linkages within the supply chain. Internal cooperation programs are organized regularly, contributing to the formation of a cohesive and sustainably growing business community.

Vision for 2026–2030: Competing through ecosystem quality

Entering a new phase of development, Giang Dien Industrial Park bases its competitiveness on the quality of its ecosystem rather than solely on land availability.

The focus is on comprehensive greening of the industrial park, moving toward an eco-industrial model that meets international ESG and Net Zero standards required by multinational corporations. At the same time, infrastructure is being prepared to welcome high-tech sectors such as electronics, microchips, and semiconductors, industries that play a critical role in global value chains.

In parallel, the industrial, urban, and service model continues to be refined to create a modern living and working environment for experts and workers. Digital transformation in management is also being accelerated to enhance transparency, streamline processes, and improve the investor experience.

With a clear strategic direction and a development approach grounded in sustainability, Giang Dien Industrial Park is steadily strengthening its position as a high-quality investment destination, contributing significantly to the transformation of Dong Nai’s growth model and the southern key economic region as a whole. ■



SONADEZI CORPORATION
SONADEZI GIANG DIEN SHAREHOLDING COMPANY

Address: 1st Floor, No. 1, Road 1, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province, Vietnam
Tel: 84.251.3833388 Fax : 84.251.3833399
Email: szg@sonadezi-giangdien.vn Website : <http://www.sonadezi-giangdien.vn>

KHU CÔNG NGHIỆP PHÚC LONG

Đầu tư hiệu quả - Phát triển bền vững

Trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là điểm đến chiến lược của dòng vốn đầu tư công nghiệp - sản xuất. Đặc biệt tại khu vực phía Nam, nơi hội tụ hệ sinh thái công nghiệp - logistics phát triển nhất cả nước, nhu cầu về các khu công nghiệp (KCN) quy hoạch bài bản, hạ tầng hoàn chỉnh và định hướng bền vững đang gia tăng nhanh chóng.

THANH TÙNG

Trong dòng chảy đó, KCN Phúc Long mở rộng nổi lên như một lựa chọn đáng chú ý, không chỉ ở quy mô mà còn ở chất lượng phát triển - yếu tố ngày càng mang tính quyết định đối với nhà đầu tư trong giai đoạn mới.

Định vị chiến lược trong mạng lưới công nghiệp - logistics phía Nam

KCN Phúc Long mở rộng giai đoạn 1 có quy mô 78,9ha, giai đoạn 2 khoảng 334,5ha, tọa lạc ngay quốc lộ 1, đồng thời tiếp giáp các trục giao thông quan trọng như ĐT.830 và ĐT.833B - những tuyến kết nối trực tiếp đến các hành lang logistics trọng điểm của khu vực. Từ đây, doanh nghiệp có thể nhanh chóng tiếp cận hệ thống cảng biển, sân bay quốc tế và trung tâm tiêu thụ lớn, tối ưu hóa chuỗi cung ứng từ nguyên liệu đầu vào đến xuất khẩu thành phẩm.

Không chỉ đơn thuần là lợi thế về vị trí, KCN Phúc Long mở rộng còn nằm trong vùng động lực phát triển công nghiệp đang mở rộng nhanh, nơi tập trung lực lượng lao động dồi dào và hệ thống dịch vụ hỗ trợ ngày càng hoàn thiện. Đây chính là nền tảng quan trọng giúp nhà đầu tư rút ngắn thời gian triển khai dự án và nhanh chóng đi vào vận hành ổn định.



KCN Phúc Long đang từng bước định hình vai trò là một cực tăng trưởng công nghiệp mới của khu vực phía Nam

Hạ tầng hoàn chỉnh - Gia tăng hiệu quả đầu tư

Ngoài hệ thống cấp điện, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, KCN Phúc Long có Trạm cấp khí công nghiệp CNG và LNG đáp ứng tối đa nhu cầu cho các ngành công nghiệp mũi nhọn. Điều này không chỉ đảm bảo điều kiện sản xuất thuận lợi mà còn giúp doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu khắt khe về môi trường - yếu tố ngày càng trở thành “giấy thông hành” khi tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đáng chú ý, KCN được mở rộng (giai đoạn 2) đã dành gần 36,5ha cho cây xanh và mặt nước - một tỷ lệ đáng kể trong bối cảnh quỹ đất công nghiệp ngày càng khan hiếm. Không gian sinh thái này không chỉ góp phần cải thiện môi trường làm việc mà còn nâng cao chất lượng sống cho người lao động, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thu hút và giữ chân nhân sự.

Với tổng quy mô 413,4ha, KCN Phúc Long mang đến quỹ đất sản xuất linh hoạt, cho phép doanh nghiệp dễ dàng mở rộng quy mô, tái cấu trúc dây chuyền hoặc tối ưu hóa bố trí nhà máy theo chiến lược phát triển dài hạn. Đây là lợi thế quan trọng trong bối cảnh nhiều KCN hiện hữu đang dần hạn chế khả năng mở rộng.

Lựa chọn chiến lược cho giai đoạn tăng trưởng mới

Có thể thấy, KCN Phúc Long mở rộng hội tụ đầy đủ các yếu tố cốt lõi: vị trí chiến lược, hạ tầng hoàn chỉnh, quy hoạch đồng bộ và định hướng phát triển bền vững. Trong bối cảnh thị trường đang bước vào chu kỳ chọn lọc khắt khe hơn, đây chính là “điểm rơi” phù hợp để các nhà đầu tư đón đầu cơ hội.

Không chỉ đơn thuần là một dự án mở rộng, KCN Phúc Long đang từng bước định hình vai trò là một cực tăng trưởng công nghiệp mới của khu vực phía Nam - nơi kết nối hiệu quả giữa sản xuất, logistics và phát triển bền vững. ■

Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phúc Long

Địa chỉ: Số 400, quốc lộ 1, ấp Bến Lức 9, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh

Fax: 02723 655 705

Email: sale@phuclonggroup.com

Website: <https://phuclonggroup.com/>

Youtube: <https://www.youtube.com/@khucongnghiiepphuclong>

Facebook:

<https://www.facebook.com/batdongsancongnghiiep.PhuclongIP>



PHUC LONG INDUSTRIAL PARK

Efficient Investment and Sustainable Development

Amid the ongoing restructuring of global supply chains, Vietnam has continued to affirm its position as a strategic destination for industrial and manufacturing investment. Particularly in the southern region, where the country's most advanced industrial and logistics ecosystem is concentrated, demand for well-planned industrial parks with complete infrastructure and a sustainable orientation has been rising rapidly. In this context, the expanded Phuc Long Industrial Park has emerged as a compelling option, not only for its scale but also for the quality of its development, which is becoming an increasingly decisive factor for investors in this new phase.

THANH TUNG

Strategic positioning in the southern industrial-logistics network

Phase 1 of the expanded Phuc Long Industrial Park covers 78.9 hectares, while Phase 2 spans approximately 334.5 hectares. It is located along National Highway 1 and adjacent to key transport corridors such as DT.830 and DT.833B, routes that provide direct links to the region's main logistics networks. From this location, enterprises can quickly access seaports, international airports, and major consumption centers, helping to streamline supply chains from raw material inputs to the export of finished goods.

Beyond its location, the expanded Phuc Long Industrial Park is part of a rapidly growing industrial hub, where a large labor force and an increasingly well-developed support services system are available. This creates a solid foundation for investors to shorten project timelines and move more quickly toward stable operations.

Complete infrastructure, enhancing investment efficiency

In addition to power and water supply systems, along with wastewater collection and treatment that meet QCVN 40:2011/BTNMT standards, Phuc Long Industrial Park is equipped with a CNG and LNG industrial gas supply station to meet the needs of key industries. This not only supports stable production conditions but also enables enterprises to meet strict environmental requirements, which are becoming an essential condition for participating in global supply chains.

Notably, the expanded industrial park (Phase 2) has allocated



Phuc Long is gradually shaping its role as a new industrial growth center in the southern region

Phuc Long Investment and Construction Co., Ltd.

Address: No. 400, National Highway 1, Quarter 9, Ben Luc Commune, Tay Ninh Province, Vietnam

Fax: 02723 655 705

Email: sale@phuclonggroup.com

Website: <https://phuclonggroup.com/>

Youtube: <https://www.youtube.com/@khucongnghiiepphuclong>

Facebook:

<https://www.facebook.com/batdongsancongnghiiep.PhucLongIP>

nearly 36.5 hectares to green spaces and water surfaces, a considerable proportion as industrial land becomes increasingly scarce. This ecological setting helps improve working conditions while enhancing employees' quality of life, thereby supporting enterprises in attracting and retaining talent.

With a total scale of 413.4 hectares, Phuc Long Industrial Park offers flexible production land, allowing enterprises to expand operations, restructure production lines, or optimize factory layouts in line with long-term development strategies. This is a clear advantage as many existing industrial parks are facing growing constraints on expansion.

A strategic choice for the next growth phase

The expanded Phuc Long Industrial Park brings together key elements, including a strategic location, complete infrastructure, integrated planning, and a sustainable development orientation. As the market enters a more selective cycle, this is an appropriate time for investors to position themselves ahead of emerging opportunities.

More than an expansion project, Phuc Long is gradually shaping its role as a new industrial growth center in the southern region, one that effectively connects manufacturing, logistics, and sustainable development. ■

(tiếp trang 39)

so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 61,5% về số vốn đăng ký. Điều này cho thấy, dù quy mô đầu tư ban đầu có thể được chia nhỏ để giảm rủi ro nhưng Việt Nam vẫn thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong chiến lược tái cấu trúc chuỗi cung ứng.

Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 xác định: Thu hút FDI trong giai đoạn mới của Việt Nam phải chọn lọc hơn, chất lượng hơn và hiệu quả hơn, ưu tiên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, có giá trị gia tăng lớn và lan tỏa sang doanh nghiệp trong nước.

Để đạt được mục tiêu này, các chuyên gia cho rằng, việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cần được đặt lên hàng đầu. Các cơ quan quản lý cần xây dựng bộ tiêu chí sàng lọc rõ ràng, ưu tiên những tập đoàn đa quốc gia có công nghệ lõi, năng lực đổi mới sáng tạo và cam kết chuyển giao công nghệ. Thay vì thu hút bằng mọi giá, cần kiên quyết từ chối những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc sử dụng công nghệ lạc hậu.

Theo ông Phạm Thanh Bình - Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thông tin hỗ trợ đầu tư phía Bắc, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính, Việt Nam cần phải có những giải pháp và hành động cụ thể như hoàn thiện thể chế và chính sách đầu tư, tăng tính ổn định và niềm tin cho nhà đầu tư; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính;... Song song đó, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt là logistics, năng lượng và hạ tầng KCN theo hướng hiện đại - xanh - thông minh; tăng cường xúc tiến đầu tư trọng điểm, hướng vào các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực công nghệ cao và năng lượng sạch.

Chia sẻ tại IP Forum 2025, ông Phạm Văn Nam, Phó Tổng Giám đốc Cổng Thông tin KCN Việt Nam cũng cho rằng, để nâng cao chất lượng thu hút FDI vào các KCN, KKT, các KCN Việt Nam cần chuyển đổi vai trò từ “nhà cung cấp hạ tầng” sang “trung tâm kết nối chuỗi giá trị”. Theo đó, các KCN cần là nơi doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa liên kết, chia sẻ công nghệ, tiêu chuẩn, đào tạo và cơ hội thị trường, đồng thời là mắt xích giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Ngoài ra, cần mở rộng không gian mới bằng cách tận dụng



Khu kinh tế mở Chu Lai đang dẫn đầu định vị thế là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của miền Trung

lợi thế sau sáp nhập hành chính, tạo thương hiệu đầu tư vùng, nơi sự đồng bộ về thể chế, hạ tầng và dịch vụ tạo nên sức hút vượt trội cho FDI chất lượng cao, gắn kết bền vững với sản xuất nội địa.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh mô hình KCN, KKT thông minh, bền vững. Trong đó có các trụ cột gồm: Năng lượng tái tạo, tuần hoàn nước, giảm phát thải; hạ tầng số, IoT giám sát vận hành, nền tảng dữ liệu chung; logistics 4.0 kết nối cảng biển - cảng cạn - trung tâm phân phối; gắn kết KCN - đô thị thông minh - giao thông đa phương thức để tạo môi trường sống, làm việc thuận lợi, thu hút nhân tài. Các KCN Việt Nam đáp ứng được các yếu tố “xanh”, thông minh, bền vững sẽ là những KCN thu hút được các dòng vốn FDI chất lượng.

Đặc biệt, nhân lực công nghiệp phải chuyển mạnh sang kỹ năng số và tự động hóa. Cần đổi mới căn bản giáo dục nghề nghiệp theo hướng gắn liền nhu cầu doanh nghiệp, ưu tiên kỹ năng số và tự động hóa.

Việt Nam đang đứng trước thời cơ lớn để chuyển mình trở thành trung tâm sản xuất gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong khu vực. Do đó, việc nâng cao chất lượng thu hút FDI vào các KCN, KKT là bước quan trọng trong tiến trình hoàn thiện thể chế, hướng tới phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050, giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn và bền vững trên bản đồ đầu tư toàn cầu. ■

VIETNAM Business Forum

Published by VCCI

EDITOR-IN-CHIEF: NGUYEN LINH ANH

DEPUTY EDITOR-IN-CHIEF: PHAM THE NAM

Designer: MINH NGHI

HEAD OFFICE

4th Floor, 9 Dao Duy Anh St., Hanoi

Tel: (84-24) 35743985/35743063

Fax: (84-24) 35743985

Email: vbfhanoi@gmail.com; vbf@vcci.com.vn

Website: www.vccinews.com

SOUTHERN REP. OFFICE

171 Vo Thi Sau St., HCM City

Tel: (84-28) 39321099/39321700

Fax: (84-28) 39321701

License 58/GP-BTTTT dated February 18, 2020. License 208/GP-BTTTT issued on July 30, 2024 amending and supplementing License 58/GP-BTTTT, and Document 3117/BTTTT-CBC issued on July 30, 2024 pertaining to changes in manchette and leadership

Printed by the Trade Union Printing Company

PRICE: VND25,000

Add: 8th Floor, VCCI Building, No.9 Dao Duy Anh St, Dong Da Dist, Hanoi

Tel: (+84-24) 3577 1365 / **Fax:** (+84-24) 3577 1563, 3577 2596

Email: patent@vcci-ip.com; trademark@vcci-ip.com / **Website:** www.vcci-ip.com

VCCI Intellectual Property Sole Member Company Limited (VCCI-IP CO., LTD.), belonging to the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI), is specialized in Intellectual Property legal services. VCCI-IP was established in 1984, right after the establishment of National Office of Intellectual Property of Vietnam (NOIP) in 1982, formerly as the Patent & Trademark Bureau of VCCI.

In the course of the economic renovation and global economic integration during over 40 years, VCCI-IP has continuously developed and enhanced the professional manner with the firmly asserted position as one of the largest and most prestigious IP agencies in Vietnam. VCCI-IP has annually ranked among Vietnam's best IP agencies by intellectual property magazines.

At present, VCCI-IP has been cooperating with about 500 international law firms, representing for more than 1,000 domestic and foreign clients which are leading industrial groups, multinational corporations such as Sony, Sharp, Panasonic, Toyota, Hitachi, LG, GlaxoSmithKline, Ferarri, etc. VCCI-IP is also a member of international associations such as the International Association for the Protection of Intellectual Property (AIPPI), the International Trademark Association (INTA) and the Asian Patent Attorney Association (APAA), etc.

With a strong team of more than 70 experienced and devoted lawyers, attorneys and technical experts in various fields, VCCI-IP always commits itself to bring the best services based on close and opportune coordination with clients in establishing and protecting effectively intellectual property rights in Vietnam and foreign countries.

VCCI-IP'S AREAS OF SPECIALIZATION:

- 1 Providing information of legal framework, economic and technical environment of Vietnam and foreign countries in relation to intellectual property for domestic and foreign individuals/enterprises
- 2 Providing investigation and search services on prior art, freedom-to-operate, protection status, patentability and registrability of inventions, industrial designs, trademarks etc.,
- 3 Providing legal advice and representing for filing and prosecuting applications for inventions, industrial designs, trademarks, copyrights, plant variety, etc., of domestic and foreign individuals/enterprises
- 4 Providing legal advice and representing for filing and prosecuting international application for inventions under PCT Treaty
- 5 Providing legal advice and representing for filing and prosecuting international application for industrial design under Hague Agreement
- 6 Providing legal advice and representing for filing and prosecuting international trademark applications under Madrid Protocol/Agreement and European Community trademarks (CTM)
- 7 Providing legal advice and representing for settlement of appeals, disputes of IPRs
- 8 Providing legal advice and representing for settlement of IPRs infringement and anti-counterfeits in Vietnam and foreign countries
- 9 Providing legal services and representing for Recordal of license/assignment of IPRs and technology transfer



SONADEZI
GIANG DIEN
MEMBER OF SONADEZI

GIANG DIEN INDUSTRIAL PARK DONG NAI PROVINCE

The Strategic Manufacturing Hub
In Southern Vietnam



Backed by Sonadezi Giang Dien, Giang Dien Industrial Park (529.2 ha) is the premier destination for FDI inflows, offering a sustainable and cost-optimized manufacturing environment for global investors.

- Strategic Location:** Adjacent to NH51, Bien Hoa Vung Tau Expy, and Long Thanh Int'l Airport. Easy access to Cat Lai, Phuoc An, and Cai Mep Ports.
- Ready Infrastructure:** Synchronized power, water and wastewater treatment systems.
- Cost Optimization:** Stable geological conditions help investors save 20% - 30% on foundation construction costs.
- Abundant Workforce:** Located near major residential hubs, ensuring a stable and skilled labor supply.



-  **Hotline: +84. 827 928 928**
-  **Email: szg@sonadezi-giangdien.vn**
-  **Website: www.sonadezi-giangdien.vn**

Scan to download